CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 60/2023/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ PHIÊN ĐẤU GIÁ THỨ HAI – NGÀY 02/01/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô Phiên đấu giá thứ hai - Ngày 02/01/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: Trước 16h30' ngày 30/12/2023 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 30/12/2023).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: 30 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.0555.15

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- TK9 - Bộ Công an (Để B/c);
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 41 - C.T.H.H - CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM - Q.THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 02/01/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 30/12/2023

(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	18A-396.69	Nam Định	701	12A-226.66	Lạng Sơn	1401	88A-666.66	Vĩnh Phúc	2101	18A-433.33	Nam Định	2801	15K-226.89	Hải Phòng
2	43A-836.66	Đà Nẵng	702	38A-579.99	Hà Tĩnh	1402	15K-222.29	Hải Phòng	2102	30K-811.11	Hà Nội	2802	24A-258.58	Lào Cai
3	66A-244.44	Đồng Tháp	703	82C-077.77	Kon Tum	1403	38A-599.99	Hà Tĩnh	2103	43C-289.99	Đà Nẵng	2803	30L-033.33	Hà Nội
4	99A-688.88	Bắc Ninh	704	98A-699.99	Bắc Giang	1404	65A-433.33	Cần Thơ	2104	89A-466.66	Hưng Yên	2804	51L-122.22	Hồ Chí Minh
5	12A-226.26	Lạng Sơn	705	14A-856.63	Quảng Ninh	1405	11A-114.44	Cao Bằng	2105	15K-226.26	Hải Phòng	2805	12A-233.88	Lạng Sơn
6	14C-389.89	Quảng Ninh	706	14C-388.66	Quảng Ninh	1406	23A-136.78	Hà Giang	2106	15K-226.86	Hải Phòng	2806	12A-238.96	Lạng Sơn
7	15K-245.58	Hải Phòng	707	15K-255.52	Hải Phòng	1407	30K-777.55	Hà Nội	2107	19A-567.68	Phú Thọ	2807	14C-388.86	Quảng Ninh
8	17A-411.11	Thái Bình	708	19A-565.68	Phú Thọ	1408	30K-808.98	Hà Nội	2108	19A-600.06	Phú Thọ	2808	15C-456.66	Hải Phòng
9	19A-599.79	Phú Thọ	709	19A-600.00	Phú Thọ	1409	30K-809.69	Hà Nội	2109	20A-756.68	Thái Nguyên	2809	15K-241.88	Hải Phòng
10	24A-256.66	Lào Cai	710	24A-254.44	Lào Cai	1410	30K-810.88	Hà Nội	2110	28A-228.68	Hòa Bình	2810	15K-242.22	Hải Phòng
11	24A-258.88	Lào Cai	711	24A-255.88	Lào Cai	1411	30K-933.00	Hà Nội	2111	30K-807.77	Hà Nội	2811	19A-599.96	Phú Thọ
12	27A-109.99	Điện Biên	712	30K-666.59	Hà Nội	1412	30L-111.36	Hà Nội	2112	30K-808.68	Hà Nội	2812	19A-600.09	Phú Thọ
13	30K-808.88	Hà Nội	713	30K-808.08	Hà Nội	1413	34A-756.86	Hải Dương	2113	30K-811.10	Hà Nội	2813	30K-807.97	Hà Nội
14	30K-809.88	Hà Nội	714	30K-811.13	Hà Nội	1414	35A-395.95	Ninh Bình	2114	30K-811.17	Hà Nội	2814	30K-811.16	Hà Nội
15	30K-809.96	Hà Nội	715	30K-819.90	Hà Nội	1415	37K-262.22	Nghệ An	2115	30K-813.33	Hà Nội	2815	30K-876.86	Hà Nội
16	30K-810.00	Hà Nội	716	34A-756.66	Hải Dương	1416	48A-205.55	Đắk Nông	2116	30L-023.23	Hà Nội	2816	30K-891.19	Hà Nội
17	30K-811.99	Hà Nội	717	37K-266.22	Nghệ An	1417	51L-109.99	Hồ Chí Minh	2117	30L-055.84	Hà Nội	2817	30K-993.98	Hà Nội
18	30L-161.99	Hà Nội	718	47A-666.62	Đắk Lắk	1418	51L-111.17	Hồ Chí Minh	2118	35A-378.99	Ninh Bình	2818	37K-257.77	Nghệ An
19	35A-393.93	Ninh Bình	719	49A-638.39	Lâm Đồng	1419	51L-126.68	Hồ Chí Minh	2119	37C-511.22	Nghệ An	2819	51L-092.88	Hồ Chí Minh
20	37K-299.92	Nghệ An	720	49C-345.68	Lâm Đồng	1420	51L-131.99	Hồ Chí Minh	2120	37K-267.77	Nghệ An	2820	51L-093.99	Hồ Chí Minh
21	47A-666.33	Đắk Lắk	721	51L-093.33	Hồ Chí Minh	1421	51L-179.80	Hồ Chí Minh	2121	47C-333.39	Đắk Lắk	2821	51L-096.86	Hồ Chí Minh
22	48A-207.77	Đắk Nông	722	51L-095.55	Hồ Chí Minh	1422	51L-199.98	Hồ Chí Minh	2122	51L-093.45	Hồ Chí Minh	2822	51L-096.88	Hồ Chí Minh
23	51L-383.55	Hồ Chí Minh	723	51L-096.98	Hồ Chí Minh	1423	51L-278.80	Hồ Chí Minh	2123	51L-096.96	Hồ Chí Minh	2823	51L-096.99	Hồ Chí Minh
24	63A-269.69	Tiền Giang	724	51L-199.81	Hồ Chí Minh	1424	51L-296.00	Hồ Chí Minh	2124	51L-111.16	Hồ Chí Minh	2824	61K-316.86	Bình Dương
25	66A-262.63	Đồng Tháp	725	63A-267.88	Tiền Giang	1425	61K-322.33	Bình Dương	2125	51L-340.38	Hồ Chí Minh	2825	64A-172.22	Vĩnh Long
26	69A-144.44	Cà Mau	726	70A-521.11	Tây Ninh	1426	63A-267.86	Tiền Giang	2126	64A-170.00	Vĩnh Long	2826	66A-245.55	Đồng Tháp
27	73A-329.89	Quảng Bình	727	77A-296.69	Bình Định	1427	63A-270.00	Tiền Giang	2127	65A-416.18	Cần Thơ	2827	70A-488.89	Tây Ninh
28	76A-285.55	Quảng Ngãi	728	77A-298.68	Bình Định	1428	64A-169.99	Vĩnh Long	2128	69A-145.55	Cà Mau	2828	79A-505.05	Khánh Hòa
29	77A-299.89	Bình Định	729	77A-306.38	Bình Định	1429	67A-278.78	An Giang	2129	69A-150.05	Cà Mau	2829	81A-389.79	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
30	77A-300.00	Bình Định	730	79A-503.45	Khánh Hòa	1430	77A-296.86	Bình Định	2130	73A-326.89	Quảng Bình	2830	81A-389.86	Gia Lai
31	83A-167.77	Sóc Trăng	731	88A-666.61	Vĩnh Phúc	1431	77A-297.79	Bình Định	2131	86A-277.79	Bình Thuận	2831	81A-397.79	Gia Lai
32	86A-280.00	Bình Thuận	732	92A-370.00	Quảng Nam	1432	81A-385.85	Gia Lai	2132	86A-292.92	Bình Thuận	2832	84A-122.88	Trà Vinh
33	86C-189.79	Bình Thuận	733	92A-371.11	Quảng Nam	1433	84A-121.11	Trà Vinh	2133	89A-428.88	Hưng Yên	2833	85A-121.11	Ninh Thuận
34	98A-703.33	Bắc Giang	734	92A-373.33	Quảng Nam	1434	86A-278.99	Bình Thuận	2134	98A-703.45	Bắc Giang	2834	90A-254.44	Hà Nam
35	30K-807.04	Hà Nội	735	30K-807.23	Hà Nội	1435	30K-807.08	Hà Nội	2135	30K-807.09	Hà Nội	2835	30K-807.29	Hà Nội
36	30K-807.05	Hà Nội	736	30K-807.36	Hà Nội	1436	30K-807.14	Hà Nội	2136	30K-807.22	Hà Nội	2836	30K-807.30	Hà Nội
37	30K-807.07	Hà Nội	737	30K-807.46	Hà Nội	1437	30K-807.15	Hà Nội	2137	30K-807.25	Hà Nội	2837	30K-807.40	Hà Nội
38	30K-807.35	Hà Nội	738	30K-807.56	Hà Nội	1438	30K-807.20	Hà Nội	2138	30K-807.49	Hà Nội	2838	30K-807.47	Hà Nội
39	30K-807.88	Hà Nội	739	30K-807.57	Hà Nội	1439	30K-807.34	Hà Nội	2139	30K-807.69	Hà Nội	2839	30K-807.59	Hà Nội
40	30K-807.91	Hà Nội	740	30K-807.60	Hà Nội	1440	30K-807.43	Hà Nội	2140	30K-807.82	Hà Nội	2840	30K-807.68	Hà Nội
41	30K-807.98	Hà Nội	741	30K-807.84	Hà Nội	1441	30K-807.45	Hà Nội	2141	30K-807.95	Hà Nội	2841	30K-807.70	Hà Nội
42	30K-808.01	Hà Nội	742	30K-807.92	Hà Nội	1442	30K-807.48	Hà Nội	2142	30K-808.11	Hà Nội	2842	30K-807.74	Hà Nội
43	30K-808.19	Hà Nội	743	30K-807.96	Hà Nội	1443	30K-807.50	Hà Nội	2143	30K-808.14	Hà Nội	2843	30K-808.05	Hà Nội
44	30K-808.25	Hà Nội	744	30K-808.03	Hà Nội	1444	30K-807.51	Hà Nội	2144	30K-808.20	Hà Nội	2844	30K-808.09	Hà Nội
45	30K-808.27	Hà Nội	745	30K-808.04	Hà Nội	1445	30K-807.52	Hà Nội	2145	30K-808.36	Hà Nội	2845	30K-808.34	Hà Nội
46	30K-808.40	Hà Nội	746	30K-808.17	Hà Nội	1446	30K-807.65	Hà Nội	2146	30K-808.42	Hà Nội	2846	30K-808.39	Hà Nội
47	30K-808.44	Hà Nội	747	30K-808.18	Hà Nội	1447	30K-808.02	Hà Nội	2147	30K-808.50	Hà Nội	2847	30K-808.45	Hà Nội
48	30K-808.48	Hà Nội	748	30K-808.26	Hà Nội	1448	30K-808.16	Hà Nội	2148	30K-808.73	Hà Nội	2848	30K-808.60	Hà Nội
49	30K-808.56	Hà Nội	749	30K-808.30	Hà Nội	1449	30K-808.35	Hà Nội	2149	30K-808.74	Hà Nội	2849	30K-808.87	Hà Nội
50	30K-808.64	Hà Nội	750	30K-808.49	Hà Nội	1450	30K-808.51	Hà Nội	2150	30K-809.06	Hà Nội	2850	30K-808.95	Hà Nội
51	30K-808.70	Hà Nội	751	30K-808.65	Hà Nội	1451	30K-808.52	Hà Nội	2151	30K-809.20	Hà Nội	2851	30K-809.15	Hà Nội
52	30K-808.72	Hà Nội	752	30K-808.78	Hà Nội	1452	30K-809.24	Hà Nội	2152	30K-809.31	Hà Nội	2852	30K-809.16	Hà Nội
53	30K-808.86	Hà Nội	753	30K-808.85	Hà Nội	1453	30K-809.39	Hà Nội	2153	30K-809.36	Hà Nội	2853	30K-809.29	Hà Nội
54	30K-809.09	Hà Nội	754	30K-809.00	Hà Nội	1454	30K-809.50	Hà Nội	2154	30K-809.45	Hà Nội	2854	30K-809.34	Hà Nội
55	30K-809.18	Hà Nội	755	30K-809.02	Hà Nội	1455	30K-809.51	Hà Nội	2155	30K-809.47	Hà Nội	2855	30K-809.35	Hà Nội
56	30K-809.21	Hà Nội	756	30K-809.05	Hà Nội	1456	30K-809.58	Hà Nội	2156	30K-809.54	Hà Nội	2856	30K-809.52	Hà Nội
57	30K-809.56	Hà Nội	757	30K-809.38	Hà Nội	1457	30K-809.68	Hà Nội	2157	30K-809.55	Hà Nội	2857	30K-810.05	Hà Nội
58	30K-809.63	Hà Nội	758	30K-809.60	Hà Nội	1458	30K-809.74	Hà Nội	2158	30K-809.59	Hà Nội	2858	30K-810.10	Hà Nội
59	30K-809.66	Hà Nội	759	30K-809.62	Hà Nội	1459	30K-809.87	Hà Nội	2159	30K-809.67	Hà Nội	2859	30K-810.15	Hà Nội
60	30K-809.81	Hà Nội	760	30K-809.65	Hà Nội	1460	30K-810.14	Hà Nội	2160	30K-809.77	Hà Nội	2860	30K-810.20	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
61	30K-809.84	Hà Nội	761	30K-809.78	Hà Nội	1461	30K-810.24	Hà Nội	2161	30K-809.92	Hà Nội	2861	30K-810.34	Hà Nội
62	30K-809.86	Hà Nội	762	30K-809.85	Hà Nội	1462	30K-810.48	Hà Nội	2162	30K-810.12	Hà Nội	2862	30K-810.42	Hà Nội
63	30K-809.94	Hà Nội	763	30K-809.91	Hà Nội	1463	30K-810.59	Hà Nội	2163	30K-810.19	Hà Nội	2863	30K-810.53	Hà Nội
64	30K-810.01	Hà Nội	764	30K-809.97	Hà Nội	1464	30K-810.60	Hà Nội	2164	30K-810.21	Hà Nội	2864	30K-810.56	Hà Nội
65	30K-810.02	Hà Nội	765	30K-810.03	Hà Nội	1465	30K-810.69	Hà Nội	2165	30K-810.26	Hà Nội	2865	30K-810.58	Hà Nội
66	30K-810.13	Hà Nội	766	30K-810.29	Hà Nội	1466	30K-810.80	Hà Nội	2166	30K-810.35	Hà Nội	2866	30K-810.68	Hà Nội
67	30K-810.16	Hà Nội	767	30K-810.30	Hà Nội	1467	30K-810.83	Hà Nội	2167	30K-810.57	Hà Nội	2867	30K-810.75	Hà Nội
68	30K-810.17	Hà Nội	768	30K-810.43	Hà Nội	1468	30K-810.92	Hà Nội	2168	30K-810.73	Hà Nội	2868	30K-810.90	Hà Nội
69	30K-810.32	Hà Nội	769	30K-810.61	Hà Nội	1469	30K-810.95	Hà Nội	2169	30K-810.81	Hà Nội	2869	30K-810.93	Hà Nội
70	30K-810.36	Hà Nội	770	30K-810.72	Hà Nội	1470	30K-811.04	Hà Nội	2170	30K-810.82	Hà Nội	2870	30K-810.97	Hà Nội
71	30K-810.38	Hà Nội	771	30K-810.89	Hà Nội	1471	30K-811.22	Hà Nội	2171	30K-811.05	Hà Nội	2871	30K-811.02	Hà Nội
72	30K-810.63	Hà Nội	772	30K-811.38	Hà Nội	1472	30K-811.37	Hà Nội	2172	30K-811.41	Hà Nội	2872	30K-811.03	Hà Nội
73	30K-810.66	Hà Nội	773	30K-811.46	Hà Nội	1473	30K-811.44	Hà Nội	2173	30K-811.53	Hà Nội	2873	30K-811.25	Hà Nội
74	30K-810.67	Hà Nội	774	30K-811.48	Hà Nội	1474	30K-811.49	Hà Nội	2174	30K-811.58	Hà Nội	2874	30K-811.27	Hà Nội
75	30K-810.76	Hà Nội	775	30K-811.60	Hà Nội	1475	30K-811.62	Hà Nội	2175	30K-811.61	Hà Nội	2875	30K-811.33	Hà Nội
76	30K-810.86	Hà Nội	776	30K-811.65	Hà Nội	1476	30K-811.67	Hà Nội	2176	30K-811.82	Hà Nội	2876	30K-811.94	Hà Nội
77	30K-811.06	Hà Nội	777	30K-811.72	Hà Nội	1477	30K-811.76	Hà Nội	2177	30K-811.85	Hà Nội	2877	30K-812.21	Hà Nội
78	30K-811.07	Hà Nội	778	30K-811.79	Hà Nội	1478	30K-811.78	Hà Nội	2178	30K-811.87	Hà Nội	2878	30K-812.30	Hà Nội
79	30K-811.23	Hà Nội	779	30K-811.80	Hà Nội	1479	30K-811.83	Hà Nội	2179	30K-811.93	Hà Nội	2879	30K-812.46	Hà Nội
80	30K-811.68	Hà Nội	780	30K-812.08	Hà Nội	1480	30K-811.84	Hà Nội	2180	30K-812.06	Hà Nội	2880	30K-812.64	Hà Nội
81	30K-811.71	Hà Nội	781	30K-812.09	Hà Nội	1481	30K-811.95	Hà Nội	2181	30K-812.11	Hà Nội	2881	30K-812.75	Hà Nội
82	30K-811.73	Hà Nội	782	30K-812.23	Hà Nội	1482	30K-812.19	Hà Nội	2182	30K-812.20	Hà Nội	2882	30K-812.79	Hà Nội
83	30K-811.74	Hà Nội	783	30K-812.35	Hà Nội	1483	30K-812.29	Hà Nội	2183	30K-812.24	Hà Nội	2883	30K-812.86	Hà Nội
84	30K-811.81	Hà Nội	784	30K-812.37	Hà Nội	1484	30K-812.34	Hà Nội	2184	30K-812.38	Hà Nội	2884	30K-812.90	Hà Nội
85	30K-811.96	Hà Nội	785	30K-812.39	Hà Nội	1485	30K-812.47	Hà Nội	2185	30K-812.49	Hà Nội	2885	30K-812.92	Hà Nội
86	30K-812.01	Hà Nội	786	30K-812.41	Hà Nội	1486	30K-812.53	Hà Nội	2186	30K-812.55	Hà Nội	2886	30K-813.11	Hà Nội
87	30K-812.02	Hà Nội	787	30K-812.74	Hà Nội	1487	30K-812.57	Hà Nội	2187	30K-812.68	Hà Nội	2887	30K-813.12	Hà Nội
88	30K-812.05	Hà Nội	788	30K-812.76	Hà Nội	1488	30K-812.60	Hà Nội	2188	30K-812.70	Hà Nội	2888	30K-813.48	Hà Nội
89	30K-812.16	Hà Nội	789	30K-812.77	Hà Nội	1489	30K-812.94	Hà Nội	2189	30K-812.72	Hà Nội	2889	51L-092.30	Hồ Chí Minh
90	30K-812.31	Hà Nội	790	30K-812.89	Hà Nội	1490	30K-812.97	Hà Nội	2190	30K-812.73	Hà Nội	2890	51L-092.42	Hồ Chí Minh
91	30K-812.42	Hà Nội	791	30K-813.05	Hà Nội	1491	30K-813.08	Hà Nội	2191	30K-812.93	Hà Nội	2891	51L-092.43	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
92	30K-812.43	Hà Nội	792	30K-813.06	Hà Nội	1492	30K-813.21	Hà Nội	2192	30K-813.07	Hà Nội	2892	51L-092.44	Hồ Chí Minh
93	30K-812.51	Hà Nội	793	30K-813.10	Hà Nội	1493	30K-813.23	Hà Nội	2193	30K-813.31	Hà Nội	2893	51L-092.55	Hồ Chí Minh
94	30K-812.61	Hà Nội	794	30K-813.18	Hà Nội	1494	30K-813.30	Hà Nội	2194	51L-092.27	Hồ Chí Minh	2894	51L-092.75	Hồ Chí Minh
95	30K-812.67	Hà Nội	795	30K-813.19	Hà Nội	1495	30K-813.35	Hà Nội	2195	51L-092.28	Hồ Chí Minh	2895	51L-092.89	Hồ Chí Minh
96	30K-812.98	Hà Nội	796	30K-813.20	Hà Nội	1496	51L-092.47	Hồ Chí Minh	2196	51L-092.45	Hồ Chí Minh	2896	51L-092.90	Hồ Chí Minh
97	30K-813.27	Hà Nội	797	30K-813.36	Hà Nội	1497	51L-092.59	Hồ Chí Minh	2197	51L-092.46	Hồ Chí Minh	2897	51L-093.10	Hồ Chí Minh
98	30K-813.32	Hà Nội	798	30K-813.38	Hà Nội	1498	51L-092.69	Hồ Chí Minh	2198	51L-092.50	Hồ Chí Minh	2898	51L-093.20	Hồ Chí Minh
99	30K-813.37	Hà Nội	799	30K-813.39	Hà Nội	1499	51L-092.78	Hồ Chí Minh	2199	51L-092.53	Hồ Chí Minh	2899	51L-093.22	Hồ Chí Minh
100	30K-813.42	Hà Nội	800	30K-813.44	Hà Nội	1500	51L-092.79	Hồ Chí Minh	2200	51L-092.54	Hồ Chí Minh	2900	51L-093.24	Hồ Chí Minh
101	51L-092.26	Hồ Chí Minh	801	30K-813.46	Hà Nội	1501	51L-092.84	Hồ Chí Minh	2201	51L-092.66	Hồ Chí Minh	2901	51L-093.25	Hồ Chí Minh
102	51L-092.29	Hồ Chí Minh	802	30K-813.47	Hà Nội	1502	51L-092.98	Hồ Chí Minh	2202	51L-092.67	Hồ Chí Minh	2902	51L-093.37	Hồ Chí Minh
103	51L-092.36	Hồ Chí Minh	803	30L-138.89	Hà Nội	1503	51L-093.05	Hồ Chí Minh	2203	51L-092.76	Hồ Chí Minh	2903	51L-093.39	Hồ Chí Minh
104	51L-092.37	Hồ Chí Minh	804	51L-092.58	Hồ Chí Minh	1504	51L-093.18	Hồ Chí Minh	2204	51L-092.95	Hồ Chí Minh	2904	51L-093.44	Hồ Chí Minh
105	51L-092.60	Hồ Chí Minh	805	51L-092.63	Hồ Chí Minh	1505	51L-093.34	Hồ Chí Minh	2205	51L-093.06	Hồ Chí Minh	2905	51L-093.46	Hồ Chí Minh
106	51L-092.65	Hồ Chí Minh	806	51L-092.68	Hồ Chí Minh	1506	51L-093.41	Hồ Chí Minh	2206	51L-093.08	Hồ Chí Minh	2906	51L-093.47	Hồ Chí Minh
107	51L-092.73	Hồ Chí Minh	807	51L-092.71	Hồ Chí Minh	1507	51L-093.43	Hồ Chí Minh	2207	51L-093.11	Hồ Chí Minh	2907	51L-093.48	Hồ Chí Minh
108	51L-092.81	Hồ Chí Minh	808	51L-093.02	Hồ Chí Minh	1508	51L-093.52	Hồ Chí Minh	2208	51L-093.17	Hồ Chí Minh	2908	51L-093.54	Hồ Chí Minh
109	51L-093.30	Hồ Chí Minh	809	51L-093.72	Hồ Chí Minh	1509	51L-093.56	Hồ Chí Minh	2209	51L-093.28	Hồ Chí Minh	2909	51L-093.55	Hồ Chí Minh
110	51L-093.51	Hồ Chí Minh	810	51L-093.81	Hồ Chí Minh	1510	51L-093.60	Hồ Chí Minh	2210	51L-093.29	Hồ Chí Minh	2910	51L-093.58	Hồ Chí Minh
111	51L-093.63	Hồ Chí Minh	811	51L-093.85	Hồ Chí Minh	1511	51L-093.62	Hồ Chí Minh	2211	51L-093.31	Hồ Chí Minh	2911	51L-093.79	Hồ Chí Minh
112	51L-093.67	Hồ Chí Minh	812	51L-093.89	Hồ Chí Minh	1512	51L-093.65	Hồ Chí Minh	2212	51L-093.40	Hồ Chí Minh	2912	51L-093.86	Hồ Chí Minh
113	51L-093.75	Hồ Chí Minh	813	51L-093.96	Hồ Chí Minh	1513	51L-093.70	Hồ Chí Minh	2213	51L-093.42	Hồ Chí Minh	2913	51L-094.00	Hồ Chí Minh
114	51L-094.11	Hồ Chí Minh	814	51L-094.03	Hồ Chí Minh	1514	51L-093.73	Hồ Chí Minh	2214	51L-093.71	Hồ Chí Minh	2914	51L-094.17	Hồ Chí Minh
115	51L-094.14	Hồ Chí Minh	815	51L-094.06	Hồ Chí Minh	1515	51L-093.78	Hồ Chí Minh	2215	51L-093.82	Hồ Chí Minh	2915	51L-094.18	Hồ Chí Minh
116	51L-094.34	Hồ Chí Minh	816	51L-094.12	Hồ Chí Minh	1516	51L-093.91	Hồ Chí Minh	2216	51L-093.94	Hồ Chí Minh	2916	51L-094.35	Hồ Chí Minh
117	51L-094.42	Hồ Chí Minh	817	51L-094.16	Hồ Chí Minh	1517	51L-093.95	Hồ Chí Minh	2217	51L-094.26	Hồ Chí Minh	2917	51L-094.56	Hồ Chí Minh
118	51L-094.45	Hồ Chí Minh	818	51L-094.29	Hồ Chí Minh	1518	51L-093.97	Hồ Chí Minh	2218	51L-094.27	Hồ Chí Minh	2918	51L-094.64	Hồ Chí Minh
119	51L-094.50	Hồ Chí Minh	819	51L-094.30	Hồ Chí Minh	1519	51L-094.05	Hồ Chí Minh	2219	51L-094.33	Hồ Chí Minh	2919	51L-094.70	Hồ Chí Minh
120	51L-094.57	Hồ Chí Minh	820	51L-095.03	Hồ Chí Minh	1520	51L-094.09	Hồ Chí Minh	2220	51L-094.47	Hồ Chí Minh	2920	51L-094.71	Hồ Chí Minh
121	51L-094.67	Hồ Chí Minh	821	51L-095.09	Hồ Chí Minh	1521	51L-094.23	Hồ Chí Minh	2221	51L-094.55	Hồ Chí Minh	2921	51L-094.83	Hồ Chí Minh
122	51L-094.82	Hồ Chí Minh	822	51L-095.18	Hồ Chí Minh	1522	51L-094.24	Hồ Chí Minh	2222	51L-094.63	Hồ Chí Minh	2922	51L-094.89	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
123	51L-094.98	Hồ Chí Minh	823	51L-095.22	Hồ Chí Minh	1523	51L-094.39	Hồ Chí Minh	2223	51L-094.92	Hồ Chí Minh	2923	51L-095.04	Hồ Chí Minh
124	51L-095.23	Hồ Chí Minh	824	51L-095.29	Hồ Chí Minh	1524	51L-094.43	Hồ Chí Minh	2224	51L-094.96	Hồ Chí Minh	2924	51L-095.11	Hồ Chí Minh
125	51L-095.25	Hồ Chí Minh	825	51L-095.53	Hồ Chí Minh	1525	51L-094.51	Hồ Chí Minh	2225	51L-095.32	Hồ Chí Minh	2925	51L-095.16	Hồ Chí Minh
126	51L-095.34	Hồ Chí Minh	826	51L-095.63	Hồ Chí Minh	1526	51L-094.60	Hồ Chí Minh	2226	51L-095.47	Hồ Chí Minh	2926	51L-095.17	Hồ Chí Minh
127	51L-095.46	Hồ Chí Minh	827	51L-095.83	Hồ Chí Minh	1527	51L-094.84	Hồ Chí Minh	2227	51L-095.52	Hồ Chí Minh	2927	51L-095.35	Hồ Chí Minh
128	51L-095.49	Hồ Chí Minh	828	51L-096.17	Hồ Chí Minh	1528	51L-094.85	Hồ Chí Minh	2228	51L-095.58	Hồ Chí Minh	2928	51L-095.40	Hồ Chí Minh
129	51L-095.54	Hồ Chí Minh	829	51L-096.25	Hồ Chí Minh	1529	51L-094.87	Hồ Chí Minh	2229	51L-095.60	Hồ Chí Minh	2929	51L-095.50	Hồ Chí Minh
130	51L-095.57	Hồ Chí Minh	830	51L-096.30	Hồ Chí Minh	1530	51L-094.90	Hồ Chí Minh	2230	51L-095.73	Hồ Chí Minh	2930	51L-095.51	Hồ Chí Minh
131	51L-095.65	Hồ Chí Minh	831	51L-096.48	Hồ Chí Minh	1531	51L-095.05	Hồ Chí Minh	2231	51L-095.75	Hồ Chí Minh	2931	51L-095.61	Hồ Chí Minh
132	51L-095.80	Hồ Chí Minh	832	51L-096.52	Hồ Chí Minh	1532	51L-095.07	Hồ Chí Minh	2232	51L-095.77	Hồ Chí Minh	2932	51L-095.74	Hồ Chí Minh
133	51L-095.92	Hồ Chí Minh	833	51L-096.53	Hồ Chí Minh	1533	51L-095.08	Hồ Chí Minh	2233	51L-095.90	Hồ Chí Minh	2933	51L-095.84	Hồ Chí Minh
134	51L-096.19	Hồ Chí Minh	834	51L-097.01	Hồ Chí Minh	1534	51L-095.14	Hồ Chí Minh	2234	51L-096.02	Hồ Chí Minh	2934	51L-095.87	Hồ Chí Minh
135	51L-096.27	Hồ Chí Minh	835	51L-097.17	Hồ Chí Minh	1535	51L-095.21	Hồ Chí Minh	2235	51L-096.05	Hồ Chí Minh	2935	51L-095.95	Hồ Chí Minh
136	51L-096.50	Hồ Chí Minh	836	51L-097.22	Hồ Chí Minh	1536	51L-095.28	Hồ Chí Minh	2236	51L-096.14	Hồ Chí Minh	2936	51L-096.07	Hồ Chí Minh
137	51L-096.57	Hồ Chí Minh	837	11A-113.50	Cao Bằng	1537	51L-095.48	Hồ Chí Minh	2237	51L-096.34	Hồ Chí Minh	2937	51L-096.08	Hồ Chí Minh
138	51L-096.61	Hồ Chí Minh	838	11A-113.56	Cao Bằng	1538	51L-095.69	Hồ Chí Minh	2238	51L-096.73	Hồ Chí Minh	2938	51L-096.39	Hồ Chí Minh
139	51L-096.76	Hồ Chí Minh	839	11A-113.60	Cao Bằng	1539	51L-095.70	Hồ Chí Minh	2239	51L-096.79	Hồ Chí Minh	2939	51L-096.68	Hồ Chí Minh
140	51L-096.84	Hồ Chí Minh	840	11A-113.76	Cao Bằng	1540	51L-095.72	Hồ Chí Minh	2240	51L-096.89	Hồ Chí Minh	2940	51L-096.75	Hồ Chí Minh
141	51L-096.85	Hồ Chí Minh	841	11A-113.84	Cao Bằng	1541	51L-095.76	Hồ Chí Minh	2241	51L-096.95	Hồ Chí Minh	2941	51L-096.80	Hồ Chí Minh
142	51L-096.92	Hồ Chí Minh	842	11A-114.18	Cao Bằng	1542	51L-095.89	Hồ Chí Minh	2242	51L-097.06	Hồ Chí Minh	2942	51L-097.05	Hồ Chí Minh
143	51L-097.02	Hồ Chí Minh	843	11A-114.19	Cao Bằng	1543	51L-095.93	Hồ Chí Minh	2243	51L-097.07	Hồ Chí Minh	2943	51L-097.28	Hồ Chí Minh
144	51L-097.23	Hồ Chí Minh	844	11A-114.37	Cao Bằng	1544	51L-095.96	Hồ Chí Minh	2244	51L-097.11	Hồ Chí Minh	2944	51L-097.29	Hồ Chí Minh
145	51L-097.27	Hồ Chí Minh	845	12A-233.54	Lạng Sơn	1545	51L-096.00	Hồ Chí Minh	2245	51L-097.16	Hồ Chí Minh	2945	11A-113.55	Cao Bằng
146	11A-113.51	Cao Bằng	846	12A-233.66	Lạng Sơn	1546	51L-096.04	Hồ Chí Minh	2246	51L-097.24	Hồ Chí Minh	2946	11A-113.64	Cao Bằng
147	11A-113.62	Cao Bằng	847	12A-233.67	Lạng Sơn	1547	51L-096.06	Hồ Chí Minh	2247	11A-113.53	Cao Bằng	2947	11A-113.69	Cao Bằng
148	11A-113.72	Cao Bằng	848	12A-233.68	Lạng Sơn	1548	51L-096.09	Hồ Chí Minh	2248	11A-113.61	Cao Bằng	2948	11A-113.78	Cao Bằng
149	11A-113.75	Cao Bằng	849	12A-233.69	Lạng Sơn	1549	51L-096.12	Hồ Chí Minh	2249	11A-113.63	Cao Bằng	2949	11A-113.82	Cao Bằng
150	11A-113.87	Cao Bằng	850	12A-233.75	Lạng Sơn	1550	51L-096.16	Hồ Chí Minh	2250	11A-113.96	Cao Bằng	2950	11A-113.99	Cao Bằng
151	11A-114.06	Cao Bằng	851	12A-233.83	Lạng Sơn	1551	51L-096.35	Hồ Chí Minh	2251	11A-114.28	Cao Bằng	2951	11A-114.02	Cao Bằng
152	11A-114.16	Cao Bằng	852	12A-233.85	Lạng Sơn	1552	51L-096.36	Hồ Chí Minh	2252	11A-114.33	Cao Bằng	2952	11A-114.26	Cao Bằng
153	12A-233.62	Lạng Sơn	853	12A-233.90	Lạng Sơn	1553	51L-096.37	Hồ Chí Minh	2253	11A-114.38	Cao Bằng	2953	11A-114.30	Cao Bằng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
154	12A-233.94	Lạng Sơn	854	12C-131.82	Lạng Sơn	1554	51L-096.45	Hồ Chí Minh	2254	11A-114.40	Cao Bằng	2954	11A-114.36	Cao Bằng
155	12C-131.88	Lạng Sơn	855	12C-131.85	Lạng Sơn	1555	51L-096.47	Hồ Chí Minh	2255	11A-114.46	Cao Bằng	2955	11A-114.42	Cao Bằng
156	12C-131.98	Lạng Sơn	856	12C-131.89	Lạng Sơn	1556	51L-096.72	Hồ Chí Minh	2256	11A-114.48	Cao Bằng	2956	11A-114.47	Cao Bằng
157	12C-132.02	Lạng Sơn	857	12C-131.97	Lạng Sơn	1557	51L-096.83	Hồ Chí Minh	2257	12A-233.57	Lạng Sơn	2957	12A-233.49	Lạng Sơn
158	12C-132.09	Lạng Sơn	858	14A-853.05	Quảng Ninh	1558	51L-096.90	Hồ Chí Minh	2258	12A-233.60	Lạng Sơn	2958	12A-233.55	Lạng Sơn
159	12C-132.18	Lạng Sơn	859	14A-853.26	Quảng Ninh	1559	51L-097.12	Hồ Chí Minh	2259	12A-233.61	Lạng Sơn	2959	12A-233.56	Lạng Sơn
160	14A-852.93	Quảng Ninh	860	14A-853.27	Quảng Ninh	1560	51L-097.13	Hồ Chí Minh	2260	12A-233.71	Lạng Sơn	2960	12A-233.87	Lạng Sơn
161	14A-853.12	Quảng Ninh	861	14A-853.34	Quảng Ninh	1561	11A-113.54	Cao Bằng	2261	12A-233.84	Lạng Sơn	2961	12A-233.91	Lạng Sơn
162	14A-853.19	Quảng Ninh	862	14C-398.24	Quảng Ninh	1562	11A-113.66	Cao Bằng	2262	12C-131.75	Lạng Sơn	2962	12A-233.93	Lạng Sơn
163	14A-853.21	Quảng Ninh	863	14C-398.33	Quảng Ninh	1563	11A-113.83	Cao Bằng	2263	12C-131.76	Lạng Sơn	2963	12C-131.77	Lạng Sơn
164	14A-853.31	Quảng Ninh	864	14C-398.38	Quảng Ninh	1564	11A-113.93	Cao Bằng	2264	12C-131.78	Lạng Sơn	2964	12C-132.07	Lạng Sơn
165	14A-853.36	Quảng Ninh	865	14C-398.40	Quảng Ninh	1565	11A-113.98	Cao Bằng	2265	12C-132.00	Lạng Sơn	2965	12C-132.15	Lạng Sơn
166	14C-398.13	Quảng Ninh	866	14C-398.51	Quảng Ninh	1566	11A-114.07	Cao Bằng	2266	12C-132.04	Lạng Sơn	2966	12C-132.16	Lạng Sơn
167	14C-398.17	Quảng Ninh	867	15K-241.47	Hải Phòng	1567	11A-114.08	Cao Bằng	2267	12C-132.20	Lạng Sơn	2967	14A-853.14	Quảng Ninh
168	14C-398.27	Quảng Ninh	868	15K-241.53	Hải Phòng	1568	11A-114.14	Cao Bằng	2268	14A-853.11	Quảng Ninh	2968	14A-853.20	Quảng Ninh
169	14C-398.30	Quảng Ninh	869	15K-241.77	Hải Phòng	1569	11A-114.15	Cao Bằng	2269	14A-853.22	Quảng Ninh	2969	14A-853.28	Quảng Ninh
170	14C-398.31	Quảng Ninh	870	15K-241.82	Hải Phòng	1570	11A-114.21	Cao Bằng	2270	14C-398.09	Quảng Ninh	2970	14A-853.37	Quảng Ninh
171	14C-398.34	Quảng Ninh	871	15K-242.04	Hải Phòng	1571	11A-114.34	Cao Bằng	2271	14C-398.12	Quảng Ninh	2971	14C-398.02	Quảng Ninh
172	14C-398.36	Quảng Ninh	872	15K-242.09	Hải Phòng	1572	11A-114.35	Cao Bằng	2272	14C-398.42	Quảng Ninh	2972	14C-398.03	Quảng Ninh
173	14C-398.46	Quảng Ninh	873	15K-242.17	Hải Phòng	1573	11A-114.39	Cao Bằng	2273	15K-219.79	Hải Phòng	2973	14C-398.10	Quảng Ninh
174	14C-398.48	Quảng Ninh	874	15K-242.18	Hải Phòng	1574	12A-233.58	Lạng Sơn	2274	15K-241.32	Hải Phòng	2974	14C-398.20	Quảng Ninh
175	15K-241.31	Hải Phòng	875	15K-242.26	Hải Phòng	1575	12A-233.63	Lạng Sơn	2275	15K-241.35	Hải Phòng	2975	14C-398.25	Quảng Ninh
176	15K-241.33	Hải Phòng	876	17A-414.90	Thái Bình	1576	12A-233.77	Lạng Sơn	2276	15K-241.39	Hải Phòng	2976	14C-398.35	Quảng Ninh
177	15K-241.49	Hải Phòng	877	17A-414.91	Thái Bình	1577	12A-233.80	Lạng Sơn	2277	15K-241.40	Hải Phòng	2977	14C-398.37	Quảng Ninh
178	15K-241.62	Hải Phòng	878	17A-415.01	Thái Bình	1578	12C-131.90	Lạng Sơn	2278	15K-241.41	Hải Phòng	2978	14C-398.44	Quảng Ninh
179	15K-241.72	Hải Phòng	879	17A-415.08	Thái Bình	1579	12C-131.95	Lạng Sơn	2279	15K-241.42	Hải Phòng	2979	15K-241.34	Hải Phòng
180	15K-241.74	Hải Phòng	880	17A-415.18	Thái Bình	1580	12C-132.14	Lạng Sơn	2280	15K-241.52	Hải Phòng	2980	15K-241.36	Hải Phòng
181	15K-242.21	Hải Phòng	881	17A-415.20	Thái Bình	1581	12C-132.19	Lạng Sơn	2281	15K-241.65	Hải Phòng	2981	15K-241.43	Hải Phòng
182	15K-242.28	Hải Phòng	882	17A-415.25	Thái Bình	1582	14A-852.97	Quảng Ninh	2282	15K-241.67	Hải Phòng	2982	15K-241.48	Hải Phòng
183	15K-242.29	Hải Phòng	883	17A-415.31	Thái Bình	1583	14A-853.06	Quảng Ninh	2283	15K-241.84	Hải Phòng	2983	15K-241.69	Hải Phòng
184	17A-415.04	Thái Bình	884	17A-415.35	Thái Bình	1584	14A-853.10	Quảng Ninh	2284	15K-241.86	Hải Phòng	2984	15K-241.71	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
185	17A-415.32	Thái Bình	885	17C-200.16	Thái Bình	1585	14A-853.29	Quảng Ninh	2285	15K-241.89	Hải Phòng	2985	15K-241.92	Hải Phòng
186	17A-415.33	Thái Bình	886	17C-200.28	Thái Bình	1586	14C-398.08	Quảng Ninh	2286	15K-241.97	Hải Phòng	2986	15K-242.11	Hải Phòng
187	17C-200.29	Thái Bình	887	17C-200.34	Thái Bình	1587	14C-398.15	Quảng Ninh	2287	15K-242.01	Hải Phòng	2987	15K-265.79	Hải Phòng
188	17C-200.30	Thái Bình	888	17C-200.35	Thái Bình	1588	14C-398.26	Quảng Ninh	2288	15K-242.03	Hải Phòng	2988	17A-414.88	Thái Bình
189	17C-200.39	Thái Bình	889	17C-200.49	Thái Bình	1589	14C-398.29	Quảng Ninh	2289	15K-242.10	Hải Phòng	2989	17A-414.95	Thái Bình
190	17C-200.40	Thái Bình	890	17C-200.60	Thái Bình	1590	14C-398.45	Quảng Ninh	2290	15K-242.27	Hải Phòng	2990	17A-414.97	Thái Bình
191	17C-200.50	Thái Bình	891	18A-407.86	Nam Định	1591	14C-398.50	Quảng Ninh	2291	17A-414.94	Thái Bình	2991	17A-415.11	Thái Bình
192	18A-408.09	Nam Định	892	18A-407.97	Nam Định	1592	15K-241.57	Hải Phòng	2292	17A-415.12	Thái Bình	2992	17A-415.21	Thái Bình
193	18A-408.30	Nam Định	893	18A-408.11	Nam Định	1593	15K-241.61	Hải Phòng	2293	17A-415.22	Thái Bình	2993	17C-200.19	Thái Bình
194	18C-157.44	Nam Định	894	18A-408.13	Nam Định	1594	15K-241.78	Hải Phòng	2294	17C-200.14	Thái Bình	2994	17C-200.43	Thái Bình
195	19A-599.38	Phú Thọ	895	18A-408.23	Nam Định	1595	15K-241.83	Hải Phòng	2295	17C-200.15	Thái Bình	2995	17C-200.55	Thái Bình
196	19A-599.42	Phú Thọ	896	18A-408.28	Nam Định	1596	15K-241.94	Hải Phòng	2296	17C-200.17	Thái Bình	2996	17C-200.61	Thái Bình
197	19A-599.52	Phú Thọ	897	18C-157.09	Nam Định	1597	15K-262.66	Hải Phòng	2297	17C-200.21	Thái Bình	2997	18A-407.87	Nam Định
198	19A-599.56	Phú Thọ	898	18C-157.10	Nam Định	1598	17A-414.92	Thái Bình	2298	17C-200.22	Thái Bình	2998	18A-407.93	Nam Định
199	19A-599.65	Phú Thọ	899	18C-157.25	Nam Định	1599	17A-414.99	Thái Bình	2299	17C-200.27	Thái Bình	2999	18C-157.20	Nam Định
200	19A-599.83	Phú Thọ	900	18C-157.32	Nam Định	1600	17A-415.13	Thái Bình	2300	17C-200.33	Thái Bình	3000	18C-157.21	Nam Định
201	19A-600.20	Phú Thọ	901	18C-157.37	Nam Định	1601	17A-415.15	Thái Bình	2301	17C-200.56	Thái Bình	3001	19A-599.46	Phú Thọ
202	19A-600.31	Phú Thọ	902	18C-157.50	Nam Định	1602	17A-415.16	Thái Bình	2302	18A-407.90	Nam Định	3002	19A-599.54	Phú Thọ
203	19A-600.34	Phú Thọ	903	19A-599.41	Phú Thọ	1603	17A-415.26	Thái Bình	2303	18A-407.92	Nam Định	3003	19A-599.68	Phú Thọ
204	20A-741.56	Thái Nguyên	904	19A-599.62	Phú Thọ	1604	17A-415.36	Thái Bình	2304	18A-407.98	Nam Định	3004	19A-599.70	Phú Thọ
205	20A-742.01	Thái Nguyên	905	19A-599.63	Phú Thọ	1605	17A-415.37	Thái Bình	2305	18A-408.02	Nam Định	3005	19A-599.88	Phú Thọ
206	20A-742.04	Thái Nguyên	906	19A-599.90	Phú Thọ	1606	17C-200.36	Thái Bình	2306	18A-408.05	Nam Định	3006	19A-600.10	Phú Thọ
207	20A-742.06	Thái Nguyên	907	19A-599.92	Phú Thọ	1607	17C-200.38	Thái Bình	2307	18A-408.25	Nam Định	3007	19A-600.30	Phú Thọ
208	20A-742.17	Thái Nguyên	908	19A-599.97	Phú Thọ	1608	17C-200.41	Thái Bình	2308	18C-157.08	Nam Định	3008	20A-741.62	Thái Nguyên
209	20A-742.18	Thái Nguyên	909	19A-600.16	Phú Thọ	1609	17C-200.42	Thái Bình	2309	18C-157.19	Nam Định	3009	20A-741.82	Thái Nguyên
210	20A-742.20	Thái Nguyên	910	19A-600.26	Phú Thọ	1610	17C-200.45	Thái Bình	2310	18C-157.23	Nam Định	3010	20A-741.93	Thái Nguyên
211	20A-742.26	Thái Nguyên	911	19A-600.35	Phú Thọ	1611	18A-407.88	Nam Định	2311	18C-157.43	Nam Định	3011	20A-742.07	Thái Nguyên
212	20A-742.31	Thái Nguyên	912	19A-600.37	Phú Thọ	1612	18A-408.00	Nam Định	2312	18C-157.49	Nam Định	3012	20A-742.14	Thái Nguyên
213	20A-742.40	Thái Nguyên	913	20A-741.58	Thái Nguyên	1613	18A-408.16	Nam Định	2313	19A-599.39	Phú Thọ	3013	20A-742.19	Thái Nguyên
214	20A-742.51	Thái Nguyên	914	20A-741.71	Thái Nguyên	1614	18A-408.22	Nam Định	2314	19A-599.47	Phú Thọ	3014	20A-742.21	Thái Nguyên
215	21A-184.64	Yên Bái	915	20A-741.85	Thái Nguyên	1615	18A-408.34	Nam Định	2315	19A-599.57	Phú Thọ	3015	20A-742.28	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
216	21A-184.69	Yên Bái	916	20A-741.86	Thái Nguyên	1616	18C-157.38	Nam Định	2316	19A-599.61	Phú Thọ	3016	20A-742.36	Thái Nguyên
217	21A-184.81	Yên Bái	917	20A-741.92	Thái Nguyên	1617	18C-157.42	Nam Định	2317	19A-599.66	Phú Thọ	3017	20A-742.43	Thái Nguyên
218	21A-184.92	Yên Bái	918	20A-741.96	Thái Nguyên	1618	18C-157.47	Nam Định	2318	19A-599.67	Phú Thọ	3018	20A-742.53	Thái Nguyên
219	21C-097.65	Yên Bái	919	20A-741.98	Thái Nguyên	1619	18C-157.51	Nam Định	2319	19A-599.71	Phú Thọ	3019	20A-742.54	Thái Nguyên
220	21C-097.71	Yên Bái	920	20A-742.10	Thái Nguyên	1620	18C-157.55	Nam Định	2320	19A-599.89	Phú Thọ	3020	21A-184.66	Yên Bái
221	21C-097.73	Yên Bái	921	20A-742.25	Thái Nguyên	1621	19A-599.53	Phú Thọ	2321	19A-600.02	Phú Thọ	3021	21A-184.67	Yên Bái
222	21C-097.76	Yên Bái	922	20A-742.44	Thái Nguyên	1622	19A-599.73	Phú Thọ	2322	19A-600.05	Phú Thọ	3022	21A-185.13	Yên Bái
223	21C-097.77	Yên Bái	923	20A-742.48	Thái Nguyên	1623	19A-599.85	Phú Thọ	2323	19A-600.19	Phú Thọ	3023	21C-097.54	Yên Bái
224	21C-097.99	Yên Bái	924	21A-184.71	Yên Bái	1624	19A-599.94	Phú Thọ	2324	20A-741.63	Thái Nguyên	3024	21C-097.84	Yên Bái
225	22A-230.71	Tuyên Quang	925	21A-184.74	Yên Bái	1625	19A-600.17	Phú Thọ	2325	20A-741.66	Thái Nguyên	3025	21C-097.94	Yên Bái
226	22A-230.76	Tuyên Quang	926	21A-184.75	Yên Bái	1626	19A-600.32	Phú Thọ	2326	20A-741.76	Thái Nguyên	3026	21C-097.96	Yên Bái
227	22A-230.77	Tuyên Quang	927	21A-184.89	Yên Bái	1627	19A-600.36	Phú Thọ	2327	20A-741.87	Thái Nguyên	3027	22A-230.52	Tuyên Quang
228	22A-230.87	Tuyên Quang	928	21A-185.02	Yên Bái	1628	20A-741.57	Thái Nguyên	2328	20A-742.00	Thái Nguyên	3028	22A-230.56	Tuyên Quang
229	23A-135.35	Hà Giang	929	21C-097.58	Yên Bái	1629	20A-741.61	Thái Nguyên	2329	20A-742.05	Thái Nguyên	3029	22A-230.65	Tuyên Quang
230	23A-136.60	Hà Giang	930	21C-097.64	Yên Bái	1630	20A-741.69	Thái Nguyên	2330	20A-742.12	Thái Nguyên	3030	22A-230.93	Tuyên Quang
231	23A-136.61	Hà Giang	931	21C-097.90	Yên Bái	1631	20A-741.70	Thái Nguyên	2331	20A-742.23	Thái Nguyên	3031	22A-231.01	Tuyên Quang
232	23A-136.65	Hà Giang	932	21C-097.95	Yên Bái	1632	20A-741.77	Thái Nguyên	2332	20A-742.52	Thái Nguyên	3032	22A-231.07	Tuyên Quang
233	23A-136.73	Hà Giang	933	22A-230.53	Tuyên Quang	1633	20A-741.89	Thái Nguyên	2333	21A-184.72	Yên Bái	3033	22A-231.22	Tuyên Quang
234	23B-007.58	Hà Giang	934	22A-230.61	Tuyên Quang	1634	20A-742.09	Thái Nguyên	2334	21A-184.83	Yên Bái	3034	22A-231.24	Tuyên Quang
235	23C-079.09	Hà Giang	935	22A-230.75	Tuyên Quang	1635	20A-742.11	Thái Nguyên	2335	21A-184.91	Yên Bái	3035	22A-231.39	Tuyên Quang
236	23C-079.30	Hà Giang	936	22A-230.96	Tuyên Quang	1636	20A-742.16	Thái Nguyên	2336	21A-184.98	Yên Bái	3036	22A-231.45	Tuyên Quang
237	23D-004.02	Hà Giang	937	22A-231.00	Tuyên Quang	1637	20A-742.27	Thái Nguyên	2337	21A-185.08	Yên Bái	3037	23A-135.86	Hà Giang
238	23D-004.05	Hà Giang	938	22A-231.06	Tuyên Quang	1638	20A-742.33	Thái Nguyên	2338	21A-185.11	Yên Bái	3038	23A-136.84	Hà Giang
239	23D-004.08	Hà Giang	939	22A-231.17	Tuyên Quang	1639	21A-184.65	Yên Bái	2339	21C-097.55	Yên Bái	3039	23A-136.85	Hà Giang
240	24A-254.86	Lào Cai	940	22A-231.20	Tuyên Quang	1640	21A-184.70	Yên Bái	2340	21C-097.56	Yên Bái	3040	23B-007.54	Hà Giang
241	24A-254.89	Lào Cai	941	22A-231.21	Tuyên Quang	1641	21A-184.80	Yên Bái	2341	21C-097.66	Yên Bái	3041	23C-079.18	Hà Giang
242	24A-258.66	Lào Cai	942	22A-231.29	Tuyên Quang	1642	21A-184.86	Yên Bái	2342	21C-097.67	Yên Bái	3042	23C-079.24	Hà Giang
243	24A-258.69	Lào Cai	943	22A-231.31	Tuyên Quang	1643	21A-184.88	Yên Bái	2343	21C-097.69	Yên Bái	3043	23C-079.26	Hà Giang
244	24B-015.51	Lào Cai	944	22A-231.32	Tuyên Quang	1644	21A-184.99	Yên Bái	2344	22A-230.50	Tuyên Quang	3044	24A-254.79	Lào Cai
245	24C-144.66	Lào Cai	945	23A-135.39	Hà Giang	1645	21A-185.01	Yên Bái	2345	22A-230.66	Tuyên Quang	3045	24A-255.77	Lào Cai
246	24C-145.39	Lào Cai	946	23A-136.50	Hà Giang	1646	21A-185.06	Yên Bái	2346	22A-230.70	Tuyên Quang	3046	24A-256.68	Lào Cai

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
247	24C-145.69	Lào Cai	947	23A-136.75	Hà Giang	1647	21C-097.80	Yên Bái	2347	22A-230.78	Tuyên Quang	3047	24B-015.54	Lào Cai
248	24D-005.89	Lào Cai	948	23A-136.76	Hà Giang	1648	21C-097.87	Yên Bái	2348	22A-230.81	Tuyên Quang	3048	24B-015.57	Lào Cai
249	26A-200.94	Sơn La	949	23B-007.55	Hà Giang	1649	21C-097.92	Yên Bái	2349	22A-230.91	Tuyên Quang	3049	24B-015.59	Lào Cai
250	26A-201.29	Sơn La	950	24A-254.68	Lào Cai	1650	22A-230.58	Tuyên Quang	2350	22A-230.94	Tuyên Quang	3050	24C-144.55	Lào Cai
251	26A-201.30	Sơn La	951	24A-256.56	Lào Cai	1651	22A-230.60	Tuyên Quang	2351	22A-231.02	Tuyên Quang	3051	24C-145.45	Lào Cai
252	26A-201.35	Sơn La	952	24A-257.57	Lào Cai	1652	22A-230.69	Tuyên Quang	2352	22A-231.12	Tuyên Quang	3052	24C-145.86	Lào Cai
253	26A-201.36	Sơn La	953	24A-258.39	Lào Cai	1653	22A-230.80	Tuyên Quang	2353	22A-231.25	Tuyên Quang	3053	24C-145.88	Lào Cai
254	26C-146.41	Sơn La	954	24B-015.58	Lào Cai	1654	22A-230.82	Tuyên Quang	2354	22A-231.28	Tuyên Quang	3054	24C-146.46	Lào Cai
255	26C-146.44	Sơn La	955	24C-144.77	Lào Cai	1655	22A-230.89	Tuyên Quang	2355	23A-136.62	Hà Giang	3055	26A-200.97	Sơn La
256	26C-146.54	Sơn La	956	24C-144.86	Lào Cai	1656	22A-230.90	Tuyên Quang	2356	23A-136.68	Hà Giang	3056	26A-200.98	Sơn La
257	26C-146.61	Sơn La	957	24C-144.99	Lào Cai	1657	22A-231.08	Tuyên Quang	2357	23A-136.74	Hà Giang	3057	26A-201.01	Sơn La
258	26C-146.62	Sơn La	958	24C-145.66	Lào Cai	1658	22A-231.09	Tuyên Quang	2358	23B-007.56	Hà Giang	3058	26A-201.04	Sơn La
259	26C-146.72	Sơn La	959	24C-145.79	Lào Cai	1659	22A-231.15	Tuyên Quang	2359	23C-079.02	Hà Giang	3059	26A-201.20	Sơn La
260	27A-108.83	Điện Biên	960	24C-146.69	Lào Cai	1660	22A-231.23	Tuyên Quang	2360	23C-079.07	Hà Giang	3060	26A-201.22	Sơn La
261	27A-109.00	Điện Biên	961	24D-005.85	Lào Cai	1661	22A-231.35	Tuyên Quang	2361	23C-079.19	Hà Giang	3061	26A-201.32	Sơn La
262	27A-109.08	Điện Biên	962	24D-005.86	Lào Cai	1662	22A-231.38	Tuyên Quang	2362	24B-015.52	Lào Cai	3062	26A-201.39	Sơn La
263	27A-109.15	Điện Biên	963	24D-005.90	Lào Cai	1663	23A-135.79	Hà Giang	2363	24C-144.68	Lào Cai	3063	26C-146.32	Sơn La
264	27A-109.16	Điện Biên	964	26A-201.07	Sơn La	1664	23A-136.52	Hà Giang	2364	24C-144.69	Lào Cai	3064	26C-146.36	Sơn La
265	27A-109.18	Điện Biên	965	26A-201.09	Sơn La	1665	23A-136.81	Hà Giang	2365	26A-200.99	Sơn La	3065	26C-146.38	Sơn La
266	27A-109.29	Điện Biên	966	26A-201.19	Sơn La	1666	23C-079.16	Hà Giang	2366	26A-201.06	Sơn La	3066	26C-146.50	Sơn La
267	27A-109.33	Điện Biên	967	26A-201.23	Sơn La	1667	23C-079.29	Hà Giang	2367	26A-201.10	Sơn La	3067	26C-146.56	Sơn La
268	27A-109.51	Điện Biên	968	26A-201.24	Sơn La	1668	23D-004.01	Hà Giang	2368	26A-201.27	Sơn La	3068	26C-146.57	Sơn La
269	28A-228.07	Hòa Bình	969	26A-201.25	Sơn La	1669	23D-004.04	Hà Giang	2369	26C-146.35	Sơn La	3069	26C-146.63	Sơn La
270	28A-228.08	Hòa Bình	970	26A-201.38	Sơn La	1670	23D-004.10	Hà Giang	2370	26C-146.40	Sơn La	3070	26C-146.69	Sơn La
271	28A-228.20	Hòa Bình	971	26C-146.29	Sơn La	1671	24A-255.69	Lào Cai	2371	26C-146.43	Sơn La	3071	26C-146.75	Sơn La
272	28A-228.22	Hòa Bình	972	26C-146.42	Sơn La	1672	24A-255.86	Lào Cai	2372	26C-146.52	Sơn La	3072	27A-108.73	Điện Biên
273	28A-228.31	Hòa Bình	973	26C-146.58	Sơn La	1673	24A-257.66	Lào Cai	2373	26C-146.55	Sơn La	3073	27A-108.81	Điện Biên
274	28A-228.41	Hòa Bình	974	26C-146.59	Sơn La	1674	24A-257.79	Lào Cai	2374	26C-146.64	Sơn La	3074	27A-108.85	Điện Biên
275	28A-228.50	Hòa Bình	975	26C-146.76	Sơn La	1675	24A-257.99	Lào Cai	2375	27A-108.82	Điện Biên	3075	27A-108.95	Điện Biên
276	28A-228.87	Hòa Bình	976	27A-108.76	Điện Biên	1676	24A-258.86	Lào Cai	2376	27A-108.87	Điện Biên	3076	27A-109.20	Điện Biên
277	28A-228.94	Hòa Bình	977	27A-108.99	Điện Biên	1677	24C-145.89	Lào Cai	2377	27A-108.92	Điện Biên	3077	27A-109.34	Điện Biên

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
278	34A-756.73	Hải Dương	978	27A-109.01	Điện Biên	1678	24C-146.68	Lào Cai	2378	27A-108.94	Điện Biên	3078	27A-109.38	Điện Biên
279	34A-756.77	Hải Dương	979	27A-109.06	Điện Biên	1679	24C-146.79	Lào Cai	2379	27A-108.96	Điện Biên	3079	27A-109.43	Điện Biên
280	34A-756.84	Hải Dương	980	27A-109.30	Điện Biên	1680	24D-005.83	Lào Cai	2380	27A-108.97	Điện Biên	3080	27A-109.54	Điện Biên
281	34A-757.12	Hải Dương	981	27A-109.36	Điện Biên	1681	26A-200.95	Sơn La	2381	27A-109.02	Điện Biên	3081	27A-109.57	Điện Biên
282	34C-389.95	Hải Dương	982	27A-109.59	Điện Biên	1682	26A-201.03	Sơn La	2382	27A-109.11	Điện Biên	3082	27A-109.67	Điện Biên
283	34C-389.98	Hải Dương	983	27A-109.63	Điện Biên	1683	26A-201.05	Sơn La	2383	27A-109.35	Điện Biên	3083	27A-109.70	Điện Biên
284	34C-390.09	Hải Dương	984	28A-228.06	Hòa Bình	1684	26A-201.13	Sơn La	2384	27A-109.52	Điện Biên	3084	28A-228.14	Hòa Bình
285	34C-390.18	Hải Dương	985	28A-228.10	Hòa Bình	1685	26C-146.30	Sơn La	2385	27A-109.61	Điện Biên	3085	28A-228.15	Hòa Bình
286	34C-390.22	Hải Dương	986	28A-228.13	Hòa Bình	1686	26C-146.60	Sơn La	2386	28A-228.42	Hòa Bình	3086	28A-228.24	Hòa Bình
287	34C-390.33	Hải Dương	987	28A-228.21	Hòa Bình	1687	26C-146.73	Sơn La	2387	28A-228.48	Hòa Bình	3087	28A-228.27	Hòa Bình
288	34C-390.35	Hải Dương	988	28A-228.38	Hòa Bình	1688	26C-146.74	Sơn La	2388	28A-228.52	Hòa Bình	3088	28A-228.34	Hòa Bình
289	34C-390.39	Hải Dương	989	28A-228.66	Hòa Bình	1689	27A-108.75	Điện Biên	2389	28A-228.53	Hòa Bình	3089	28A-228.37	Hòa Bình
290	35A-391.40	Ninh Bình	990	28A-228.86	Hòa Bình	1690	27A-109.09	Điện Biên	2390	28A-228.54	Hòa Bình	3090	28A-228.46	Hòa Bình
291	35A-391.47	Ninh Bình	991	28A-229.03	Hòa Bình	1691	27A-109.21	Điện Biên	2391	28A-228.59	Hòa Bình	3091	28A-228.60	Hòa Bình
292	35A-391.48	Ninh Bình	992	34A-756.72	Hải Dương	1692	27A-109.25	Điện Biên	2392	28A-228.65	Hòa Bình	3092	28A-228.90	Hòa Bình
293	35A-391.50	Ninh Bình	993	34A-756.80	Hải Dương	1693	27A-109.26	Điện Biên	2393	28A-228.72	Hòa Bình	3093	34A-756.71	Hải Dương
294	35A-391.54	Ninh Bình	994	34A-756.97	Hải Dương	1694	27A-109.32	Điện Biên	2394	28A-228.73	Hòa Bình	3094	34A-756.75	Hải Dương
295	35C-160.06	Ninh Bình	995	34A-757.14	Hải Dương	1695	27A-109.55	Điện Biên	2395	28A-228.92	Hòa Bình	3095	34A-756.79	Hải Dương
296	35C-160.21	Ninh Bình	996	34C-389.94	Hải Dương	1696	27A-109.69	Điện Biên	2396	28A-228.96	Hòa Bình	3096	34A-756.83	Hải Dương
297	35C-160.25	Ninh Bình	997	34C-390.00	Hải Dương	1697	28A-228.11	Hòa Bình	2397	28A-229.01	Hòa Bình	3097	34A-756.90	Hải Dương
298	36C-456.73	Thanh Hóa	998	34C-390.03	Hải Dương	1698	28A-228.39	Hòa Bình	2398	34A-756.74	Hải Dương	3098	34A-757.04	Hải Dương
299	36C-456.75	Thanh Hóa	999	34C-390.07	Hải Dương	1699	28A-228.40	Hòa Bình	2399	34A-756.82	Hải Dương	3099	34C-389.91	Hải Dương
300	36C-456.76	Thanh Hóa	1000	34C-390.20	Hải Dương	1700	28A-228.74	Hòa Bình	2400	34A-756.94	Hải Dương	3100	34C-390.04	Hải Dương
301	36C-456.82	Thanh Hóa	1001	34C-390.21	Hải Dương	1701	28A-228.78	Hòa Bình	2401	34A-757.09	Hải Dương	3101	34C-390.10	Hải Dương
302	36C-456.91	Thanh Hóa	1002	34C-390.24	Hải Dương	1702	34A-756.69	Hải Dương	2402	34C-390.01	Hải Dương	3102	34C-390.29	Hải Dương
303	36C-456.94	Thanh Hóa	1003	35A-391.39	Ninh Bình	1703	34A-756.70	Hải Dương	2403	34C-390.23	Hải Dương	3103	35A-391.44	Ninh Bình
304	36C-457.07	Thanh Hóa	1004	35A-391.41	Ninh Bình	1704	34A-756.92	Hải Dương	2404	35A-391.28	Ninh Bình	3104	35A-391.49	Ninh Bình
305	36K-031.65	Thanh Hóa	1005	35A-391.60	Ninh Bình	1705	34A-756.93	Hải Dương	2405	35A-391.36	Ninh Bình	3105	35A-391.66	Ninh Bình
306	36K-031.75	Thanh Hóa	1006	35A-391.70	Ninh Bình	1706	34A-756.95	Hải Dương	2406	35A-391.46	Ninh Bình	3106	35A-391.74	Ninh Bình
307	36K-031.88	Thanh Hóa	1007	35A-391.73	Ninh Bình	1707	34A-757.02	Hải Dương	2407	35A-391.53	Ninh Bình	3107	35C-160.02	Ninh Bình
308	36K-031.94	Thanh Hóa	1008	35A-391.75	Ninh Bình	1708	34C-389.93	Hải Dương	2408	35A-391.56	Ninh Bình	3108	35C-160.08	Ninh Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
309	36K-032.00	Thanh Hóa	1009	35C-159.99	Ninh Bình	1709	34C-390.14	Hải Dương	2409	35A-391.59	Ninh Bình	3109	35C-160.09	Ninh Bình
310	36K-032.02	Thanh Hóa	1010	35C-160.03	Ninh Bình	1710	34C-390.16	Hải Dương	2410	35A-391.67	Ninh Bình	3110	35C-160.27	Ninh Bình
311	36K-032.11	Thanh Hóa	1011	35C-160.07	Ninh Bình	1711	34C-390.17	Hải Dương	2411	35C-160.10	Ninh Bình	3111	35C-160.29	Ninh Bình
312	37C-503.74	Nghệ An	1012	35C-160.12	Ninh Bình	1712	34C-390.25	Hải Dương	2412	35C-160.11	Ninh Bình	3112	35C-160.41	Ninh Bình
313	37C-503.77	Nghệ An	1013	35C-160.22	Ninh Bình	1713	34C-390.27	Hải Dương	2413	35C-160.31	Ninh Bình	3113	35C-160.47	Ninh Bình
314	37C-503.78	Nghệ An	1014	35C-160.30	Ninh Bình	1714	34C-390.28	Hải Dương	2414	35C-160.37	Ninh Bình	3114	36C-456.84	Thanh Hóa
315	37C-503.89	Nghệ An	1015	35C-160.32	Ninh Bình	1715	34C-390.30	Hải Dương	2415	35C-160.43	Ninh Bình	3115	36C-456.97	Thanh Hóa
316	37C-503.91	Nghệ An	1016	35C-160.35	Ninh Bình	1716	34C-390.36	Hải Dương	2416	35C-160.44	Ninh Bình	3116	36C-457.01	Thanh Hóa
317	37C-503.95	Nghệ An	1017	36C-456.90	Thanh Hóa	1717	35A-391.33	Ninh Bình	2417	35C-160.45	Ninh Bình	3117	36C-457.02	Thanh Hóa
318	37C-504.04	Nghệ An	1018	36C-456.95	Thanh Hóa	1718	35A-391.45	Ninh Bình	2418	36C-456.72	Thanh Hóa	3118	36C-457.17	Thanh Hóa
319	37C-504.09	Nghệ An	1019	36C-457.05	Thanh Hóa	1719	35A-391.58	Ninh Bình	2419	36C-456.81	Thanh Hóa	3119	36K-031.74	Thanh Hóa
320	37C-504.12	Nghệ An	1020	36C-457.16	Thanh Hóa	1720	35A-391.68	Ninh Bình	2420	36C-456.92	Thanh Hóa	3120	36K-031.93	Thanh Hóa
321	37K-274.63	Nghệ An	1021	36C-457.18	Thanh Hóa	1721	35A-391.71	Ninh Bình	2421	36C-457.00	Thanh Hóa	3121	36K-031.97	Thanh Hóa
322	37K-274.81	Nghệ An	1022	36K-031.84	Thanh Hóa	1722	35C-160.23	Ninh Bình	2422	36K-031.63	Thanh Hóa	3122	36K-032.04	Thanh Hóa
323	37K-274.93	Nghệ An	1023	36K-031.91	Thanh Hóa	1723	35C-160.33	Ninh Bình	2423	36K-031.64	Thanh Hóa	3123	37C-503.76	Nghệ An
324	37K-274.94	Nghệ An	1024	36K-032.05	Thanh Hóa	1724	36C-456.80	Thanh Hóa	2424	36K-031.70	Thanh Hóa	3124	37C-503.79	Nghệ An
325	37K-275.04	Nghệ An	1025	37C-503.80	Nghệ An	1725	36C-456.93	Thanh Hóa	2425	36K-031.86	Thanh Hóa	3125	37C-504.08	Nghệ An
326	37K-275.05	Nghệ An	1026	37C-503.81	Nghệ An	1726	36C-456.99	Thanh Hóa	2426	36K-032.10	Thanh Hóa	3126	37K-274.77	Nghệ An
327	37K-275.08	Nghệ An	1027	37C-503.82	Nghệ An	1727	36C-457.03	Thanh Hóa	2427	37C-503.72	Nghệ An	3127	37K-274.79	Nghệ An
328	38A-575.11	Hà Tĩnh	1028	37C-504.03	Nghệ An	1728	36C-457.12	Thanh Hóa	2428	37C-503.87	Nghệ An	3128	37K-274.89	Nghệ An
329	38A-575.15	Hà Tĩnh	1029	37C-504.07	Nghệ An	1729	36K-031.80	Thanh Hóa	2429	37C-504.01	Nghệ An	3129	38A-575.01	Hà Tĩnh
330	38A-575.33	Hà Tĩnh	1030	37C-504.13	Nghệ An	1730	36K-031.99	Thanh Hóa	2430	37C-504.14	Nghệ An	3130	38A-575.04	Hà Tĩnh
331	38A-575.42	Hà Tĩnh	1031	37K-274.62	Nghệ An	1731	36K-032.06	Thanh Hóa	2431	37C-504.15	Nghệ An	3131	38A-575.07	Hà Tĩnh
332	38C-210.72	Hà Tĩnh	1032	37K-274.70	Nghệ An	1732	37C-503.75	Nghệ An	2432	37K-274.59	Nghệ An	3132	38A-575.18	Hà Tĩnh
333	38C-210.77	Hà Tĩnh	1033	37K-274.75	Nghệ An	1733	37C-503.93	Nghệ An	2433	37K-274.60	Nghệ An	3133	38A-575.21	Hà Tĩnh
334	38C-210.80	Hà Tĩnh	1034	37K-274.80	Nghệ An	1734	37C-504.20	Nghệ An	2434	37K-274.67	Nghệ An	3134	38A-575.27	Hà Tĩnh
335	38C-210.92	Hà Tĩnh	1035	37K-274.83	Nghệ An	1735	37C-504.21	Nghệ An	2435	37K-274.76	Nghệ An	3135	38A-575.30	Hà Tĩnh
336	38C-211.12	Hà Tĩnh	1036	38A-575.06	Hà Tĩnh	1736	37K-274.65	Nghệ An	2436	37K-274.99	Nghệ An	3136	38A-575.37	Hà Tĩnh
337	43A-835.84	Đà Nẵng	1037	38A-575.19	Hà Tĩnh	1737	37K-274.66	Nghệ An	2437	38A-575.05	Hà Tĩnh	3137	38C-210.74	Hà Tĩnh
338	43A-835.88	Đà Nẵng	1038	38A-575.48	Hà Tĩnh	1738	37K-274.78	Nghệ An	2438	38A-575.26	Hà Tĩnh	3138	38C-210.76	Hà Tĩnh
339	43A-835.90	Đà Nẵng	1039	38A-575.49	Hà Tĩnh	1739	37K-274.92	Nghệ An	2439	38A-575.29	Hà Tĩnh	3139	38C-210.87	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
340	43A-836.10	Đà Nẵng	1040	38C-210.66	Hà Tĩnh	1740	37K-274.97	Nghệ An	2440	38C-210.73	Hà Tĩnh	3140	38C-211.10	Hà Tĩnh
341	43A-836.24	Đà Nẵng	1041	38C-210.91	Hà Tĩnh	1741	37K-275.01	Nghệ An	2441	38C-210.78	Hà Tĩnh	3141	43A-835.81	Đà Nẵng
342	43A-836.32	Đà Nẵng	1042	38C-210.96	Hà Tĩnh	1742	38A-575.14	Hà Tĩnh	2442	38C-210.81	Hà Tĩnh	3142	43A-835.94	Đà Nẵng
343	43A-836.42	Đà Nẵng	1043	38C-211.08	Hà Tĩnh	1743	38A-575.16	Hà Tĩnh	2443	38C-210.85	Hà Tĩnh	3143	43A-835.98	Đà Nẵng
344	43A-836.60	Đà Nẵng	1044	38C-211.09	Hà Tĩnh	1744	38A-575.23	Hà Tĩnh	2444	38C-211.11	Hà Tĩnh	3144	43A-836.27	Đà Nẵng
345	43A-836.68	Đà Nẵng	1045	38C-211.13	Hà Tĩnh	1745	38A-575.24	Hà Tĩnh	2445	38C-211.15	Hà Tĩnh	3145	43A-836.29	Đà Nẵng
346	43A-836.69	Đà Nẵng	1046	38C-211.14	Hà Tĩnh	1746	38A-575.44	Hà Tĩnh	2446	43A-836.04	Đà Nẵng	3146	43A-836.40	Đà Nẵng
347	43A-836.73	Đà Nẵng	1047	43A-835.93	Đà Nẵng	1747	38C-210.68	Hà Tĩnh	2447	43A-836.07	Đà Nẵng	3147	43A-836.45	Đà Nẵng
348	47A-661.43	Đắk Lắk	1048	43A-835.97	Đà Nẵng	1748	38C-210.69	Hà Tĩnh	2448	43A-836.12	Đà Nẵng	3148	43A-836.59	Đà Nẵng
349	47A-661.48	Đắk Lắk	1049	43A-836.15	Đà Nẵng	1749	38C-210.83	Hà Tĩnh	2449	43A-836.25	Đà Nẵng	3149	43A-836.64	Đà Nẵng
350	47C-336.84	Đắk Lắk	1050	43A-836.20	Đà Nẵng	1750	38C-211.01	Hà Tĩnh	2450	43A-836.30	Đà Nẵng	3150	47A-661.42	Đắk Lắk
351	47C-336.86	Đắk Lắk	1051	43A-836.21	Đà Nẵng	1751	38C-211.03	Hà Tĩnh	2451	43A-836.50	Đà Nẵng	3151	47A-661.52	Đắk Lắk
352	47C-336.87	Đắk Lắk	1052	43A-836.22	Đà Nẵng	1752	43A-835.95	Đà Nẵng	2452	43A-836.53	Đà Nẵng	3152	47A-661.60	Đắk Lắk
353	47C-337.14	Đắk Lắk	1053	43A-836.46	Đà Nẵng	1753	43A-836.06	Đà Nẵng	2453	43A-836.62	Đà Nẵng	3153	47A-661.63	Đắk Lắk
354	48A-205.66	Đắk Nông	1054	43A-836.55	Đà Nẵng	1754	43A-836.09	Đà Nẵng	2454	43A-836.80	Đà Nẵng	3154	47A-661.73	Đắk Lắk
355	48A-205.69	Đắk Nông	1055	43A-836.57	Đà Nẵng	1755	43A-836.18	Đà Nẵng	2455	47A-661.57	Đắk Lắk	3155	47A-661.74	Đắk Lắk
356	48A-207.69	Đắk Nông	1056	43A-836.74	Đà Nẵng	1756	43A-836.47	Đà Nẵng	2456	47A-661.72	Đắk Lắk	3156	47A-661.81	Đắk Lắk
357	48A-207.89	Đắk Nông	1057	47A-661.53	Đắk Lắk	1757	43A-836.58	Đà Nẵng	2457	47A-661.78	Đắk Lắk	3157	47C-336.90	Đắk Lắk
358	48A-208.02	Đắk Nông	1058	47A-661.67	Đắk Lắk	1758	43A-836.77	Đà Nẵng	2458	47A-661.85	Đắk Lắk	3158	47C-337.09	Đắk Lắk
359	48A-208.07	Đắk Nông	1059	47A-661.71	Đắk Lắk	1759	47A-661.41	Đắk Lắk	2459	47A-661.88	Đắk Lắk	3159	47C-337.10	Đắk Lắk
360	48A-208.10	Đắk Nông	1060	47A-661.77	Đắk Lắk	1760	47A-661.45	Đắk Lắk	2460	47C-336.85	Đắk Lắk	3160	47C-337.21	Đắk Lắk
361	48A-208.17	Đắk Nông	1061	47A-661.79	Đắk Lắk	1761	47A-661.58	Đắk Lắk	2461	47C-336.92	Đắk Lắk	3161	47C-337.23	Đắk Lắk
362	48C-095.55	Đắk Nông	1062	47A-661.83	Đắk Lắk	1762	47A-661.61	Đắk Lắk	2462	47C-336.94	Đắk Lắk	3162	47C-337.29	Đắk Lắk
363	48C-095.68	Đắk Nông	1063	47A-661.87	Đắk Lắk	1763	47A-661.76	Đắk Lắk	2463	47C-337.28	Đắk Lắk	3163	47C-337.30	Đắk Lắk
364	48C-097.01	Đắk Nông	1064	47A-661.91	Đắk Lắk	1764	47A-661.82	Đắk Lắk	2464	48A-205.86	Đắk Nông	3164	48A-205.39	Đắk Nông
365	48D-002.21	Đắk Nông	1065	47C-337.06	Đắk Lắk	1765	47A-661.84	Đắk Lắk	2465	48A-206.88	Đắk Nông	3165	48A-207.79	Đắk Nông
366	48D-002.22	Đắk Nông	1066	48A-206.66	Đắk Nông	1766	47C-336.99	Đắk Lắk	2466	48A-206.89	Đắk Nông	3166	48A-208.00	Đắk Nông
367	49A-638.16	Lâm Đồng	1067	48A-208.01	Đắk Nông	1767	47C-337.02	Đắk Lắk	2467	48A-207.68	Đắk Nông	3167	48A-208.05	Đắk Nông
368	49A-638.29	Lâm Đồng	1068	48A-208.06	Đắk Nông	1768	47C-337.19	Đắk Lắk	2468	48A-208.16	Đắk Nông	3168	48A-208.14	Đắk Nông
369	49C-342.24	Lâm Đồng	1069	48C-097.06	Đắk Nông	1769	47C-337.22	Đắk Lắk	2469	48B-009.72	Đắk Nông	3169	48B-009.74	Đắk Nông
370	49C-342.26	Lâm Đồng	1070	48C-097.08	Đắk Nông	1770	47C-337.27	Đắk Lắk	2470	48C-095.69	Đắk Nông	3170	48B-009.78	Đắk Nông

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
371	49C-342.30	Lâm Đồng	1071	48C-097.09	Đắk Nông	1771	48A-205.89	Đắk Nông	2471	48C-095.86	Đắk Nông	3171	48C-095.39	Đắk Nông
372	60C-708.47	Đồng Nai	1072	48D-002.20	Đắk Nông	1772	48A-206.06	Đắk Nông	2472	48C-095.89	Đắk Nông	3172	48C-096.89	Đắk Nông
373	60C-708.48	Đồng Nai	1073	48D-002.23	Đắk Nông	1773	48A-207.39	Đắk Nông	2473	48C-096.86	Đắk Nông	3173	48D-002.25	Đắk Nông
374	60C-708.64	Đồng Nai	1074	48D-002.27	Đắk Nông	1774	48A-207.88	Đắk Nông	2474	48C-096.99	Đắk Nông	3174	49A-638.17	Lâm Đồng
375	60C-708.67	Đồng Nai	1075	49A-638.31	Lâm Đồng	1775	48B-009.73	Đắk Nông	2475	48C-097.02	Đắk Nông	3175	49A-638.19	Lâm Đồng
376	60C-708.81	Đồng Nai	1076	49A-638.45	Lâm Đồng	1776	48C-097.07	Đắk Nông	2476	48D-002.29	Đắk Nông	3176	49A-638.21	Lâm Đồng
377	60C-708.83	Đồng Nai	1077	49C-342.12	Lâm Đồng	1777	48D-002.28	Đắk Nông	2477	49A-638.20	Lâm Đồng	3177	49A-638.22	Lâm Đồng
378	60C-708.89	Đồng Nai	1078	49C-342.29	Lâm Đồng	1778	49A-638.23	Lâm Đồng	2478	49A-638.30	Lâm Đồng	3178	49A-638.25	Lâm Đồng
379	60C-708.90	Đồng Nai	1079	49C-342.35	Lâm Đồng	1779	49A-638.38	Lâm Đồng	2479	49A-638.33	Lâm Đồng	3179	49A-638.36	Lâm Đồng
380	60K-455.78	Đồng Nai	1080	49C-342.41	Lâm Đồng	1780	49A-638.44	Lâm Đồng	2480	49A-638.41	Lâm Đồng	3180	49A-638.46	Lâm Đồng
381	60K-455.89	Đồng Nai	1081	49C-342.48	Lâm Đồng	1781	49A-638.52	Lâm Đồng	2481	49A-638.49	Lâm Đồng	3181	49A-638.48	Lâm Đồng
382	60K-456.11	Đồng Nai	1082	60C-708.52	Đồng Nai	1782	49A-638.59	Lâm Đồng	2482	49A-638.55	Lâm Đồng	3182	49A-638.51	Lâm Đồng
383	60K-456.14	Đồng Nai	1083	60C-708.59	Đồng Nai	1783	49C-342.16	Lâm Đồng	2483	49A-638.57	Lâm Đồng	3183	49A-638.62	Lâm Đồng
384	60K-456.16	Đồng Nai	1084	60C-708.66	Đồng Nai	1784	49C-342.36	Lâm Đồng	2484	49C-342.08	Lâm Đồng	3184	49A-638.63	Lâm Đồng
385	60K-456.23	Đồng Nai	1085	60C-708.80	Đồng Nai	1785	49C-342.42	Lâm Đồng	2485	49C-342.09	Lâm Đồng	3185	49C-342.13	Lâm Đồng
386	60K-456.26	Đồng Nai	1086	60K-455.92	Đồng Nai	1786	49C-342.45	Lâm Đồng	2486	49C-342.14	Lâm Đồng	3186	49C-342.39	Lâm Đồng
387	61K-362.70	Bình Dương	1087	60K-456.02	Đồng Nai	1787	49C-342.47	Lâm Đồng	2487	49C-342.32	Lâm Đồng	3187	60C-708.57	Đồng Nai
388	61K-362.80	Bình Dương	1088	60K-456.05	Đồng Nai	1788	60C-708.76	Đồng Nai	2488	49C-342.34	Lâm Đồng	3188	60C-708.63	Đồng Nai
389	61K-362.91	Bình Dương	1089	60K-456.13	Đồng Nai	1789	60C-708.77	Đồng Nai	2489	60C-708.51	Đồng Nai	3189	60C-708.72	Đồng Nai
390	61K-362.99	Bình Dương	1090	61K-362.55	Bình Dương	1790	60K-455.83	Đồng Nai	2490	60C-708.62	Đồng Nai	3190	60C-708.75	Đồng Nai
391	61K-363.00	Bình Dương	1091	61K-362.62	Bình Dương	1791	60K-455.93	Đồng Nai	2491	60C-708.69	Đồng Nai	3191	60C-708.79	Đồng Nai
392	61K-363.01	Bình Dương	1092	61K-363.02	Bình Dương	1792	61K-362.63	Bình Dương	2492	60C-708.87	Đồng Nai	3192	60K-455.77	Đồng Nai
393	61K-363.11	Bình Dương	1093	61K-363.09	Bình Dương	1793	61K-362.64	Bình Dương	2493	60C-708.93	Đồng Nai	3193	60K-455.82	Đồng Nai
394	61K-363.15	Bình Dương	1094	61K-363.10	Bình Dương	1794	61K-362.78	Bình Dương	2494	60C-708.95	Đồng Nai	3194	60K-455.88	Đồng Nai
395	61K-363.21	Bình Dương	1095	61K-363.39	Bình Dương	1795	61K-362.94	Bình Dương	2495	60K-455.85	Đồng Nai	3195	60K-455.91	Đồng Nai
396	61K-363.34	Bình Dương	1096	62A-396.05	Long An	1796	61K-362.97	Bình Dương	2496	60K-455.95	Đồng Nai	3196	60K-455.97	Đồng Nai
397	61K-363.36	Bình Dương	1097	62A-396.12	Long An	1797	61K-362.98	Bình Dương	2497	60K-455.96	Đồng Nai	3197	60K-456.04	Đồng Nai
398	61K-363.37	Bình Dương	1098	62A-396.18	Long An	1798	61K-363.14	Bình Dương	2498	60K-456.15	Đồng Nai	3198	60K-456.08	Đồng Nai
399	61K-363.50	Bình Dương	1099	62A-396.21	Long An	1799	61K-363.19	Bình Dương	2499	61K-362.56	Bình Dương	3199	60K-456.17	Đồng Nai
400	61K-363.53	Bình Dương	1100	62A-396.23	Long An	1800	61K-363.25	Bình Dương	2500	61K-362.61	Bình Dương	3200	60K-456.25	Đồng Nai
401	62A-396.00	Long An	1101	62A-396.31	Long An	1801	61K-363.31	Bình Dương	2501	61K-362.68	Bình Dương	3201	61K-362.74	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
402	62A-396.04	Long An	1102	62A-396.44	Long An	1802	62A-396.19	Long An	2502	61K-362.71	Bình Dương	3202	61K-362.79	Bình Dương
403	62A-396.22	Long An	1103	62C-189.82	Long An	1803	62A-396.26	Long An	2503	61K-362.88	Bình Dương	3203	61K-362.85	Bình Dương
404	62A-396.32	Long An	1104	62C-189.84	Long An	1804	62A-396.36	Long An	2504	61K-363.22	Bình Dương	3204	61K-362.90	Bình Dương
405	62A-396.40	Long An	1105	62C-189.85	Long An	1805	62A-396.41	Long An	2505	62A-396.09	Long An	3205	61K-362.93	Bình Dương
406	62C-189.81	Long An	1106	62C-189.88	Long An	1806	62C-189.90	Long An	2506	62C-189.89	Long An	3206	61K-362.95	Bình Dương
407	62C-189.96	Long An	1107	62C-189.91	Long An	1807	62C-189.92	Long An	2507	62C-189.95	Long An	3207	61K-363.13	Bình Dương
408	62C-189.97	Long An	1108	62C-189.94	Long An	1808	62C-190.00	Long An	2508	62C-190.02	Long An	3208	61K-363.23	Bình Dương
409	62C-190.10	Long An	1109	62C-190.03	Long An	1809	62C-190.04	Long An	2509	62C-190.06	Long An	3209	61K-363.29	Bình Dương
410	62C-190.12	Long An	1110	62C-190.28	Long An	1810	63A-267.66	Tiền Giang	2510	62C-190.11	Long An	3210	61K-363.41	Bình Dương
411	62C-190.20	Long An	1111	62C-190.30	Long An	1811	63A-269.86	Tiền Giang	2511	62C-190.15	Long An	3211	61K-363.44	Bình Dương
412	62C-190.22	Long An	1112	63A-268.89	Tiền Giang	1812	63A-270.39	Tiền Giang	2512	62C-190.24	Long An	3212	62A-396.08	Long An
413	62C-190.25	Long An	1113	63A-272.66	Tiền Giang	1813	63A-270.89	Tiền Giang	2513	62C-190.27	Long An	3213	62A-396.15	Long An
414	63A-270.99	Tiền Giang	1114	63B-029.64	Tiền Giang	1814	63A-271.88	Tiền Giang	2514	63A-267.69	Tiền Giang	3214	62A-396.30	Long An
415	63B-029.53	Tiền Giang	1115	63C-202.02	Tiền Giang	1815	63A-271.99	Tiền Giang	2515	63A-269.66	Tiền Giang	3215	62A-396.33	Long An
416	63C-202.01	Tiền Giang	1116	63C-202.05	Tiền Giang	1816	63B-029.51	Tiền Giang	2516	63A-270.68	Tiền Giang	3216	62A-396.35	Long An
417	63C-202.03	Tiền Giang	1117	63C-202.19	Tiền Giang	1817	63B-029.60	Tiền Giang	2517	63A-270.88	Tiền Giang	3217	62A-396.38	Long An
418	63C-202.08	Tiền Giang	1118	64A-169.68	Vĩnh Long	1818	63B-029.61	Tiền Giang	2518	63A-271.68	Tiền Giang	3218	62A-396.46	Long An
419	63C-202.17	Tiền Giang	1119	64A-170.68	Vĩnh Long	1819	63B-029.67	Tiền Giang	2519	63A-272.39	Tiền Giang	3219	62C-190.16	Long An
420	64A-169.88	Vĩnh Long	1120	64A-170.89	Vĩnh Long	1820	63B-029.70	Tiền Giang	2520	63B-029.68	Tiền Giang	3220	62C-190.17	Long An
421	64A-173.39	Vĩnh Long	1121	64A-170.99	Vĩnh Long	1821	63C-202.10	Tiền Giang	2521	63C-202.11	Tiền Giang	3221	62C-190.19	Long An
422	64A-173.69	Vĩnh Long	1122	64A-171.39	Vĩnh Long	1822	63D-008.33	Tiền Giang	2522	63D-008.34	Tiền Giang	3222	62C-190.23	Long An
423	64B-013.17	Vĩnh Long	1123	64A-172.39	Vĩnh Long	1823	63D-008.38	Tiền Giang	2523	64A-173.88	Vĩnh Long	3223	62C-190.29	Long An
424	64B-013.21	Vĩnh Long	1124	64A-172.89	Vĩnh Long	1824	64A-170.69	Vĩnh Long	2524	64B-013.26	Vĩnh Long	3224	63A-267.79	Tiền Giang
425	64B-013.22	Vĩnh Long	1125	64A-173.66	Vĩnh Long	1825	64A-172.88	Vĩnh Long	2525	64C-109.39	Vĩnh Long	3225	63C-202.07	Tiền Giang
426	64B-013.30	Vĩnh Long	1126	64B-013.11	Vĩnh Long	1826	64A-174.00	Vĩnh Long	2526	64C-110.66	Vĩnh Long	3226	63C-202.14	Tiền Giang
427	64D-002.37	Vĩnh Long	1127	64B-013.15	Vĩnh Long	1827	64B-013.18	Vĩnh Long	2527	64C-110.88	Vĩnh Long	3227	63D-008.31	Tiền Giang
428	64D-002.39	Vĩnh Long	1128	64C-110.69	Vĩnh Long	1828	64B-013.28	Vĩnh Long	2528	64D-002.34	Vĩnh Long	3228	64A-169.39	Vĩnh Long
429	66A-242.66	Đồng Tháp	1129	66A-242.39	Đồng Tháp	1829	64C-109.69	Vĩnh Long	2529	64D-002.38	Vĩnh Long	3229	64A-170.88	Vĩnh Long
430	66A-242.79	Đồng Tháp	1130	66A-242.99	Đồng Tháp	1830	64C-109.79	Vĩnh Long	2530	64D-002.40	Vĩnh Long	3230	64A-171.68	Vĩnh Long
431	66A-243.33	Đồng Tháp	1131	66A-243.69	Đồng Tháp	1831	64C-110.39	Vĩnh Long	2531	66A-244.79	Đồng Tháp	3231	64A-172.69	Vĩnh Long
432	66A-243.68	Đồng Tháp	1132	66A-244.68	Đồng Tháp	1832	66A-242.68	Đồng Tháp	2532	66A-245.68	Đồng Tháp	3232	64A-173.89	Vĩnh Long

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
433	66A-245.79	Đồng Tháp	1133	66A-246.46	Đồng Tháp	1833	66A-243.39	Đồng Tháp	2533	66A-245.89	Đồng Tháp	3233	64B-013.16	Vĩnh Long
434	66A-245.99	Đồng Tháp	1134	66A-246.79	Đồng Tháp	1834	66A-245.45	Đồng Tháp	2534	66B-020.12	Đồng Tháp	3234	64C-110.79	Vĩnh Long
435	66A-246.39	Đồng Tháp	1135	66B-020.01	Đồng Tháp	1835	66B-020.02	Đồng Tháp	2535	66B-020.14	Đồng Tháp	3235	66A-244.89	Đồng Tháp
436	66B-020.10	Đồng Tháp	1136	66B-020.03	Đồng Tháp	1836	66D-008.43	Đồng Tháp	2536	66B-020.18	Đồng Tháp	3236	66A-245.88	Đồng Tháp
437	66B-020.15	Đồng Tháp	1137	66B-020.06	Đồng Tháp	1837	66D-008.51	Đồng Tháp	2537	66C-161.68	Đồng Tháp	3237	66B-020.13	Đồng Tháp
438	66C-161.88	Đồng Tháp	1138	66B-020.09	Đồng Tháp	1838	67A-283.76	An Giang	2538	66D-008.52	Đồng Tháp	3238	66C-161.66	Đồng Tháp
439	66D-008.45	Đồng Tháp	1139	66B-020.17	Đồng Tháp	1839	67A-283.86	An Giang	2539	67A-283.71	An Giang	3239	66C-161.79	Đồng Tháp
440	67A-283.80	An Giang	1140	67A-283.84	An Giang	1840	67A-284.10	An Giang	2540	67A-283.75	An Giang	3240	66D-008.41	Đồng Tháp
441	67A-283.89	An Giang	1141	67A-283.92	An Giang	1841	67A-284.20	An Giang	2541	67A-283.82	An Giang	3241	66D-008.46	Đồng Tháp
442	67A-283.93	An Giang	1142	67A-284.06	An Giang	1842	67C-171.34	An Giang	2542	67A-283.91	An Giang	3242	66D-008.49	Đồng Tháp
443	67A-284.00	An Giang	1143	67C-171.36	An Giang	1843	67C-171.35	An Giang	2543	67A-283.94	An Giang	3243	66D-008.50	Đồng Tháp
444	67A-284.12	An Giang	1144	67C-171.40	An Giang	1844	67C-171.41	An Giang	2544	67A-283.96	An Giang	3244	67A-283.73	An Giang
445	67A-284.16	An Giang	1145	67C-171.43	An Giang	1845	67C-171.44	An Giang	2545	67A-284.07	An Giang	3245	67A-283.74	An Giang
446	67C-171.42	An Giang	1146	67C-171.46	An Giang	1846	67C-171.48	An Giang	2546	67C-171.31	An Giang	3246	67A-283.81	An Giang
447	67C-171.61	An Giang	1147	67C-171.50	An Giang	1847	67C-171.64	An Giang	2547	67C-171.38	An Giang	3247	67A-283.95	An Giang
448	67C-171.63	An Giang	1148	67C-171.52	An Giang	1848	67C-171.70	An Giang	2548	67C-171.45	An Giang	3248	67C-171.47	An Giang
449	67C-171.72	An Giang	1149	67C-171.54	An Giang	1849	67C-171.71	An Giang	2549	67C-171.74	An Giang	3249	67C-171.51	An Giang
450	68A-322.53	Kiên Giang	1150	68A-322.72	Kiên Giang	1850	67C-171.75	An Giang	2550	67C-171.76	An Giang	3250	67C-171.65	An Giang
451	68A-322.62	Kiên Giang	1151	68A-322.77	Kiên Giang	1851	68A-322.40	Kiên Giang	2551	68A-322.51	Kiên Giang	3251	67C-171.73	An Giang
452	68A-322.63	Kiên Giang	1152	68A-322.93	Kiên Giang	1852	68A-322.45	Kiên Giang	2552	68A-322.54	Kiên Giang	3252	68A-322.43	Kiên Giang
453	68A-322.81	Kiên Giang	1153	68A-323.06	Kiên Giang	1853	68A-322.49	Kiên Giang	2553	68A-322.67	Kiên Giang	3253	68A-322.50	Kiên Giang
454	68A-322.82	Kiên Giang	1154	68A-323.08	Kiên Giang	1854	68A-322.52	Kiên Giang	2554	68A-322.73	Kiên Giang	3254	68A-322.58	Kiên Giang
455	68A-322.96	Kiên Giang	1155	68A-323.11	Kiên Giang	1855	68A-322.79	Kiên Giang	2555	68A-322.99	Kiên Giang	3255	68A-322.61	Kiên Giang
456	68A-323.00	Kiên Giang	1156	68A-323.18	Kiên Giang	1856	68A-322.89	Kiên Giang	2556	68A-323.07	Kiên Giang	3256	68A-322.65	Kiên Giang
457	68A-323.09	Kiên Giang	1157	68A-323.35	Kiên Giang	1857	68A-323.03	Kiên Giang	2557	68A-323.32	Kiên Giang	3257	68A-322.76	Kiên Giang
458	68A-323.14	Kiên Giang	1158	69A-143.39	Cà Mau	1858	68A-323.10	Kiên Giang	2558	69A-143.33	Cà Mau	3258	68A-322.92	Kiên Giang
459	69A-143.79	Cà Mau	1159	69A-144.89	Cà Mau	1859	68A-323.13	Kiên Giang	2559	69A-144.99	Cà Mau	3259	68A-323.22	Kiên Giang
460	69A-143.88	Cà Mau	1160	69A-145.66	Cà Mau	1860	68A-323.16	Kiên Giang	2560	69A-145.39	Cà Mau	3260	69A-142.39	Cà Mau
461	69B-009.90	Cà Mau	1161	69A-145.79	Cà Mau	1861	68A-323.20	Kiên Giang	2561	69A-146.89	Cà Mau	3261	69A-142.88	Cà Mau
462	69B-009.92	Cà Mau	1162	69A-145.89	Cà Mau	1862	68A-323.37	Kiên Giang	2562	69B-009.91	Cà Mau	3262	69A-146.79	Cà Mau
463	69B-009.97	Cà Mau	1163	69B-010.00	Cà Mau	1863	69A-142.86	Cà Mau	2563	69B-009.96	Cà Mau	3263	69A-146.86	Cà Mau

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
464	69C-093.02	Cà Mau	1164	69C-093.06	Cà Mau	1864	69A-146.88	Cà Mau	2564	69B-009.98	Cà Mau	3264	69B-009.95	Cà Mau
465	69C-093.09	Cà Mau	1165	69C-093.07	Cà Mau	1865	69B-010.09	Cà Mau	2565	70A-520.88	Tây Ninh	3265	69C-093.04	Cà Mau
466	69D-001.96	Cà Mau	1166	69C-093.08	Cà Mau	1866	69C-093.03	Cà Mau	2566	70A-521.02	Tây Ninh	3266	69D-002.00	Cà Mau
467	69D-001.99	Cà Mau	1167	69D-001.97	Cà Mau	1867	69D-002.01	Cà Mau	2567	70A-521.06	Tây Ninh	3267	69D-002.05	Cà Mau
468	69D-002.07	Cà Mau	1168	69D-001.98	Cà Mau	1868	70A-520.78	Tây Ninh	2568	70A-521.21	Tây Ninh	3268	69D-002.06	Cà Mau
469	70A-520.97	Tây Ninh	1169	70A-520.75	Tây Ninh	1869	70A-520.81	Tây Ninh	2569	70A-521.30	Tây Ninh	3269	70A-520.77	Tây Ninh
470	70A-521.08	Tây Ninh	1170	70A-520.80	Tây Ninh	1870	70A-520.91	Tây Ninh	2570	70A-521.46	Tây Ninh	3270	70A-520.86	Tây Ninh
471	70A-521.20	Tây Ninh	1171	70A-520.82	Tây Ninh	1871	70A-520.92	Tây Ninh	2571	70A-521.50	Tây Ninh	3271	70A-520.94	Tây Ninh
472	70A-521.23	Tây Ninh	1172	70A-520.84	Tây Ninh	1872	70A-521.05	Tây Ninh	2572	70A-521.57	Tây Ninh	3272	70A-520.95	Tây Ninh
473	70A-521.34	Tây Ninh	1173	70A-520.96	Tây Ninh	1873	70A-521.16	Tây Ninh	2573	70A-521.61	Tây Ninh	3273	70A-521.00	Tây Ninh
474	70A-521.41	Tây Ninh	1174	70A-520.99	Tây Ninh	1874	70A-521.24	Tây Ninh	2574	70A-521.66	Tây Ninh	3274	70A-521.01	Tây Ninh
475	70A-521.43	Tây Ninh	1175	70A-521.04	Tây Ninh	1875	70A-521.28	Tây Ninh	2575	70A-521.69	Tây Ninh	3275	70A-521.31	Tây Ninh
476	70A-521.48	Tây Ninh	1176	70A-521.32	Tây Ninh	1876	70A-521.29	Tây Ninh	2576	70A-521.70	Tây Ninh	3276	70A-521.39	Tây Ninh
477	70A-521.55	Tây Ninh	1177	70A-521.33	Tây Ninh	1877	70A-521.42	Tây Ninh	2577	70A-521.71	Tây Ninh	3277	70A-521.59	Tây Ninh
478	70A-521.64	Tây Ninh	1178	70A-521.38	Tây Ninh	1878	71C-121.86	Bến Tre	2578	71C-121.71	Bến Tre	3278	70A-521.67	Tây Ninh
479	71C-121.73	Bến Tre	1179	70A-521.40	Tây Ninh	1879	71C-121.92	Bến Tre	2579	71C-121.80	Bến Tre	3279	71C-121.79	Bến Tre
480	71C-121.78	Bến Tre	1180	70A-521.52	Tây Ninh	1880	71C-122.03	Bến Tre	2580	71C-121.82	Bến Tre	3280	71C-121.81	Bến Tre
481	71C-121.94	Bến Tre	1181	70A-521.68	Tây Ninh	1881	71C-122.21	Bến Tre	2581	71C-121.88	Bến Tre	3281	71C-121.83	Bến Tre
482	71C-122.05	Bến Tre	1182	71C-121.90	Bến Tre	1882	71C-122.64	Bến Tre	2582	71C-122.02	Bến Tre	3282	71C-121.91	Bến Tre
483	71C-122.15	Bến Tre	1183	71C-121.93	Bến Tre	1883	72A-750.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	2583	71C-122.04	Bến Tre	3283	71C-121.99	Bến Tre
484	71C-122.20	Bến Tre	1184	71C-121.95	Bến Tre	1884	72A-750.30	Bà Rịa - Vũng Tàu	2584	71C-122.07	Bến Tre	3284	71C-122.18	Bến Tre
485	71C-122.23	Bến Tre	1185	71C-121.97	Bến Tre	1885	72A-750.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	2585	71C-122.08	Bến Tre	3285	71C-122.27	Bến Tre
486	71C-122.25	Bến Tre	1186	71C-122.17	Bến Tre	1886	72A-750.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	2586	71C-122.11	Bến Tre	3286	71C-122.31	Bến Tre
487	71C-122.48	Bến Tre	1187	71C-122.19	Bến Tre	1887	72A-750.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	2587	71C-122.26	Bến Tre	3287	71C-122.41	Bến Tre
488	71C-122.52	Bến Tre	1188	71C-122.22	Bến Tre	1888	72A-750.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	2588	71C-122.28	Bến Tre	3288	71C-122.55	Bến Tre
489	71C-122.53	Bến Tre	1189	71C-122.30	Bến Tre	1889	72C-222.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2589	71C-122.37	Bến Tre	3289	71C-122.57	Bến Tre
490	72A-750.02	Bà Rịa - Vũng Tàu	1190	71C-122.33	Bến Tre	1890	72C-222.30	Bà Rịa - Vũng Tàu	2590	71C-122.50	Bến Tre	3290	72A-750.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
491	72A-750.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1191	71C-122.44	Bến Tre	1891	72C-222.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2591	71C-122.58	Bến Tre	3291	72A-750.14	Bà Rịa - Vũng Tàu
492	72A-750.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	1192	71C-122.45	Bến Tre	1892	72C-222.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	2592	71C-122.59	Bến Tre	3292	72A-750.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
493	72A-750.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	1193	71C-122.65	Bến Tre	1893	72C-222.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	2593	71C-122.66	Bến Tre	3293	72A-750.47	Bà Rịa - Vũng Tàu
494	72A-750.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	1194	72A-750.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	1894	72C-222.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	2594	71C-122.67	Bến Tre	3294	72A-750.54	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
495	72A-750.32	Bà Rịa - Vũng Tàu	1195	72A-750.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	1895	72C-222.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	2595	71C-122.69	Bến Tre	3295	72A-750.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
496	72A-750.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	1196	72A-750.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	1896	72C-222.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	2596	71C-122.70	Bến Tre	3296	72A-750.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
497	72A-750.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	1197	72A-750.49	Bà Rịa - Vũng Tàu	1897	72C-222.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2597	72A-750.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	3297	72A-750.72	Bà Rịa - Vũng Tàu
498	72A-750.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	1198	72A-750.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	1898	72C-226.93	Bà Rịa - Vũng Tàu	2598	72A-750.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3298	72C-222.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
499	72A-750.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	1199	72A-750.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	1899	72C-226.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	2599	72A-750.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3299	72C-222.32	Bà Rịa - Vũng Tàu
500	72A-750.76	Bà Rịa - Vũng Tàu	1200	72A-750.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	1900	73A-326.21	Quảng Bình	2600	72A-750.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	3300	72C-222.41	Bà Rịa - Vũng Tàu
501	72A-750.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	1201	72A-750.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	1901	73A-326.22	Quảng Bình	2601	72A-750.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	3301	72C-222.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
502	72C-222.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	1202	72C-221.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	1902	73A-326.24	Quảng Bình	2602	72A-750.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3302	72C-222.80	Bà Rịa - Vũng Tàu
503	72C-222.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	1203	72C-222.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	1903	73A-326.30	Quảng Bình	2603	72A-750.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3303	72C-222.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
504	72C-222.14	Bà Rịa - Vũng Tàu	1204	72C-222.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1904	73A-326.34	Quảng Bình	2604	72A-750.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	3304	72C-226.94	Bà Rịa - Vũng Tàu
505	72C-222.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	1205	72C-222.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	1905	73A-326.45	Quảng Bình	2605	72A-750.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	3305	72C-227.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
506	72C-222.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	1206	72C-222.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	1906	73C-172.83	Quảng Bình	2606	72A-750.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	3306	73A-326.18	Quảng Bình
507	72C-222.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	1207	72C-222.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	1907	73C-173.02	Quảng Bình	2607	72A-750.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	3307	73A-326.29	Quảng Bình
508	72C-222.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1208	72C-222.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	1908	73C-173.25	Quảng Bình	2608	72A-750.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3308	73A-326.38	Quảng Bình
509	72C-222.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	1209	72C-222.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	1909	73C-173.26	Quảng Bình	2609	72A-750.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3309	73A-326.40	Quảng Bình
510	72C-222.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	1210	72C-222.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	1910	73C-173.29	Quảng Bình	2610	72C-221.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	3310	73A-326.41	Quảng Bình
511	72C-222.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	1211	72C-222.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1911	74A-242.15	Quảng Trị	2611	72C-222.02	Bà Rịa - Vũng Tàu	3311	73A-326.55	Quảng Bình
512	72C-222.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1212	72C-222.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	1912	74B-013.58	Quảng Trị	2612	72C-222.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	3312	73C-172.85	Quảng Bình
513	72C-222.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	1213	72C-222.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	1913	74C-126.26	Quảng Trị	2613	72C-222.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	3313	73C-172.90	Quảng Bình
514	73A-326.23	Quảng Bình	1214	72C-222.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	1914	74C-126.89	Quảng Trị	2614	72C-222.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	3314	73C-173.13	Quảng Bình
515	73A-326.27	Quảng Bình	1215	72C-222.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	1915	74C-127.00	Quảng Trị	2615	72C-222.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	3315	73C-173.16	Quảng Bình
516	73A-326.31	Quảng Bình	1216	72C-222.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	1916	74D-008.14	Quảng Trị	2616	73A-326.56	Quảng Bình	3316	74A-241.79	Quảng Trị
517	73A-326.35	Quảng Bình	1217	72C-226.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	1917	74D-008.15	Quảng Trị	2617	73A-326.58	Quảng Bình	3317	74A-242.05	Quảng Trị
518	73A-326.36	Quảng Bình	1218	73A-326.19	Quảng Bình	1918	74D-008.20	Quảng Trị	2618	73C-172.93	Quảng Bình	3318	74A-242.06	Quảng Trị
519	73A-326.43	Quảng Bình	1219	73A-326.28	Quảng Bình	1919	75A-350.25	Thừa Thiên Huế	2619	73C-173.14	Quảng Bình	3319	74A-242.07	Quảng Trị
520	73A-326.49	Quảng Bình	1220	73A-326.37	Quảng Bình	1920	75A-350.27	Thừa Thiên Huế	2620	74A-241.68	Quảng Trị	3320	74A-242.16	Quảng Trị
521	73A-326.53	Quảng Bình	1221	73A-326.46	Quảng Bình	1921	75A-350.33	Thừa Thiên Huế	2621	74A-241.86	Quảng Trị	3321	74A-242.36	Quảng Trị
522	73A-326.61	Quảng Bình	1222	73A-326.51	Quảng Bình	1922	75A-350.39	Thừa Thiên Huế	2622	74A-242.00	Quảng Trị	3322	74A-242.38	Quảng Trị
523	73C-172.87	Quảng Bình	1223	73A-326.52	Quảng Bình	1923	75A-350.40	Thừa Thiên Huế	2623	74A-242.08	Quảng Trị	3323	74B-013.51	Quảng Trị
524	73C-172.94	Quảng Bình	1224	73A-326.65	Quảng Bình	1924	75A-350.46	Thừa Thiên Huế	2624	74A-242.23	Quảng Trị	3324	74B-013.54	Quảng Trị
525	73C-172.96	Quảng Bình	1225	73C-172.81	Quảng Bình	1925	75A-350.66	Thừa Thiên Huế	2625	74A-242.34	Quảng Trị	3325	74B-013.60	Quảng Trị

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
526	73C-173.09	Quảng Bình	1226	73C-172.84	Quảng Bình	1926	75A-350.69	Thừa Thiên Huế	2626	74A-242.39	Quảng Trị	3326	74C-126.66	Quảng Trị
527	73C-173.30	Quảng Bình	1227	73C-173.19	Quảng Bình	1927	75C-149.32	Thừa Thiên Huế	2627	74C-126.68	Quảng Trị	3327	74C-127.02	Quảng Trị
528	74A-241.66	Quảng Trị	1228	73C-173.28	Quảng Bình	1928	75C-149.38	Thừa Thiên Huế	2628	74C-126.69	Quảng Trị	3328	74D-008.03	Quảng Trị
529	74A-242.09	Quảng Trị	1229	74A-241.69	Quảng Trị	1929	75C-149.48	Thừa Thiên Huế	2629	74D-008.12	Quảng Trị	3329	75A-350.34	Thừa Thiên Huế
530	74A-242.14	Quảng Trị	1230	74A-241.88	Quảng Trị	1930	75C-149.55	Thừa Thiên Huế	2630	75A-350.32	Thừa Thiên Huế	3330	75A-350.43	Thừa Thiên Huế
531	74A-242.20	Quảng Trị	1231	74A-242.17	Quảng Trị	1931	75C-149.61	Thừa Thiên Huế	2631	75A-350.36	Thừa Thiên Huế	3331	75A-350.45	Thừa Thiên Huế
532	74B-013.52	Quảng Trị	1232	74A-242.21	Quảng Trị	1932	75C-149.80	Thừa Thiên Huế	2632	75A-350.60	Thừa Thiên Huế	3332	75A-350.54	Thừa Thiên Huế
533	74B-013.53	Quảng Trị	1233	74A-242.29	Quảng Trị	1933	76A-286.02	Quảng Ngãi	2633	75A-350.63	Thừa Thiên Huế	3333	75A-350.67	Thừa Thiên Huế
534	74C-126.86	Quảng Trị	1234	74A-242.32	Quảng Trị	1934	76A-286.03	Quảng Ngãi	2634	75A-350.73	Thừa Thiên Huế	3334	75A-350.70	Thừa Thiên Huế
535	74C-126.88	Quảng Trị	1235	74C-127.01	Quảng Trị	1935	76A-286.09	Quảng Ngãi	2635	75C-149.35	Thừa Thiên Huế	3335	75A-350.74	Thừa Thiên Huế
536	75A-350.61	Thừa Thiên Huế	1236	74D-008.01	Quảng Trị	1936	76A-286.34	Quảng Ngãi	2636	75C-149.39	Thừa Thiên Huế	3336	75C-149.54	Thừa Thiên Huế
537	75C-149.34	Thừa Thiên Huế	1237	74D-008.11	Quảng Trị	1937	76B-023.56	Quảng Ngãi	2637	75C-149.52	Thừa Thiên Huế	3337	75C-149.56	Thừa Thiên Huế
538	75C-149.37	Thừa Thiên Huế	1238	75A-350.38	Thừa Thiên Huế	1938	76B-023.57	Quảng Ngãi	2638	75C-149.53	Thừa Thiên Huế	3338	76A-286.05	Quảng Ngãi
539	75C-149.40	Thừa Thiên Huế	1239	75A-350.44	Thừa Thiên Huế	1939	76C-160.88	Quảng Ngãi	2639	75C-149.65	Thừa Thiên Huế	3339	76A-286.06	Quảng Ngãi
540	75C-149.67	Thừa Thiên Huế	1240	75A-350.48	Thừa Thiên Huế	1940	76D-008.61	Quảng Ngãi	2640	75C-149.68	Thừa Thiên Huế	3340	76A-286.10	Quảng Ngãi
541	76A-286.12	Quảng Ngãi	1241	75A-350.49	Thừa Thiên Huế	1941	76D-008.79	Quảng Ngãi	2641	75C-149.74	Thừa Thiên Huế	3341	76A-286.16	Quảng Ngãi
542	76A-286.13	Quảng Ngãi	1242	75A-350.52	Thừa Thiên Huế	1942	77A-296.68	Bình Định	2642	76A-285.85	Quảng Ngãi	3342	76A-286.17	Quảng Ngãi
543	76A-286.15	Quảng Ngãi	1243	75A-350.55	Thừa Thiên Huế	1943	77A-296.89	Bình Định	2643	76A-286.24	Quảng Ngãi	3343	76A-286.20	Quảng Ngãi
544	76A-286.18	Quảng Ngãi	1244	75A-350.57	Thừa Thiên Huế	1944	77A-299.39	Bình Định	2644	76A-286.26	Quảng Ngãi	3344	76C-160.00	Quảng Ngãi
545	76D-008.64	Quảng Ngãi	1245	75C-149.33	Thừa Thiên Huế	1945	77A-300.11	Bình Định	2645	76A-286.32	Quảng Ngãi	3345	76C-160.66	Quảng Ngãi
546	77A-297.88	Bình Định	1246	75C-149.51	Thừa Thiên Huế	1946	77B-034.01	Bình Định	2646	76B-023.55	Quảng Ngãi	3346	76C-161.69	Quảng Ngãi
547	77A-297.99	Bình Định	1247	75C-149.71	Thừa Thiên Huế	1947	77B-034.16	Bình Định	2647	76C-161.39	Quảng Ngãi	3347	76D-008.67	Quảng Ngãi
548	77A-299.69	Bình Định	1248	75C-149.75	Thừa Thiên Huế	1948	77B-034.17	Bình Định	2648	76D-008.65	Quảng Ngãi	3348	76D-008.68	Quảng Ngãi
549	77A-300.50	Bình Định	1249	75C-149.76	Thừa Thiên Huế	1949	77C-238.88	Bình Định	2649	76D-008.69	Quảng Ngãi	3349	77A-297.39	Bình Định
550	77A-300.54	Bình Định	1250	76A-285.39	Quảng Ngãi	1950	77D-003.16	Bình Định	2650	76D-008.74	Quảng Ngãi	3350	77A-298.79	Bình Định
551	77B-034.09	Bình Định	1251	76A-285.69	Quảng Ngãi	1951	78A-183.66	Phú Yên	2651	76D-008.77	Quảng Ngãi	3351	77A-298.99	Bình Định
552	77B-034.14	Bình Định	1252	76A-286.33	Quảng Ngãi	1952	78A-184.01	Phú Yên	2652	76D-008.80	Quảng Ngãi	3352	77A-300.33	Bình Định
553	77B-034.18	Bình Định	1253	76A-286.37	Quảng Ngãi	1953	78A-184.07	Phú Yên	2653	77A-297.86	Bình Định	3353	77B-034.04	Bình Định
554	77B-034.20	Bình Định	1254	76C-161.86	Quảng Ngãi	1954	78A-184.10	Phú Yên	2654	77B-034.02	Bình Định	3354	77B-034.07	Bình Định
555	77C-238.86	Bình Định	1255	76D-008.71	Quảng Ngãi	1955	78A-184.16	Phú Yên	2655	77B-034.10	Bình Định	3355	77B-034.13	Bình Định
556	77D-003.12	Bình Định	1256	77A-296.99	Bình Định	1956	78A-184.19	Phú Yên	2656	77B-034.11	Bình Định	3356	77B-034.15	Bình Định

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
557	77D-003.18	Bình Định	1257	77A-300.57	Bình Định	1957	78A-184.38	Phú Yên	2657	77B-034.12	Bình Định	3357	77D-003.13	Bình Định
558	77D-003.22	Bình Định	1258	77B-034.06	Bình Định	1958	78B-015.02	Phú Yên	2658	77D-003.17	Bình Định	3358	77D-003.25	Bình Định
559	78A-183.39	Phú Yên	1259	77C-238.39	Bình Định	1959	78B-015.19	Phú Yên	2659	77D-003.19	Bình Định	3359	78A-183.79	Phú Yên
560	78A-184.06	Phú Yên	1260	77C-238.69	Bình Định	1960	78C-741.08	Phú Yên	2660	77D-003.24	Bình Định	3360	78A-184.21	Phú Yên
561	78A-184.09	Phú Yên	1261	77D-003.20	Bình Định	1961	78D-003.02	Phú Yên	2661	77D-003.30	Bình Định	3361	78A-184.29	Phú Yên
562	78A-184.17	Phú Yên	1262	77D-003.23	Bình Định	1962	78D-003.03	Phú Yên	2662	78A-183.68	Phú Yên	3362	78A-184.32	Phú Yên
563	78A-184.25	Phú Yên	1263	78A-184.00	Phú Yên	1963	78D-003.14	Phú Yên	2663	78A-183.86	Phú Yên	3363	78A-184.34	Phú Yên
564	78A-184.37	Phú Yên	1264	78A-184.26	Phú Yên	1964	79A-503.22	Khánh Hòa	2664	78A-184.11	Phú Yên	3364	78B-015.09	Phú Yên
565	78A-184.39	Phú Yên	1265	78A-184.27	Phú Yên	1965	79A-503.29	Khánh Hòa	2665	78A-184.12	Phú Yên	3365	78B-015.18	Phú Yên
566	78B-015.11	Phú Yên	1266	78B-015.14	Phú Yên	1966	79A-503.43	Khánh Hòa	2666	78A-184.20	Phú Yên	3366	78D-003.08	Phú Yên
567	78C-741.07	Phú Yên	1267	78D-003.07	Phú Yên	1967	79A-503.44	Khánh Hòa	2667	78B-015.01	Phú Yên	3367	78D-003.19	Phú Yên
568	78C-741.09	Phú Yên	1268	78D-003.18	Phú Yên	1968	79A-503.50	Khánh Hòa	2668	78B-015.05	Phú Yên	3368	79A-503.39	Khánh Hòa
569	79A-503.38	Khánh Hòa	1269	78D-003.20	Phú Yên	1969	79A-503.52	Khánh Hòa	2669	78B-015.15	Phú Yên	3369	79A-503.66	Khánh Hòa
570	79A-503.48	Khánh Hòa	1270	79A-503.24	Khánh Hòa	1970	79A-503.69	Khánh Hòa	2670	78B-015.20	Phú Yên	3370	79A-503.71	Khánh Hòa
571	79A-503.57	Khánh Hòa	1271	79A-503.32	Khánh Hòa	1971	79C-211.20	Khánh Hòa	2671	78C-741.06	Phú Yên	3371	79C-211.23	Khánh Hòa
572	79C-211.24	Khánh Hòa	1272	79A-503.46	Khánh Hòa	1972	79C-211.46	Khánh Hòa	2672	78D-003.04	Phú Yên	3372	79C-211.30	Khánh Hòa
573	79C-211.28	Khánh Hòa	1273	79A-503.68	Khánh Hòa	1973	81A-389.82	Gia Lai	2673	78D-003.09	Phú Yên	3373	79C-211.36	Khánh Hòa
574	79C-211.39	Khánh Hòa	1274	79C-211.31	Khánh Hòa	1974	81A-389.97	Gia Lai	2674	79A-503.25	Khánh Hòa	3374	79C-211.51	Khánh Hòa
575	79C-211.54	Khánh Hòa	1275	79C-211.32	Khánh Hòa	1975	81A-390.04	Gia Lai	2675	79A-503.41	Khánh Hòa	3375	79C-211.55	Khánh Hòa
576	79C-211.58	Khánh Hòa	1276	79C-211.38	Khánh Hòa	1976	81A-390.07	Gia Lai	2676	79A-503.67	Khánh Hòa	3376	81A-389.72	Gia Lai
577	81A-389.63	Gia Lai	1277	79C-211.45	Khánh Hòa	1977	81A-390.08	Gia Lai	2677	79C-211.25	Khánh Hòa	3377	81A-389.77	Gia Lai
578	81A-389.65	Gia Lai	1278	79C-211.60	Khánh Hòa	1978	81A-390.10	Gia Lai	2678	79C-211.26	Khánh Hòa	3378	81A-389.93	Gia Lai
579	81A-389.71	Gia Lai	1279	81A-389.64	Gia Lai	1979	81C-257.18	Gia Lai	2679	79C-211.29	Khánh Hòa	3379	81A-389.96	Gia Lai
580	81C-257.23	Gia Lai	1280	81A-389.69	Gia Lai	1980	81C-257.22	Gia Lai	2680	79C-211.50	Khánh Hòa	3380	81A-390.06	Gia Lai
581	81C-257.28	Gia Lai	1281	81A-389.74	Gia Lai	1981	81C-257.24	Gia Lai	2681	81A-389.62	Gia Lai	3381	81C-257.15	Gia Lai
582	81C-257.32	Gia Lai	1282	81A-389.75	Gia Lai	1982	81C-257.27	Gia Lai	2682	81C-257.21	Gia Lai	3382	81C-257.30	Gia Lai
583	81C-257.33	Gia Lai	1283	81A-389.76	Gia Lai	1983	81C-257.45	Gia Lai	2683	81C-257.43	Gia Lai	3383	81C-257.40	Gia Lai
584	81C-257.39	Gia Lai	1284	81A-389.83	Gia Lai	1984	81C-257.55	Gia Lai	2684	82A-128.69	Kon Tum	3384	81C-257.46	Gia Lai
585	82A-127.39	Kon Tum	1285	81A-389.94	Gia Lai	1985	82A-131.69	Kon Tum	2685	82A-129.86	Kon Tum	3385	81C-257.56	Gia Lai
586	82A-127.77	Kon Tum	1286	81A-390.12	Gia Lai	1986	82A-131.86	Kon Tum	2686	82A-130.00	Kon Tum	3386	81C-257.57	Gia Lai
587	82A-128.79	Kon Tum	1287	81C-257.35	Gia Lai	1987	82B-012.66	Kon Tum	2687	82A-130.39	Kon Tum	3387	82A-127.68	Kon Tum

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
588	82A-129.68	Kon Tum	1288	81C-257.36	Gia Lai	1988	82C-076.68	Kon Tum	2688	82A-130.86	Kon Tum	3388	82A-128.86	Kon Tum
589	82A-130.68	Kon Tum	1289	81C-257.44	Gia Lai	1989	82C-076.89	Kon Tum	2689	82A-130.88	Kon Tum	3389	82A-129.39	Kon Tum
590	82D-002.79	Kon Tum	1290	81C-257.58	Gia Lai	1990	82C-077.66	Kon Tum	2690	82B-012.86	Kon Tum	3390	82A-130.66	Kon Tum
591	82D-002.86	Kon Tum	1291	82A-127.69	Kon Tum	1991	82D-003.99	Kon Tum	2691	82C-077.88	Kon Tum	3391	82B-012.22	Kon Tum
592	82D-002.99	Kon Tum	1292	82A-131.39	Kon Tum	1992	83A-167.66	Sóc Trăng	2692	82D-002.89	Kon Tum	3392	82C-076.79	Kon Tum
593	82D-003.69	Kon Tum	1293	82A-131.89	Kon Tum	1993	83A-168.02	Sóc Trăng	2693	83A-167.68	Sóc Trăng	3393	82C-077.99	Kon Tum
594	83A-168.09	Sóc Trăng	1294	82C-076.69	Kon Tum	1994	83A-168.03	Sóc Trăng	2694	83A-168.12	Sóc Trăng	3394	83A-168.01	Sóc Trăng
595	83A-168.10	Sóc Trăng	1295	82C-077.39	Kon Tum	1995	83A-168.05	Sóc Trăng	2695	83A-168.17	Sóc Trăng	3395	83A-168.25	Sóc Trăng
596	83A-168.16	Sóc Trăng	1296	82C-077.86	Kon Tum	1996	83A-168.08	Sóc Trăng	2696	83A-168.19	Sóc Trăng	3396	83A-168.38	Sóc Trăng
597	83B-019.54	Sóc Trăng	1297	82D-002.88	Kon Tum	1997	83A-168.23	Sóc Trăng	2697	83A-168.20	Sóc Trăng	3397	83B-019.55	Sóc Trăng
598	83B-019.59	Sóc Trăng	1298	82D-003.68	Kon Tum	1998	83A-168.27	Sóc Trăng	2698	83A-168.29	Sóc Trăng	3398	83B-019.58	Sóc Trăng
599	83C-122.06	Sóc Trăng	1299	82D-004.44	Kon Tum	1999	83C-122.10	Sóc Trăng	2699	83A-168.30	Sóc Trăng	3399	83C-122.01	Sóc Trăng
600	83C-122.13	Sóc Trăng	1300	83B-019.51	Sóc Trăng	2000	83C-122.19	Sóc Trăng	2700	83A-168.33	Sóc Trăng	3400	83C-122.09	Sóc Trăng
601	83D-004.53	Sóc Trăng	1301	83C-122.02	Sóc Trăng	2001	83D-004.55	Sóc Trăng	2701	83B-019.53	Sóc Trăng	3401	83C-122.16	Sóc Trăng
602	83D-004.61	Sóc Trăng	1302	83C-122.03	Sóc Trăng	2002	84A-121.69	Trà Vinh	2702	83C-122.12	Sóc Trăng	3402	83C-122.17	Sóc Trăng
603	83D-004.68	Sóc Trăng	1303	83C-122.11	Sóc Trăng	2003	84A-123.79	Trà Vinh	2703	83D-004.65	Sóc Trăng	3403	83D-004.56	Sóc Trăng
604	84A-121.66	Trà Vinh	1304	83C-122.14	Sóc Trăng	2004	84A-123.89	Trà Vinh	2704	84A-121.99	Trà Vinh	3404	83D-004.64	Sóc Trăng
605	84A-121.89	Trà Vinh	1305	83D-004.58	Sóc Trăng	2005	84B-016.04	Trà Vinh	2705	84A-122.44	Trà Vinh	3405	83D-004.66	Sóc Trăng
606	84A-123.99	Trà Vinh	1306	84A-121.79	Trà Vinh	2006	84B-016.06	Trà Vinh	2706	84A-122.69	Trà Vinh	3406	84A-121.88	Trà Vinh
607	84A-124.88	Trà Vinh	1307	84A-122.55	Trà Vinh	2007	84B-016.17	Trà Vinh	2707	84A-124.68	Trà Vinh	3407	84A-124.66	Trà Vinh
608	84B-016.19	Trà Vinh	1308	84A-123.66	Trà Vinh	2008	85A-121.68	Ninh Thuận	2708	84A-124.79	Trà Vinh	3408	84A-124.99	Trà Vinh
609	84C-112.22	Trà Vinh	1309	84A-123.88	Trà Vinh	2009	85A-122.68	Ninh Thuận	2709	84A-124.89	Trà Vinh	3409	84B-016.11	Trà Vinh
610	84C-112.68	Trà Vinh	1310	84B-016.02	Trà Vinh	2010	85A-123.66	Ninh Thuận	2710	84A-125.25	Trà Vinh	3410	84B-016.15	Trà Vinh
611	84C-112.86	Trà Vinh	1311	84B-016.07	Trà Vinh	2011	85A-123.69	Ninh Thuận	2711	84B-016.05	Trà Vinh	3411	84D-001.76	Trà Vinh
612	84D-001.62	Trà Vinh	1312	84C-112.39	Trà Vinh	2012	85B-010.66	Ninh Thuận	2712	84B-016.09	Trà Vinh	3412	85A-121.99	Ninh Thuận
613	84D-001.69	Trà Vinh	1313	84D-001.66	Trà Vinh	2013	85B-010.69	Ninh Thuận	2713	84B-016.12	Trà Vinh	3413	85A-122.86	Ninh Thuận
614	85A-120.20	Ninh Thuận	1314	84D-001.67	Trà Vinh	2014	85C-078.10	Ninh Thuận	2714	84B-016.14	Trà Vinh	3414	85A-123.79	Ninh Thuận
615	85A-120.68	Ninh Thuận	1315	84D-001.70	Trà Vinh	2015	85D-003.09	Ninh Thuận	2715	84B-016.18	Trà Vinh	3415	85D-003.20	Ninh Thuận
616	85A-120.86	Ninh Thuận	1316	85A-121.89	Ninh Thuận	2016	85D-003.15	Ninh Thuận	2716	84C-112.79	Trà Vinh	3416	86A-277.69	Bình Thuận
617	85A-120.88	Ninh Thuận	1317	85A-122.44	Ninh Thuận	2017	86A-280.13	Bình Thuận	2717	85A-121.86	Ninh Thuận	3417	86A-278.78	Bình Thuận
618	85A-121.66	Ninh Thuận	1318	85A-122.69	Ninh Thuận	2018	86A-280.18	Bình Thuận	2718	85A-122.55	Ninh Thuận	3418	86A-280.11	Bình Thuận

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
619	85A-121.88	Ninh Thuận	1319	85A-122.88	Ninh Thuận	2019	86C-189.99	Bình Thuận	2719	85A-123.88	Ninh Thuận	3419	86B-021.17	Bình Thuận
620	85A-122.66	Ninh Thuận	1320	85A-123.39	Ninh Thuận	2020	86D-002.52	Bình Thuận	2720	85B-010.55	Ninh Thuận	3420	86B-021.18	Bình Thuận
621	85A-122.77	Ninh Thuận	1321	85A-124.24	Ninh Thuận	2021	86D-002.55	Bình Thuận	2721	85B-010.56	Ninh Thuận	3421	86B-021.19	Bình Thuận
622	85A-123.86	Ninh Thuận	1322	85A-124.66	Ninh Thuận	2022	89A-447.75	Hưng Yên	2722	85B-010.59	Ninh Thuận	3422	86C-188.39	Bình Thuận
623	85A-123.89	Ninh Thuận	1323	85B-010.58	Ninh Thuận	2023	89A-447.83	Hưng Yên	2723	85B-010.60	Ninh Thuận	3423	86C-188.86	Bình Thuận
624	85B-010.51	Ninh Thuận	1324	85B-010.63	Ninh Thuận	2024	89A-447.86	Hưng Yên	2724	85C-078.03	Ninh Thuận	3424	86C-190.00	Bình Thuận
625	85B-010.53	Ninh Thuận	1325	85B-010.67	Ninh Thuận	2025	89C-321.21	Hưng Yên	2725	85C-078.07	Ninh Thuận	3425	86C-190.39	Bình Thuận
626	85B-010.61	Ninh Thuận	1326	85C-078.02	Ninh Thuận	2026	89C-321.26	Hưng Yên	2726	85D-003.08	Ninh Thuận	3426	86D-002.56	Bình Thuận
627	85B-010.62	Ninh Thuận	1327	85D-003.03	Ninh Thuận	2027	89C-321.27	Hưng Yên	2727	86A-278.69	Bình Thuận	3427	86D-002.57	Bình Thuận
628	85B-010.64	Ninh Thuận	1328	86A-277.89	Bình Thuận	2028	89C-321.30	Hưng Yên	2728	86A-280.03	Bình Thuận	3428	89A-447.64	Hưng Yên
629	85C-078.05	Ninh Thuận	1329	86A-278.39	Bình Thuận	2029	89C-321.35	Hưng Yên	2729	86A-280.05	Bình Thuận	3429	89A-447.78	Hưng Yên
630	86A-279.88	Bình Thuận	1330	86A-279.68	Bình Thuận	2030	89C-321.45	Hưng Yên	2730	86A-280.12	Bình Thuận	3430	89C-321.16	Hưng Yên
631	86A-280.17	Bình Thuận	1331	86A-280.06	Bình Thuận	2031	89C-321.48	Hưng Yên	2731	86A-280.20	Bình Thuận	3431	89C-321.22	Hưng Yên
632	86A-280.19	Bình Thuận	1332	86A-280.08	Bình Thuận	2032	90A-253.67	Hà Nam	2732	86C-190.66	Bình Thuận	3432	89C-321.31	Hưng Yên
633	86C-189.68	Bình Thuận	1333	86B-021.12	Bình Thuận	2033	90A-253.75	Hà Nam	2733	86D-002.63	Bình Thuận	3433	89C-321.39	Hưng Yên
634	86D-002.50	Bình Thuận	1334	86C-188.68	Bình Thuận	2034	90A-253.78	Hà Nam	2734	86D-002.66	Bình Thuận	3434	89C-321.43	Hưng Yên
635	89A-447.46	Hưng Yên	1335	86C-189.39	Bình Thuận	2035	90A-253.98	Hà Nam	2735	89A-447.45	Hưng Yên	3435	89C-321.47	Hưng Yên
636	89A-447.47	Hưng Yên	1336	86D-002.53	Bình Thuận	2036	90A-254.03	Hà Nam	2736	89A-447.48	Hưng Yên	3436	90A-253.56	Hà Nam
637	89A-447.50	Hưng Yên	1337	89A-447.56	Hưng Yên	2037	90A-254.04	Hà Nam	2737	89A-447.51	Hưng Yên	3437	90A-253.61	Hà Nam
638	89A-447.55	Hưng Yên	1338	89A-447.58	Hưng Yên	2038	90A-254.12	Hà Nam	2738	89A-447.53	Hưng Yên	3438	90A-253.63	Hà Nam
639	89A-447.57	Hưng Yên	1339	89A-447.73	Hưng Yên	2039	90A-254.20	Hà Nam	2739	89A-447.61	Hưng Yên	3439	90A-253.66	Hà Nam
640	89A-447.60	Hưng Yên	1340	89C-321.13	Hưng Yên	2040	90A-254.41	Hà Nam	2740	89A-447.69	Hưng Yên	3440	90A-253.91	Hà Nam
641	89A-447.63	Hưng Yên	1341	89C-321.33	Hưng Yên	2041	90A-254.48	Hà Nam	2741	89A-447.70	Hưng Yên	3441	90A-253.96	Hà Nam
642	89A-447.72	Hưng Yên	1342	89C-321.38	Hưng Yên	2042	92A-371.66	Quảng Nam	2742	89A-447.77	Hưng Yên	3442	90A-254.13	Hà Nam
643	89A-447.80	Hưng Yên	1343	89C-321.41	Hưng Yên	2043	92A-372.39	Quảng Nam	2743	89A-447.93	Hưng Yên	3443	90A-254.15	Hà Nam
644	89C-321.04	Hưng Yên	1344	90A-253.55	Hà Nam	2044	92A-372.69	Quảng Nam	2744	89C-321.01	Hưng Yên	3444	90A-254.16	Hà Nam
645	89C-321.19	Hưng Yên	1345	90A-253.68	Hà Nam	2045	92A-373.66	Quảng Nam	2745	89C-321.17	Hưng Yên	3445	90A-254.28	Hà Nam
646	90A-253.73	Hà Nam	1346	90A-253.69	Hà Nam	2046	92A-374.02	Quảng Nam	2746	89C-321.28	Hưng Yên	3446	92A-370.39	Quảng Nam
647	90A-253.81	Hà Nam	1347	90A-253.80	Hà Nam	2047	92C-229.69	Quảng Nam	2747	89C-321.37	Hưng Yên	3447	92A-370.69	Quảng Nam
648	92A-370.68	Quảng Nam	1348	90A-253.86	Hà Nam	2048	92D-004.43	Quảng Nam	2748	89C-321.44	Hưng Yên	3448	92A-370.89	Quảng Nam
649	92A-370.79	Quảng Nam	1349	90A-253.93	Hà Nam	2049	92D-004.58	Quảng Nam	2749	89C-321.46	Hưng Yên	3449	92A-371.79	Quảng Nam

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
650	92A-371.39	Quảng Nam	1350	90A-254.00	Hà Nam	2050	93A-438.02	Bình Phước	2750	90A-254.06	Hà Nam	3450	92A-371.86	Quảng Nam
651	92A-373.86	Quảng Nam	1351	90A-254.05	Hà Nam	2051	93A-438.04	Bình Phước	2751	90A-254.23	Hà Nam	3451	92A-373.68	Quảng Nam
652	92A-374.00	Quảng Nam	1352	90A-254.37	Hà Nam	2052	93A-438.13	Bình Phước	2752	90A-254.38	Hà Nam	3452	92B-031.04	Quảng Nam
653	92A-374.01	Quảng Nam	1353	92A-370.66	Quảng Nam	2053	93A-438.20	Bình Phước	2753	92A-371.68	Quảng Nam	3453	92C-229.66	Quảng Nam
654	92A-374.07	Quảng Nam	1354	92A-370.99	Quảng Nam	2054	93A-438.26	Bình Phước	2754	92A-371.69	Quảng Nam	3454	92C-229.88	Quảng Nam
655	92A-374.08	Quảng Nam	1355	92A-372.89	Quảng Nam	2055	93A-438.27	Bình Phước	2755	92A-371.88	Quảng Nam	3455	92C-230.39	Quảng Nam
656	92B-031.07	Quảng Nam	1356	92A-374.06	Quảng Nam	2056	93A-438.35	Bình Phước	2756	92A-373.39	Quảng Nam	3456	92C-230.88	Quảng Nam
657	92C-229.68	Quảng Nam	1357	92B-031.02	Quảng Nam	2057	93A-438.37	Bình Phước	2757	92C-230.79	Quảng Nam	3457	92D-004.41	Quảng Nam
658	92C-229.79	Quảng Nam	1358	92C-230.69	Quảng Nam	2058	93A-438.45	Bình Phước	2758	92D-004.47	Quảng Nam	3458	92D-004.62	Quảng Nam
659	92C-230.00	Quảng Nam	1359	92D-004.44	Quảng Nam	2059	93B-018.03	Bình Phước	2759	92D-004.48	Quảng Nam	3459	93A-438.23	Bình Phước
660	92D-004.50	Quảng Nam	1360	92D-004.49	Quảng Nam	2060	93C-179.11	Bình Phước	2760	92D-004.59	Quảng Nam	3460	93A-438.42	Bình Phước
661	93A-438.10	Bình Phước	1361	92D-004.61	Quảng Nam	2061	95A-112.15	Hậu Giang	2761	93A-438.03	Bình Phước	3461	93B-018.01	Bình Phước
662	93A-438.12	Bình Phước	1362	93A-438.16	Bình Phước	2062	95A-112.24	Hậu Giang	2762	93A-438.07	Bình Phước	3462	93B-018.04	Bình Phước
663	93A-438.21	Bình Phước	1363	93A-438.25	Bình Phước	2063	95A-112.33	Hậu Giang	2763	93A-438.09	Bình Phước	3463	93B-018.13	Bình Phước
664	93A-438.22	Bình Phước	1364	93A-438.40	Bình Phước	2064	95A-112.35	Hậu Giang	2764	93A-438.19	Bình Phước	3464	93C-179.08	Bình Phước
665	93A-438.24	Bình Phước	1365	93B-018.07	Bình Phước	2065	95A-112.45	Hậu Giang	2765	93A-438.32	Bình Phước	3465	93C-179.13	Bình Phước
666	93A-438.30	Bình Phước	1366	93B-018.18	Bình Phước	2066	95A-112.49	Hậu Giang	2766	93A-438.43	Bình Phước	3466	93D-003.85	Bình Phước
667	93B-018.19	Bình Phước	1367	95A-112.04	Hậu Giang	2067	95B-009.80	Hậu Giang	2767	93A-438.46	Bình Phước	3467	93D-003.87	Bình Phước
668	93B-018.20	Bình Phước	1368	95A-112.09	Hậu Giang	2068	95C-078.09	Hậu Giang	2768	93A-438.50	Bình Phước	3468	93D-003.89	Bình Phước
669	93C-179.07	Bình Phước	1369	95A-112.26	Hậu Giang	2069	95C-078.15	Hậu Giang	2769	93C-179.14	Bình Phước	3469	95A-112.07	Hậu Giang
670	93C-179.09	Bình Phước	1370	95A-112.46	Hậu Giang	2070	95D-020.17	Hậu Giang	2770	93C-179.17	Bình Phước	3470	95A-112.16	Hậu Giang
671	93C-179.10	Bình Phước	1371	95A-112.47	Hậu Giang	2071	95D-020.20	Hậu Giang	2771	93D-003.84	Bình Phước	3471	95A-112.18	Hậu Giang
672	93C-179.20	Bình Phước	1372	95B-009.84	Hậu Giang	2072	95D-020.28	Hậu Giang	2772	95A-112.01	Hậu Giang	3472	95A-112.19	Hậu Giang
673	95A-112.02	Hậu Giang	1373	95B-009.87	Hậu Giang	2073	95D-020.29	Hậu Giang	2773	95A-112.03	Hậu Giang	3473	95A-112.23	Hậu Giang
674	95A-112.06	Hậu Giang	1374	95B-009.89	Hậu Giang	2074	95D-020.30	Hậu Giang	2774	95A-112.42	Hậu Giang	3474	95A-112.32	Hậu Giang
675	95A-112.29	Hậu Giang	1375	95C-078.03	Hậu Giang	2075	98A-703.20	Bắc Giang	2775	95A-112.50	Hậu Giang	3475	95A-112.37	Hậu Giang
676	95A-112.36	Hậu Giang	1376	95C-078.11	Hậu Giang	2076	98A-703.22	Bắc Giang	2776	95B-009.82	Hậu Giang	3476	95A-112.40	Hậu Giang
677	95C-078.01	Hậu Giang	1377	95C-078.12	Hậu Giang	2077	98A-703.30	Bắc Giang	2777	95C-078.08	Hậu Giang	3477	98A-703.25	Bắc Giang
678	95C-078.05	Hậu Giang	1378	95D-020.11	Hậu Giang	2078	98A-703.47	Bắc Giang	2778	95C-078.14	Hậu Giang	3478	98A-703.32	Bắc Giang
679	95C-078.06	Hậu Giang	1379	98A-703.34	Bắc Giang	2079	98A-703.48	Bắc Giang	2779	95C-078.18	Hậu Giang	3479	98A-703.39	Bắc Giang
680	95C-078.07	Hậu Giang	1380	98A-703.44	Bắc Giang	2080	98A-703.62	Bắc Giang	2780	95C-078.19	Hậu Giang	3480	98A-703.43	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng														
Thời gian đấu giá: 8h00'-8h30'			Thời gian đấu giá: 8h45'-9h15'			Thời gian đấu giá: 9h30'-10h00'			Thời gian đấu giá: 10h15'-10h45'			Thời gian đấu giá: 11h00'-11h30'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
681	95D-020.16	Hậu Giang	1381	98A-703.60	Bắc Giang	2081	98A-703.66	Bắc Giang	2781	95C-078.20	Hậu Giang	3481	98A-703.54	Bắc Giang
682	98A-703.40	Bắc Giang	1382	98A-703.65	Bắc Giang	2082	98A-703.74	Bắc Giang	2782	95D-020.23	Hậu Giang	3482	98A-703.55	Bắc Giang
683	98A-703.53	Bắc Giang	1383	98A-703.70	Bắc Giang	2083	98A-703.82	Bắc Giang	2783	95D-020.24	Hậu Giang	3483	98A-703.56	Bắc Giang
684	98A-703.73	Bắc Giang	1384	98A-703.78	Bắc Giang	2084	98A-703.99	Bắc Giang	2784	98A-703.21	Bắc Giang	3484	98A-703.67	Bắc Giang
685	98A-703.79	Bắc Giang	1385	98A-703.80	Bắc Giang	2085	98A-704.00	Bắc Giang	2785	98A-703.29	Bắc Giang	3485	98A-703.68	Bắc Giang
686	98A-703.88	Bắc Giang	1386	98A-703.83	Bắc Giang	2086	98A-704.06	Bắc Giang	2786	98A-703.46	Bắc Giang	3486	98A-703.77	Bắc Giang
687	98A-703.92	Bắc Giang	1387	98A-703.86	Bắc Giang	2087	98A-704.09	Bắc Giang	2787	98A-703.59	Bắc Giang	3487	98A-704.04	Bắc Giang
688	98A-703.93	Bắc Giang	1388	98A-703.94	Bắc Giang	2088	98A-704.13	Bắc Giang	2788	98A-703.85	Bắc Giang	3488	98A-704.10	Bắc Giang
689	98A-703.97	Bắc Giang	1389	99A-734.77	Bắc Ninh	2089	98A-704.16	Bắc Giang	2789	98A-704.03	Bắc Giang	3489	98A-704.15	Bắc Giang
690	98A-704.01	Bắc Giang	1390	99A-734.83	Bắc Ninh	2090	98A-704.17	Bắc Giang	2790	98A-704.07	Bắc Giang	3490	99A-734.79	Bắc Ninh
691	98A-704.02	Bắc Giang	1391	99A-734.91	Bắc Ninh	2091	99A-734.76	Bắc Ninh	2791	98A-704.14	Bắc Giang	3491	99A-734.87	Bắc Ninh
692	98A-704.05	Bắc Giang	1392	99A-734.95	Bắc Ninh	2092	99A-735.02	Bắc Ninh	2792	99A-734.82	Bắc Ninh	3492	99A-734.89	Bắc Ninh
693	99A-734.75	Bắc Ninh	1393	99A-735.00	Bắc Ninh	2093	99A-735.03	Bắc Ninh	2793	99A-734.85	Bắc Ninh	3493	99A-735.17	Bắc Ninh
694	99A-734.94	Bắc Ninh	1394	99A-735.12	Bắc Ninh	2094	99A-735.11	Bắc Ninh	2794	99A-734.93	Bắc Ninh	3494	99A-735.38	Bắc Ninh
695	99A-734.96	Bắc Ninh	1395	99A-735.16	Bắc Ninh	2095	99A-735.31	Bắc Ninh	2795	99A-735.05	Bắc Ninh	3495	99A-735.42	Bắc Ninh
696	99A-734.97	Bắc Ninh	1396	99A-735.32	Bắc Ninh	2096	99A-735.36	Bắc Ninh	2796	99A-735.15	Bắc Ninh	3496	99A-735.48	Bắc Ninh
697	99A-735.06	Bắc Ninh	1397	99A-735.34	Bắc Ninh	2097	99A-735.40	Bắc Ninh	2797	99A-735.26	Bắc Ninh	3497	99A-735.52	Bắc Ninh
698	99A-735.25	Bắc Ninh	1398	99A-735.39	Bắc Ninh	2098	99A-735.60	Bắc Ninh	2798	99A-735.45	Bắc Ninh	3498	99A-735.53	Bắc Ninh
699	99A-735.49	Bắc Ninh	1399	99A-735.44	Bắc Ninh	2099	99A-735.62	Bắc Ninh	2799	99A-735.50	Bắc Ninh	3499	99A-735.63	Bắc Ninh
700	99C-301.22	Bắc Ninh	1400	99A-735.57	Bắc Ninh	2100	99A-735.66	Bắc Ninh	2800	99A-735.70	Bắc Ninh	3500	99A-735.68	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
3501	15K-255.55	Hải Phòng	4201	19A-599.99	Phú Thọ	4901	24A-255.55	Lào Cai	5601	23A-135.68	Hà Giang	6301	30L-000.02	Hà Nội
3502	24A-255.68	Lào Cai	4202	24A-258.68	Lào Cai	4902	30L-066.68	Hà Nội	5602	30K-644.44	Hà Nội	6302	51K-999.93	Hồ Chí Minh
3503	30L-133.33	Hà Nội	4203	30L-055.55	Hà Nội	4903	37C-505.55	Nghệ An	5603	30L-122.22	Hà Nội	6303	51L-200.00	Hồ Chí Minh
3504	38A-582.68	Hà Tĩnh	4204	37K-268.89	Nghệ An	4904	72A-777.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	5604	84A-122.22	Trà Vinh	6304	86C-188.88	Bình Thuận
3505	15K-210.88	Hải Phòng	4205	11A-116.88	Cao Bằng	4905	14A-853.33	Quảng Ninh	5605	15K-223.88	Hải Phòng	6305	14C-388.99	Quảng Ninh
3506	15K-226.36	Hải Phòng	4206	19A-582.28	Phú Thọ	4906	23A-136.86	Hà Giang	5606	19A-585.89	Phú Thọ	6306	15K-222.85	Hải Phòng
3507	21C-098.88	Yên Bái	4207	24A-268.69	Lào Cai	4907	24A-257.89	Lào Cai	5607	19A-599.69	Phú Thọ	6307	18A-407.89	Nam Định
3508	22A-231.11	Tuyên Quang	4208	30K-621.86	Hà Nội	4908	26A-201.11	Sơn La	5608	19A-599.95	Phú Thọ	6308	19A-600.08	Phú Thọ
3509	27A-108.88	Điện Biên	4209	30K-807.89	Hà Nội	4909	30K-661.56	Hà Nội	5609	19A-599.98	Phú Thọ	6309	19A-604.79	Phú Thọ
3510	28A-228.98	Hòa Bình	4210	30K-807.99	Hà Nội	4910	30K-808.99	Hà Nội	5610	19A-600.01	Phú Thọ	6310	23A-135.55	Hà Giang
3511	30K-809.79	Hà Nội	4211	30K-820.01	Hà Nội	4911	30K-809.99	Hà Nội	5611	30K-739.89	Hà Nội	6311	24A-256.86	Lào Cai
3512	30K-811.15	Hà Nội	4212	30K-825.99	Hà Nội	4912	30K-911.00	Hà Nội	5612	30K-809.98	Hà Nội	6312	24A-257.77	Lào Cai
3513	30K-812.22	Hà Nội	4213	30L-000.08	Hà Nội	4913	30L-019.87	Hà Nội	5613	30K-811.14	Hà Nội	6313	30K-666.06	Hà Nội
3514	30K-863.18	Hà Nội	4214	30L-019.67	Hà Nội	4914	30L-149.99	Hà Nội	5614	30K-812.88	Hà Nội	6314	30K-808.89	Hà Nội
3515	30L-026.89	Hà Nội	4215	30L-123.88	Hà Nội	4915	30L-157.85	Hà Nội	5615	30K-813.45	Hà Nội	6315	30K-810.99	Hà Nội
3516	30L-034.88	Hà Nội	4216	34A-756.78	Hải Dương	4916	34A-739.99	Hải Dương	5616	30K-955.00	Hà Nội	6316	30K-811.12	Hà Nội
3517	30L-112.95	Hà Nội	4217	35A-394.98	Ninh Bình	4917	43A-808.68	Đà Nẵng	5617	30K-976.89	Hà Nội	6317	30K-811.19	Hà Nội
3518	37C-509.99	Nghệ An	4218	37K-266.89	Nghệ An	4918	43A-836.78	Đà Nẵng	5618	36C-456.88	Thanh Hóa	6318	30K-982.39	Hà Nội
3519	38A-583.68	Hà Tĩnh	4219	43A-829.29	Đà Nẵng	4919	49A-656.56	Lâm Đồng	5619	37K-277.79	Nghệ An	6319	37K-267.67	Nghệ An
3520	47A-666.63	Đắk Lắk	4220	51L-094.44	Hồ Chí Minh	4920	51D-956.66	Hồ Chí Minh	5620	37K-298.65	Nghệ An	6320	43A-805.79	Đà Nẵng
3521	49A-666.65	Lâm Đồng	4221	51L-096.65	Hồ Chí Minh	4921	51L-088.18	Hồ Chí Minh	5621	38A-569.79	Hà Tĩnh	6321	48A-206.86	Đắk Nông
3522	51K-981.68	Hồ Chí Minh	4222	51L-312.12	Hồ Chí Minh	4922	51L-092.99	Hồ Chí Minh	5622	51D-968.69	Hồ Chí Minh	6322	51L-161.99	Hồ Chí Minh
3523	51L-096.66	Hồ Chí Minh	4223	61K-363.45	Bình Dương	4923	51L-096.69	Hồ Chí Minh	5623	51L-093.88	Hồ Chí Minh	6323	63A-268.66	Tiền Giang
3524	51L-096.78	Hồ Chí Minh	4224	62A-419.99	Long An	4924	63A-269.79	Tiền Giang	5624	51L-093.93	Hồ Chí Minh	6324	63A-269.88	Tiền Giang
3525	51L-118.19	Hồ Chí Minh	4225	63A-267.77	Tiền Giang	4925	66A-246.66	Đồng Tháp	5625	51L-095.88	Hồ Chí Minh	6325	63A-269.99	Tiền Giang
3526	61K-363.33	Bình Dương	4226	63A-268.86	Tiền Giang	4926	71A-188.68	Bến Tre	5626	51L-095.99	Hồ Chí Minh	6326	64A-171.11	Vĩnh Long
3527	61K-378.99	Bình Dương	4227	64A-169.79	Vĩnh Long	4927	74A-242.22	Quảng Trị	5627	63A-268.88	Tiền Giang	6327	66A-255.88	Đồng Tháp
3528	63A-268.99	Tiền Giang	4228	66A-242.22	Đồng Tháp	4928	79A-503.33	Khánh Hòa	5628	66A-246.86	Đồng Tháp	6328	74A-241.11	Quảng Trị
3529	63A-271.11	Tiền Giang	4229	72C-222.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4929	81A-389.88	Gia Lai	5629	69A-146.66	Cà Mau	6329	77A-297.89	Bình Định
3530	64A-173.33	Vĩnh Long	4230	77A-299.79	Bình Định	4930	82A-131.11	Kon Tum	5630	72A-778.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	6330	82A-128.68	Kon Tum
3531	84A-133.99	Trà Vinh	4231	78A-183.33	Phú Yên	4931	84A-125.55	Trà Vinh	5631	73A-326.26	Quảng Bình	6331	83A-167.88	Sóc Trăng

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
3532	85A-124.44	Ninh Thuận	4232	81A-390.00	Gia Lai	4932	86A-279.99	Bình Thuận	5632	77A-297.77	Bình Định	6332	85A-123.33	Ninh Thuận
3533	95A-112.22	Hậu Giang	4233	83A-167.86	Sóc Trăng	4933	90A-233.88	Hà Nam	5633	84A-123.33	Trà Vinh	6333	86A-277.77	Bình Thuận
3534	98C-329.99	Bắc Giang	4234	84A-124.44	Trà Vinh	4934	99A-716.66	Bắc Ninh	5634	86A-278.88	Bình Thuận	6334	99A-719.89	Bắc Ninh
3535	30K-807.01	Hà Nội	4235	98A-719.97	Bắc Giang	4935	99A-735.55	Bắc Ninh	5635	92A-372.22	Quảng Nam	6335	30K-807.00	Hà Nội
3536	30K-807.06	Hà Nội	4236	30K-807.03	Hà Nội	4936	30K-807.10	Hà Nội	5636	30K-807.11	Hà Nội	6336	30K-807.02	Hà Nội
3537	30K-807.21	Hà Nội	4237	30K-807.12	Hà Nội	4937	30K-807.19	Hà Nội	5637	30K-807.17	Hà Nội	6337	30K-807.18	Hà Nội
3538	30K-807.24	Hà Nội	4238	30K-807.13	Hà Nội	4938	30K-807.26	Hà Nội	5638	30K-807.28	Hà Nội	6338	30K-807.37	Hà Nội
3539	30K-807.32	Hà Nội	4239	30K-807.16	Hà Nội	4939	30K-807.38	Hà Nội	5639	30K-807.54	Hà Nội	6339	30K-807.42	Hà Nội
3540	30K-807.39	Hà Nội	4240	30K-807.27	Hà Nội	4940	30K-807.44	Hà Nội	5640	30K-807.63	Hà Nội	6340	30K-807.62	Hà Nội
3541	30K-807.41	Hà Nội	4241	30K-807.31	Hà Nội	4941	30K-807.67	Hà Nội	5641	30K-807.64	Hà Nội	6341	30K-807.66	Hà Nội
3542	30K-807.53	Hà Nội	4242	30K-807.33	Hà Nội	4942	30K-807.71	Hà Nội	5642	30K-807.78	Hà Nội	6342	30K-807.73	Hà Nội
3543	30K-807.72	Hà Nội	4243	30K-807.55	Hà Nội	4943	30K-807.75	Hà Nội	5643	30K-807.80	Hà Nội	6343	30K-807.86	Hà Nội
3544	30K-807.81	Hà Nội	4244	30K-807.58	Hà Nội	4944	30K-807.76	Hà Nội	5644	30K-807.87	Hà Nội	6344	30K-808.00	Hà Nội
3545	30K-808.21	Hà Nội	4245	30K-807.61	Hà Nội	4945	30K-807.90	Hà Nội	5645	30K-808.13	Hà Nội	6345	30K-808.15	Hà Nội
3546	30K-808.22	Hà Nội	4246	30K-807.79	Hà Nội	4946	30K-808.23	Hà Nội	5646	30K-808.24	Hà Nội	6346	30K-808.28	Hà Nội
3547	30K-808.33	Hà Nội	4247	30K-807.83	Hà Nội	4947	30K-808.29	Hà Nội	5647	30K-808.31	Hà Nội	6347	30K-808.38	Hà Nội
3548	30K-808.37	Hà Nội	4248	30K-807.85	Hà Nội	4948	30K-808.32	Hà Nội	5648	30K-808.41	Hà Nội	6348	30K-808.43	Hà Nội
3549	30K-808.46	Hà Nội	4249	30K-807.93	Hà Nội	4949	30K-808.58	Hà Nội	5649	30K-808.54	Hà Nội	6349	30K-808.47	Hà Nội
3550	30K-808.83	Hà Nội	4250	30K-807.94	Hà Nội	4950	30K-809.03	Hà Nội	5650	30K-808.63	Hà Nội	6350	30K-808.53	Hà Nội
3551	30K-808.94	Hà Nội	4251	30K-808.06	Hà Nội	4951	30K-809.13	Hà Nội	5651	30K-808.69	Hà Nội	6351	30K-808.55	Hà Nội
3552	30K-808.96	Hà Nội	4252	30K-808.07	Hà Nội	4952	30K-809.26	Hà Nội	5652	30K-808.71	Hà Nội	6352	30K-808.59	Hà Nội
3553	30K-809.08	Hà Nội	4253	30K-808.10	Hà Nội	4953	30K-809.27	Hà Nội	5653	30K-808.75	Hà Nội	6353	30K-808.61	Hà Nội
3554	30K-809.11	Hà Nội	4254	30K-808.12	Hà Nội	4954	30K-809.33	Hà Nội	5654	30K-808.81	Hà Nội	6354	30K-808.67	Hà Nội
3555	30K-809.12	Hà Nội	4255	30K-808.57	Hà Nội	4955	30K-809.42	Hà Nội	5655	30K-808.97	Hà Nội	6355	30K-808.76	Hà Nội
3556	30K-809.14	Hà Nội	4256	30K-808.62	Hà Nội	4956	30K-809.46	Hà Nội	5656	30K-809.01	Hà Nội	6356	30K-808.79	Hà Nội
3557	30K-809.17	Hà Nội	4257	30K-808.77	Hà Nội	4957	30K-809.70	Hà Nội	5657	30K-809.07	Hà Nội	6357	30K-808.93	Hà Nội
3558	30K-809.30	Hà Nội	4258	30K-808.82	Hà Nội	4958	30K-810.04	Hà Nội	5658	30K-809.25	Hà Nội	6358	30K-809.19	Hà Nội
3559	30K-809.32	Hà Nội	4259	30K-808.84	Hà Nội	4959	30K-810.07	Hà Nội	5659	30K-809.28	Hà Nội	6359	30K-809.22	Hà Nội
3560	30K-809.75	Hà Nội	4260	30K-808.90	Hà Nội	4960	30K-810.25	Hà Nội	5660	30K-809.41	Hà Nội	6360	30K-809.40	Hà Nội
3561	30K-809.89	Hà Nội	4261	30K-808.91	Hà Nội	4961	30K-810.40	Hà Nội	5661	30K-809.49	Hà Nội	6361	30K-809.44	Hà Nội
3562	30K-809.93	Hà Nội	4262	30K-808.92	Hà Nội	4962	30K-810.45	Hà Nội	5662	30K-809.57	Hà Nội	6362	30K-809.48	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3563	30K-810.06	Hà Nội	4263	30K-809.04	Hà Nội	4963	30K-810.47	Hà Nội	5663	30K-809.71	Hà Nội	6363	30K-809.53	Hà Nội
3564	30K-810.23	Hà Nội	4264	30K-809.10	Hà Nội	4964	30K-810.54	Hà Nội	5664	30K-809.80	Hà Nội	6364	30K-809.64	Hà Nội
3565	30K-810.27	Hà Nội	4265	30K-809.23	Hà Nội	4965	30K-810.71	Hà Nội	5665	30K-809.82	Hà Nội	6365	30K-809.73	Hà Nội
3566	30K-810.28	Hà Nội	4266	30K-809.37	Hà Nội	4966	30K-810.94	Hà Nội	5666	30K-809.83	Hà Nội	6366	30K-809.95	Hà Nội
3567	30K-810.39	Hà Nội	4267	30K-809.43	Hà Nội	4967	30K-811.01	Hà Nội	5667	30K-810.09	Hà Nội	6367	30K-810.08	Hà Nội
3568	30K-810.49	Hà Nội	4268	30K-809.61	Hà Nội	4968	30K-811.08	Hà Nội	5668	30K-810.11	Hà Nội	6368	30K-810.18	Hà Nội
3569	30K-810.51	Hà Nội	4269	30K-809.72	Hà Nội	4969	30K-811.09	Hà Nội	5669	30K-810.31	Hà Nội	6369	30K-810.22	Hà Nội
3570	30K-810.77	Hà Nội	4270	30K-809.76	Hà Nội	4970	30K-811.21	Hà Nội	5670	30K-810.33	Hà Nội	6370	30K-810.50	Hà Nội
3571	30K-810.79	Hà Nội	4271	30K-809.90	Hà Nội	4971	30K-811.30	Hà Nội	5671	30K-810.44	Hà Nội	6371	30K-810.52	Hà Nội
3572	30K-810.96	Hà Nội	4272	30K-810.37	Hà Nội	4972	30K-811.35	Hà Nội	5672	30K-810.46	Hà Nội	6372	30K-810.74	Hà Nội
3573	30K-811.26	Hà Nội	4273	30K-810.41	Hà Nội	4973	30K-811.36	Hà Nội	5673	30K-810.55	Hà Nội	6373	30K-810.78	Hà Nội
3574	30K-811.28	Hà Nội	4274	30K-810.62	Hà Nội	4974	30K-811.40	Hà Nội	5674	30K-810.64	Hà Nội	6374	30K-810.84	Hà Nội
3575	30K-811.29	Hà Nội	4275	30K-810.98	Hà Nội	4975	30K-811.56	Hà Nội	5675	30K-810.65	Hà Nội	6375	30K-810.85	Hà Nội
3576	30K-811.42	Hà Nội	4276	30K-811.24	Hà Nội	4976	30K-811.77	Hà Nội	5676	30K-810.70	Hà Nội	6376	30K-810.87	Hà Nội
3577	30K-811.57	Hà Nội	4277	30K-811.39	Hà Nội	4977	30K-811.90	Hà Nội	5677	30K-810.91	Hà Nội	6377	30K-811.20	Hà Nội
3578	30K-811.64	Hà Nội	4278	30K-811.45	Hà Nội	4978	30K-812.28	Hà Nội	5678	30K-811.00	Hà Nội	6378	30K-811.31	Hà Nội
3579	30K-811.70	Hà Nội	4279	30K-811.47	Hà Nội	4979	30K-812.36	Hà Nội	5679	30K-811.43	Hà Nội	6379	30K-811.32	Hà Nội
3580	30K-811.86	Hà Nội	4280	30K-811.55	Hà Nội	4980	30K-812.40	Hà Nội	5680	30K-811.50	Hà Nội	6380	30K-811.34	Hà Nội
3581	30K-811.97	Hà Nội	4281	30K-811.59	Hà Nội	4981	30K-812.63	Hà Nội	5681	30K-811.51	Hà Nội	6381	30K-811.52	Hà Nội
3582	30K-812.04	Hà Nội	4282	30K-811.63	Hà Nội	4982	30K-812.81	Hà Nội	5682	30K-811.54	Hà Nội	6382	30K-811.66	Hà Nội
3583	30K-812.07	Hà Nội	4283	30K-811.92	Hà Nội	4983	30K-812.83	Hà Nội	5683	30K-811.69	Hà Nội	6383	30K-811.75	Hà Nội
3584	30K-812.14	Hà Nội	4284	30K-811.98	Hà Nội	4984	30K-812.95	Hà Nội	5684	30K-812.10	Hà Nội	6384	30K-811.91	Hà Nội
3585	30K-812.17	Hà Nội	4285	30K-812.00	Hà Nội	4985	30K-813.14	Hà Nội	5685	30K-812.15	Hà Nội	6385	30K-812.03	Hà Nội
3586	30K-812.18	Hà Nội	4286	30K-812.13	Hà Nội	4986	30K-813.25	Hà Nội	5686	30K-812.25	Hà Nội	6386	30K-812.12	Hà Nội
3587	30K-812.26	Hà Nội	4287	30K-812.27	Hà Nội	4987	30K-813.41	Hà Nội	5687	30K-812.32	Hà Nội	6387	30K-812.33	Hà Nội
3588	30K-812.44	Hà Nội	4288	30K-812.50	Hà Nội	4988	30K-813.43	Hà Nội	5688	30K-812.45	Hà Nội	6388	30K-812.62	Hà Nội
3589	30K-812.48	Hà Nội	4289	30K-812.52	Hà Nội	4989	30K-813.49	Hà Nội	5689	30K-812.56	Hà Nội	6389	30K-812.65	Hà Nội
3590	30K-812.69	Hà Nội	4290	30K-812.54	Hà Nội	4990	51L-092.33	Hồ Chí Minh	5690	30K-812.59	Hà Nội	6390	30K-812.80	Hà Nội
3591	30K-812.71	Hà Nội	4291	30K-812.58	Hà Nội	4991	51L-092.39	Hồ Chí Minh	5691	30K-812.66	Hà Nội	6391	30K-812.96	Hà Nội
3592	30K-812.82	Hà Nội	4292	30K-812.84	Hà Nội	4992	51L-092.61	Hồ Chí Minh	5692	30K-812.78	Hà Nội	6392	30K-813.00	Hà Nội
3593	30K-813.15	Hà Nội	4293	30K-812.85	Hà Nội	4993	51L-092.62	Hồ Chí Minh	5693	30K-812.87	Hà Nội	6393	30K-813.03	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3594	30K-813.17	Hà Nội	4294	30K-812.99	Hà Nội	4994	51L-092.72	Hồ Chí Minh	5694	30K-812.91	Hà Nội	6394	30K-813.09	Hà Nội
3595	30K-813.28	Hà Nội	4295	30K-813.04	Hà Nội	4995	51L-093.00	Hồ Chí Minh	5695	30K-813.01	Hà Nội	6395	30K-813.22	Hà Nội
3596	30K-833.89	Hà Nội	4296	30K-813.16	Hà Nội	4996	51L-093.26	Hồ Chí Minh	5696	30K-813.02	Hà Nội	6396	30K-813.29	Hà Nội
3597	51L-092.25	Hồ Chí Minh	4297	30K-813.24	Hà Nội	4997	51L-093.35	Hồ Chí Minh	5697	30K-813.13	Hà Nội	6397	30K-813.40	Hà Nội
3598	51L-092.38	Hồ Chí Minh	4298	30K-813.26	Hà Nội	4998	51L-093.61	Hồ Chí Minh	5698	30K-861.23	Hà Nội	6398	51L-092.31	Hồ Chí Minh
3599	51L-092.48	Hồ Chí Minh	4299	30K-813.34	Hà Nội	4999	51L-093.77	Hồ Chí Minh	5699	51L-092.32	Hồ Chí Minh	6399	51L-092.35	Hồ Chí Minh
3600	51L-092.49	Hồ Chí Minh	4300	30K-995.33	Hà Nội	5000	51L-093.84	Hồ Chí Minh	5700	51L-092.34	Hồ Chí Minh	6400	51L-092.51	Hồ Chí Minh
3601	51L-092.52	Hồ Chí Minh	4301	51L-092.56	Hồ Chí Minh	5001	51L-094.02	Hồ Chí Minh	5701	51L-092.40	Hồ Chí Minh	6401	51L-092.57	Hồ Chí Minh
3602	51L-092.70	Hồ Chí Minh	4302	51L-092.64	Hồ Chí Minh	5002	51L-094.08	Hồ Chí Minh	5702	51L-092.41	Hồ Chí Minh	6402	51L-092.94	Hồ Chí Minh
3603	51L-092.83	Hồ Chí Minh	4303	51L-092.74	Hồ Chí Minh	5003	51L-094.13	Hồ Chí Minh	5703	51L-092.80	Hồ Chí Minh	6403	51L-093.13	Hồ Chí Minh
3604	51L-092.86	Hồ Chí Minh	4304	51L-092.77	Hồ Chí Minh	5004	51L-094.15	Hồ Chí Minh	5704	51L-092.82	Hồ Chí Minh	6404	51L-093.16	Hồ Chí Minh
3605	51L-092.91	Hồ Chí Minh	4305	51L-092.85	Hồ Chí Minh	5005	51L-094.22	Hồ Chí Minh	5705	51L-092.93	Hồ Chí Minh	6405	51L-093.19	Hồ Chí Minh
3606	51L-092.92	Hồ Chí Minh	4306	51L-092.87	Hồ Chí Minh	5006	51L-094.69	Hồ Chí Minh	5706	51L-093.01	Hồ Chí Minh	6406	51L-093.23	Hồ Chí Minh
3607	51L-093.07	Hồ Chí Minh	4307	51L-092.96	Hồ Chí Minh	5007	51L-094.73	Hồ Chí Minh	5707	51L-093.27	Hồ Chí Minh	6407	51L-093.32	Hồ Chí Minh
3608	51L-093.09	Hồ Chí Minh	4308	51L-092.97	Hồ Chí Minh	5008	51L-094.77	Hồ Chí Minh	5708	51L-093.36	Hồ Chí Minh	6408	51L-093.49	Hồ Chí Minh
3609	51L-093.80	Hồ Chí Minh	4309	51L-093.03	Hồ Chí Minh	5009	51L-094.80	Hồ Chí Minh	5709	51L-093.38	Hồ Chí Minh	6409	51L-093.50	Hồ Chí Minh
3610	51L-093.87	Hồ Chí Minh	4310	51L-093.04	Hồ Chí Minh	5010	51L-094.81	Hồ Chí Minh	5710	51L-093.64	Hồ Chí Minh	6410	51L-093.68	Hồ Chí Minh
3611	51L-093.92	Hồ Chí Minh	4311	51L-093.12	Hồ Chí Minh	5011	51L-095.00	Hồ Chí Minh	5711	51L-094.04	Hồ Chí Minh	6411	51L-093.74	Hồ Chí Minh
3612	51L-094.07	Hồ Chí Minh	4312	51L-093.14	Hồ Chí Minh	5012	51L-095.02	Hồ Chí Minh	5712	51L-094.10	Hồ Chí Minh	6412	51L-093.83	Hồ Chí Minh
3613	51L-094.25	Hồ Chí Minh	4313	51L-093.15	Hồ Chí Minh	5013	51L-095.31	Hồ Chí Minh	5713	51L-094.20	Hồ Chí Minh	6413	51L-093.90	Hồ Chí Minh
3614	51L-094.28	Hồ Chí Minh	4314	51L-093.21	Hồ Chí Minh	5014	51L-095.39	Hồ Chí Minh	5714	51L-094.53	Hồ Chí Minh	6414	51L-093.98	Hồ Chí Minh
3615	51L-094.31	Hồ Chí Minh	4315	51L-093.53	Hồ Chí Minh	5015	51L-095.41	Hồ Chí Minh	5715	51L-094.54	Hồ Chí Minh	6415	51L-094.19	Hồ Chí Minh
3616	51L-094.32	Hồ Chí Minh	4316	51L-093.57	Hồ Chí Minh	5016	51L-095.56	Hồ Chí Minh	5716	51L-094.59	Hồ Chí Minh	6416	51L-094.21	Hồ Chí Minh
3617	51L-094.36	Hồ Chí Minh	4317	51L-093.59	Hồ Chí Minh	5017	51L-095.62	Hồ Chí Minh	5717	51L-094.68	Hồ Chí Minh	6417	51L-094.38	Hồ Chí Minh
3618	51L-094.41	Hồ Chí Minh	4318	51L-093.66	Hồ Chí Minh	5018	51L-095.64	Hồ Chí Minh	5718	51L-094.74	Hồ Chí Minh	6418	51L-094.40	Hồ Chí Minh
3619	51L-094.46	Hồ Chí Minh	4319	51L-093.69	Hồ Chí Minh	5019	51L-095.86	Hồ Chí Minh	5719	51L-094.78	Hồ Chí Minh	6419	51L-094.49	Hồ Chí Minh
3620	51L-094.48	Hồ Chí Minh	4320	51L-093.76	Hồ Chí Minh	5020	51L-095.94	Hồ Chí Minh	5720	51L-094.91	Hồ Chí Minh	6420	51L-094.58	Hồ Chí Minh
3621	51L-094.75	Hồ Chí Minh	4321	51L-094.01	Hồ Chí Minh	5021	51L-096.01	Hồ Chí Minh	5721	51L-094.97	Hồ Chí Minh	6421	51L-094.65	Hồ Chí Minh
3622	51L-094.86	Hồ Chí Minh	4322	51L-094.37	Hồ Chí Minh	5022	51L-096.03	Hồ Chí Minh	5722	51L-095.12	Hồ Chí Minh	6422	51L-094.72	Hồ Chí Minh
3623	51L-094.95	Hồ Chí Minh	4323	51L-094.52	Hồ Chí Minh	5023	51L-096.10	Hồ Chí Minh	5723	51L-095.27	Hồ Chí Minh	6423	51L-094.76	Hồ Chí Minh
3624	51L-094.99	Hồ Chí Minh	4324	51L-094.61	Hồ Chí Minh	5024	51L-096.21	Hồ Chí Minh	5724	51L-095.30	Hồ Chí Minh	6424	51L-094.88	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3625	51L-095.01	Hồ Chí Minh	4325	51L-094.62	Hồ Chí Minh	5025	51L-096.22	Hồ Chí Minh	5725	51L-095.44	Hồ Chí Minh	6425	51L-094.93	Hồ Chí Minh
3626	51L-095.06	Hồ Chí Minh	4326	51L-094.66	Hồ Chí Minh	5026	51L-096.32	Hồ Chí Minh	5726	51L-095.71	Hồ Chí Minh	6426	51L-095.10	Hồ Chí Minh
3627	51L-095.24	Hồ Chí Minh	4327	51L-094.79	Hồ Chí Minh	5027	51L-096.51	Hồ Chí Minh	5727	51L-095.78	Hồ Chí Minh	6427	51L-095.19	Hồ Chí Minh
3628	51L-095.36	Hồ Chí Minh	4328	51L-094.94	Hồ Chí Minh	5028	51L-096.64	Hồ Chí Minh	5728	51L-095.98	Hồ Chí Minh	6428	51L-095.20	Hồ Chí Minh
3629	51L-095.37	Hồ Chí Minh	4329	51L-095.13	Hồ Chí Minh	5029	51L-096.77	Hồ Chí Minh	5729	51L-096.13	Hồ Chí Minh	6429	51L-095.43	Hồ Chí Minh
3630	51L-095.38	Hồ Chí Minh	4330	51L-095.15	Hồ Chí Minh	5030	51L-096.81	Hồ Chí Minh	5730	51L-096.15	Hồ Chí Minh	6430	51L-095.67	Hồ Chí Minh
3631	51L-095.66	Hồ Chí Minh	4331	51L-095.26	Hồ Chí Minh	5031	51L-096.94	Hồ Chí Minh	5731	51L-096.18	Hồ Chí Minh	6431	51L-095.68	Hồ Chí Minh
3632	51L-095.81	Hồ Chí Minh	4332	51L-095.33	Hồ Chí Minh	5032	51L-097.03	Hồ Chí Minh	5732	51L-096.26	Hồ Chí Minh	6432	51L-095.79	Hồ Chí Minh
3633	51L-096.11	Hồ Chí Minh	4333	51L-095.42	Hồ Chí Minh	5033	51L-097.04	Hồ Chí Minh	5733	51L-096.44	Hồ Chí Minh	6433	51L-095.82	Hồ Chí Minh
3634	51L-096.29	Hồ Chí Minh	4334	51L-095.45	Hồ Chí Minh	5034	51L-097.30	Hồ Chí Minh	5734	51L-096.56	Hồ Chí Minh	6434	51L-095.85	Hồ Chí Minh
3635	51L-096.33	Hồ Chí Minh	4335	51L-095.59	Hồ Chí Minh	5035	11A-113.67	Cao Bằng	5735	51L-096.70	Hồ Chí Minh	6435	51L-095.91	Hồ Chí Minh
3636	51L-096.38	Hồ Chí Minh	4336	51L-096.55	Hồ Chí Minh	5036	11A-113.73	Cao Bằng	5736	51L-096.74	Hồ Chí Minh	6436	51L-095.97	Hồ Chí Minh
3637	51L-096.40	Hồ Chí Minh	4337	51L-096.58	Hồ Chí Minh	5037	11A-114.22	Cao Bằng	5737	51L-096.82	Hồ Chí Minh	6437	51L-096.20	Hồ Chí Minh
3638	51L-096.59	Hồ Chí Minh	4338	51L-096.62	Hồ Chí Minh	5038	11A-114.23	Cao Bằng	5738	51L-096.91	Hồ Chí Minh	6438	51L-096.23	Hồ Chí Minh
3639	51L-096.67	Hồ Chí Minh	4339	51L-096.63	Hồ Chí Minh	5039	11A-114.29	Cao Bằng	5739	51L-097.00	Hồ Chí Minh	6439	51L-096.24	Hồ Chí Minh
3640	51L-096.87	Hồ Chí Minh	4340	51L-096.71	Hồ Chí Minh	5040	11A-114.43	Cao Bằng	5740	51L-097.15	Hồ Chí Minh	6440	51L-096.28	Hồ Chí Minh
3641	51L-096.93	Hồ Chí Minh	4341	51L-097.10	Hồ Chí Minh	5041	11A-114.45	Cao Bằng	5741	51L-097.19	Hồ Chí Minh	6441	51L-096.31	Hồ Chí Minh
3642	51L-096.97	Hồ Chí Minh	4342	51L-097.14	Hồ Chí Minh	5042	12A-233.52	Lạng Sơn	5742	51L-097.20	Hồ Chí Minh	6442	51L-096.41	Hồ Chí Minh
3643	51L-097.08	Hồ Chí Minh	4343	51L-097.25	Hồ Chí Minh	5043	12A-233.65	Lạng Sơn	5743	11A-113.52	Cao Bằng	6443	51L-096.42	Hồ Chí Minh
3644	51L-097.09	Hồ Chí Minh	4344	51L-097.26	Hồ Chí Minh	5044	12A-233.73	Lạng Sơn	5744	11A-113.59	Cao Bằng	6444	51L-096.43	Hồ Chí Minh
3645	51L-097.21	Hồ Chí Minh	4345	51L-097.31	Hồ Chí Minh	5045	12A-233.78	Lạng Sơn	5745	11A-113.68	Cao Bằng	6445	51L-096.46	Hồ Chí Minh
3646	11A-113.74	Cao Bằng	4346	11A-113.57	Cao Bằng	5046	12C-131.80	Lạng Sơn	5746	11A-113.71	Cao Bằng	6446	51L-096.49	Hồ Chí Minh
3647	11A-113.80	Cao Bằng	4347	11A-113.58	Cao Bằng	5047	12C-131.84	Lạng Sơn	5747	11A-113.89	Cao Bằng	6447	51L-096.54	Hồ Chí Minh
3648	11A-113.86	Cao Bằng	4348	11A-113.65	Cao Bằng	5048	12C-132.11	Lạng Sơn	5748	11A-113.90	Cao Bằng	6448	51L-096.60	Hồ Chí Minh
3649	11A-113.95	Cao Bằng	4349	11A-113.85	Cao Bằng	5049	12C-132.21	Lạng Sơn	5749	11A-113.94	Cao Bằng	6449	51L-097.18	Hồ Chí Minh
3650	11A-114.00	Cao Bằng	4350	11A-113.97	Cao Bằng	5050	12C-132.24	Lạng Sơn	5750	11A-114.09	Cao Bằng	6450	11A-113.70	Cao Bằng
3651	11A-114.10	Cao Bằng	4351	11A-114.01	Cao Bằng	5051	14A-852.94	Quảng Ninh	5751	11A-114.13	Cao Bằng	6451	11A-113.77	Cao Bằng
3652	11A-114.12	Cao Bằng	4352	11A-114.03	Cao Bằng	5052	14A-852.96	Quảng Ninh	5752	11A-114.25	Cao Bằng	6452	11A-113.81	Cao Bằng
3653	11A-114.17	Cao Bằng	4353	11A-114.04	Cao Bằng	5053	14A-853.08	Quảng Ninh	5753	12A-233.59	Lạng Sơn	6453	11A-113.88	Cao Bằng
3654	11A-114.32	Cao Bằng	4354	11A-114.24	Cao Bằng	5054	14C-398.19	Quảng Ninh	5754	12A-233.70	Lạng Sơn	6454	11A-113.91	Cao Bằng
3655	11A-114.41	Cao Bằng	4355	11A-114.27	Cao Bằng	5055	15K-241.45	Hải Phòng	5755	12A-233.74	Lạng Sơn	6455	11A-113.92	Cao Bằng

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3656	12A-233.47	Lạng Sơn	4356	12C-131.79	Lạng Sơn	5056	15K-241.50	Hải Phòng	5756	12A-233.76	Lạng Sơn	6456	11A-114.05	Cao Bằng
3657	12A-233.51	Lạng Sơn	4357	12C-131.81	Lạng Sơn	5057	15K-241.51	Hải Phòng	5757	12A-233.81	Lạng Sơn	6457	11A-114.11	Cao Bằng
3658	12A-233.72	Lạng Sơn	4358	12C-131.86	Lạng Sơn	5058	15K-241.66	Hải Phòng	5758	12A-233.82	Lạng Sơn	6458	11A-114.20	Cao Bằng
3659	12A-233.89	Lạng Sơn	4359	12C-131.87	Lạng Sơn	5059	15K-241.75	Hải Phòng	5759	12A-233.95	Lạng Sơn	6459	11A-114.31	Cao Bằng
3660	12A-233.92	Lạng Sơn	4360	12C-131.92	Lạng Sơn	5060	15K-242.05	Hải Phòng	5760	12C-131.83	Lạng Sơn	6460	11A-114.49	Cao Bằng
3661	12C-131.99	Lạng Sơn	4361	12C-131.93	Lạng Sơn	5061	15K-242.07	Hải Phòng	5761	12C-131.94	Lạng Sơn	6461	12A-233.48	Lạng Sơn
3662	12C-132.12	Lạng Sơn	4362	12C-131.96	Lạng Sơn	5062	15K-242.15	Hải Phòng	5762	12C-132.01	Lạng Sơn	6462	12A-233.50	Lạng Sơn
3663	14A-853.00	Quảng Ninh	4363	12C-132.08	Lạng Sơn	5063	15K-242.16	Hải Phòng	5763	12C-132.05	Lạng Sơn	6463	12A-233.53	Lạng Sơn
3664	14A-853.01	Quảng Ninh	4364	12C-132.22	Lạng Sơn	5064	15K-242.19	Hải Phòng	5764	12C-132.10	Lạng Sơn	6464	12A-233.64	Lạng Sơn
3665	14A-853.02	Quảng Ninh	4365	12C-132.23	Lạng Sơn	5065	17A-414.89	Thái Bình	5765	12C-132.13	Lạng Sơn	6465	12A-233.79	Lạng Sơn
3666	14A-853.03	Quảng Ninh	4366	14A-852.99	Quảng Ninh	5066	17A-415.00	Thái Bình	5766	14A-852.98	Quảng Ninh	6466	12A-233.86	Lạng Sơn
3667	14A-853.15	Quảng Ninh	4367	14A-853.07	Quảng Ninh	5067	17A-415.02	Thái Bình	5767	14A-853.04	Quảng Ninh	6467	12A-233.96	Lạng Sơn
3668	14A-853.16	Quảng Ninh	4368	14A-853.13	Quảng Ninh	5068	17A-415.03	Thái Bình	5768	14A-853.17	Quảng Ninh	6468	12C-131.91	Lạng Sơn
3669	14A-853.24	Quảng Ninh	4369	14A-853.32	Quảng Ninh	5069	17A-415.06	Thái Bình	5769	14A-853.18	Quảng Ninh	6469	12C-132.03	Lạng Sơn
3670	14A-853.38	Quảng Ninh	4370	14A-853.39	Quảng Ninh	5070	17A-415.09	Thái Bình	5770	14A-853.23	Quảng Ninh	6470	12C-132.06	Lạng Sơn
3671	14C-398.04	Quảng Ninh	4371	14C-398.06	Quảng Ninh	5071	17A-415.10	Thái Bình	5771	14A-853.25	Quảng Ninh	6471	12C-132.17	Lạng Sơn
3672	14C-398.21	Quảng Ninh	4372	14C-398.11	Quảng Ninh	5072	17A-415.30	Thái Bình	5772	14A-853.35	Quảng Ninh	6472	14A-852.95	Quảng Ninh
3673	14C-398.41	Quảng Ninh	4373	14C-398.18	Quảng Ninh	5073	17C-200.37	Thái Bình	5773	14A-853.40	Quảng Ninh	6473	14A-853.09	Quảng Ninh
3674	14C-398.49	Quảng Ninh	4374	14C-398.22	Quảng Ninh	5074	17C-200.44	Thái Bình	5774	14A-853.41	Quảng Ninh	6474	14A-853.30	Quảng Ninh
3675	15K-241.38	Hải Phòng	4375	14C-398.28	Quảng Ninh	5075	17C-200.47	Thái Bình	5775	14A-853.42	Quảng Ninh	6475	14C-398.05	Quảng Ninh
3676	15K-241.54	Hải Phòng	4376	14C-398.43	Quảng Ninh	5076	17C-200.51	Thái Bình	5776	14C-398.07	Quảng Ninh	6476	14C-398.14	Quảng Ninh
3677	15K-241.59	Hải Phòng	4377	14C-398.47	Quảng Ninh	5077	17C-200.54	Thái Bình	5777	14C-398.16	Quảng Ninh	6477	14C-398.23	Quảng Ninh
3678	15K-241.64	Hải Phòng	4378	15K-241.37	Hải Phòng	5078	17C-200.58	Thái Bình	5778	14C-398.32	Quảng Ninh	6478	14C-398.39	Quảng Ninh
3679	15K-241.87	Hải Phòng	4379	15K-241.55	Hải Phòng	5079	18A-407.91	Nam Định	5779	15K-241.56	Hải Phòng	6479	15K-199.68	Hải Phòng
3680	15K-241.91	Hải Phòng	4380	15K-241.70	Hải Phòng	5080	18C-157.14	Nam Định	5780	15K-241.79	Hải Phòng	6480	15K-241.44	Hải Phòng
3681	15K-241.95	Hải Phòng	4381	15K-241.73	Hải Phòng	5081	18C-157.22	Nam Định	5781	15K-242.13	Hải Phòng	6481	15K-241.46	Hải Phòng
3682	15K-242.02	Hải Phòng	4382	15K-241.76	Hải Phòng	5082	18C-157.26	Nam Định	5782	15K-242.20	Hải Phòng	6482	15K-241.58	Hải Phòng
3683	15K-242.06	Hải Phòng	4383	15K-241.81	Hải Phòng	5083	18C-157.27	Nam Định	5783	15K-242.24	Hải Phòng	6483	15K-241.60	Hải Phòng
3684	15K-242.14	Hải Phòng	4384	15K-241.85	Hải Phòng	5084	18C-157.28	Nam Định	5784	17A-414.93	Thái Bình	6484	15K-241.63	Hải Phòng
3685	15K-242.25	Hải Phòng	4385	15K-241.90	Hải Phòng	5085	18C-157.29	Nam Định	5785	17A-415.07	Thái Bình	6485	15K-241.68	Hải Phòng
3686	15K-242.30	Hải Phòng	4386	15K-241.93	Hải Phòng	5086	18C-157.34	Nam Định	5786	17A-415.14	Thái Bình	6486	15K-241.80	Hải Phòng

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3687	17A-414.96	Thái Bình	4387	15K-241.96	Hải Phòng	5087	18C-157.48	Nam Định	5787	17A-415.24	Thái Bình	6487	15K-241.98	Hải Phòng
3688	17A-414.98	Thái Bình	4388	15K-241.99	Hải Phòng	5088	18C-157.52	Nam Định	5788	17A-415.27	Thái Bình	6488	17A-415.19	Thái Bình
3689	17A-415.05	Thái Bình	4389	15K-242.00	Hải Phòng	5089	18C-157.54	Nam Định	5789	17C-200.23	Thái Bình	6489	17A-415.29	Thái Bình
3690	17A-415.17	Thái Bình	4390	15K-242.08	Hải Phòng	5090	19A-599.40	Phú Thọ	5790	17C-200.31	Thái Bình	6490	17C-200.12	Thái Bình
3691	17A-415.28	Thái Bình	4391	15K-242.12	Hải Phòng	5091	19A-599.55	Phú Thọ	5791	17C-200.53	Thái Bình	6491	17C-200.32	Thái Bình
3692	17C-200.13	Thái Bình	4392	15K-242.23	Hải Phòng	5092	19A-599.58	Phú Thọ	5792	18A-407.96	Nam Định	6492	17C-200.57	Thái Bình
3693	17C-200.24	Thái Bình	4393	17A-415.23	Thái Bình	5093	19A-599.77	Phú Thọ	5793	18A-407.99	Nam Định	6493	17C-200.59	Thái Bình
3694	17C-200.25	Thái Bình	4394	17A-415.34	Thái Bình	5094	19A-599.91	Phú Thọ	5794	18A-408.06	Nam Định	6494	18A-407.95	Nam Định
3695	17C-200.26	Thái Bình	4395	17C-200.18	Thái Bình	5095	19A-600.11	Phú Thọ	5795	18A-408.10	Nam Định	6495	18A-408.03	Nam Định
3696	17C-200.48	Thái Bình	4396	17C-200.20	Thái Bình	5096	19A-600.12	Phú Thọ	5796	18A-408.15	Nam Định	6496	18A-408.07	Nam Định
3697	18A-408.01	Nam Định	4397	17C-200.46	Thái Bình	5097	19A-600.13	Phú Thọ	5797	18A-408.24	Nam Định	6497	18A-408.14	Nam Định
3698	18A-408.04	Nam Định	4398	17C-200.52	Thái Bình	5098	19A-600.22	Phú Thọ	5798	18A-408.27	Nam Định	6498	18A-408.20	Nam Định
3699	18A-408.08	Nam Định	4399	18A-407.94	Nam Định	5099	19A-600.25	Phú Thọ	5799	18A-408.32	Nam Định	6499	18A-408.31	Nam Định
3700	18A-408.18	Nam Định	4400	18A-408.12	Nam Định	5100	19A-600.27	Phú Thọ	5800	18A-408.35	Nam Định	6500	18A-408.33	Nam Định
3701	18A-408.26	Nam Định	4401	18A-408.17	Nam Định	5101	20A-741.81	Thái Nguyên	5801	18C-157.11	Nam Định	6501	18C-157.15	Nam Định
3702	18C-157.07	Nam Định	4402	18A-408.19	Nam Định	5102	20A-741.94	Thái Nguyên	5802	18C-157.17	Nam Định	6502	18C-157.16	Nam Định
3703	18C-157.12	Nam Định	4403	18A-408.21	Nam Định	5103	20A-741.97	Thái Nguyên	5803	18C-157.31	Nam Định	6503	18C-157.45	Nam Định
3704	18C-157.13	Nam Định	4404	18A-408.29	Nam Định	5104	20A-742.22	Thái Nguyên	5804	18C-157.40	Nam Định	6504	18C-157.56	Nam Định
3705	18C-157.18	Nam Định	4405	18C-157.24	Nam Định	5105	20A-742.41	Thái Nguyên	5805	18C-157.41	Nam Định	6505	19A-599.64	Phú Thọ
3706	18C-157.33	Nam Định	4406	18C-157.30	Nam Định	5106	20A-742.42	Thái Nguyên	5806	18C-157.53	Nam Định	6506	19A-600.03	Phú Thọ
3707	18C-157.35	Nam Định	4407	18C-157.36	Nam Định	5107	21A-184.76	Yên Bái	5807	19A-599.44	Phú Thọ	6507	19A-600.04	Phú Thọ
3708	18C-157.39	Nam Định	4408	18C-157.46	Nam Định	5108	21A-184.96	Yên Bái	5808	19A-599.49	Phú Thọ	6508	19A-600.15	Phú Thọ
3709	19A-599.43	Phú Thọ	4409	19A-599.48	Phú Thọ	5109	21A-185.07	Yên Bái	5809	19A-599.80	Phú Thọ	6509	19A-600.18	Phú Thọ
3710	19A-599.45	Phú Thọ	4410	19A-599.51	Phú Thọ	5110	21A-185.09	Yên Bái	5810	19A-599.81	Phú Thọ	6510	19A-600.21	Phú Thọ
3711	19A-599.50	Phú Thọ	4411	19A-599.60	Phú Thọ	5111	21C-097.51	Yên Bái	5811	19A-599.93	Phú Thọ	6511	19A-600.23	Phú Thọ
3712	19A-599.59	Phú Thọ	4412	19A-599.76	Phú Thọ	5112	21C-097.59	Yên Bái	5812	19A-600.07	Phú Thọ	6512	19A-600.33	Phú Thọ
3713	19A-599.72	Phú Thọ	4413	19A-599.82	Phú Thọ	5113	21C-097.63	Yên Bái	5813	20A-741.65	Thái Nguyên	6513	20A-741.64	Thái Nguyên
3714	19A-599.74	Phú Thọ	4414	19A-599.87	Phú Thọ	5114	21C-097.74	Yên Bái	5814	20A-741.68	Thái Nguyên	6514	20A-741.73	Thái Nguyên
3715	19A-599.75	Phú Thọ	4415	19A-600.14	Phú Thọ	5115	21C-097.83	Yên Bái	5815	20A-741.72	Thái Nguyên	6515	20A-741.74	Thái Nguyên
3716	19A-599.78	Phú Thọ	4416	19A-600.24	Phú Thọ	5116	21C-097.85	Yên Bái	5816	20A-741.83	Thái Nguyên	6516	20A-741.75	Thái Nguyên
3717	19A-599.84	Phú Thọ	4417	19A-600.28	Phú Thọ	5117	21C-097.89	Yên Bái	5817	20A-741.88	Thái Nguyên	6517	20A-741.78	Thái Nguyên

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3718	19A-599.86	Phú Thọ	4418	19A-600.29	Phú Thọ	5118	21C-097.91	Yên Bái	5818	20A-742.03	Thái Nguyên	6518	20A-741.99	Thái Nguyên
3719	20A-741.67	Thái Nguyên	4419	20A-741.59	Thái Nguyên	5119	22A-230.59	Tuyên Quang	5819	20A-742.39	Thái Nguyên	6519	20A-742.08	Thái Nguyên
3720	20A-741.79	Thái Nguyên	4420	20A-741.60	Thái Nguyên	5120	22A-230.62	Tuyên Quang	5820	21A-184.73	Yên Bái	6520	20A-742.30	Thái Nguyên
3721	20A-741.80	Thái Nguyên	4421	20A-741.84	Thái Nguyên	5121	22A-230.64	Tuyên Quang	5821	21A-184.87	Yên Bái	6521	20A-742.37	Thái Nguyên
3722	20A-741.95	Thái Nguyên	4422	20A-741.90	Thái Nguyên	5122	22A-230.84	Tuyên Quang	5822	21A-184.90	Yên Bái	6522	20A-742.49	Thái Nguyên
3723	20A-742.02	Thái Nguyên	4423	20A-741.91	Thái Nguyên	5123	22A-230.88	Tuyên Quang	5823	21A-185.10	Yên Bái	6523	20A-742.55	Thái Nguyên
3724	20A-742.13	Thái Nguyên	4424	20A-742.15	Thái Nguyên	5124	22A-230.92	Tuyên Quang	5824	21A-185.12	Yên Bái	6524	21A-184.68	Yên Bái
3725	20A-742.38	Thái Nguyên	4425	20A-742.24	Thái Nguyên	5125	22A-230.97	Tuyên Quang	5825	21C-097.50	Yên Bái	6525	21A-184.78	Yên Bái
3726	20A-742.46	Thái Nguyên	4426	20A-742.29	Thái Nguyên	5126	22A-230.98	Tuyên Quang	5826	21C-097.61	Yên Bái	6526	21A-184.82	Yên Bái
3727	20A-742.47	Thái Nguyên	4427	20A-742.32	Thái Nguyên	5127	22A-231.10	Tuyên Quang	5827	21C-097.62	Yên Bái	6527	21A-184.84	Yên Bái
3728	21A-184.77	Yên Bái	4428	20A-742.34	Thái Nguyên	5128	22A-231.18	Tuyên Quang	5828	21C-097.75	Yên Bái	6528	21A-184.97	Yên Bái
3729	21A-184.85	Yên Bái	4429	20A-742.35	Thái Nguyên	5129	22A-231.26	Tuyên Quang	5829	21C-097.86	Yên Bái	6529	21A-185.05	Yên Bái
3730	21A-184.95	Yên Bái	4430	20A-742.45	Thái Nguyên	5130	22A-231.27	Tuyên Quang	5830	22A-230.73	Tuyên Quang	6530	21C-097.57	Yên Bái
3731	21A-185.03	Yên Bái	4431	20A-742.50	Thái Nguyên	5131	22A-231.41	Tuyên Quang	5831	22A-230.74	Tuyên Quang	6531	21C-097.60	Yên Bái
3732	21A-185.04	Yên Bái	4432	21A-184.79	Yên Bái	5132	22A-231.46	Tuyên Quang	5832	22A-230.83	Tuyên Quang	6532	21C-097.78	Yên Bái
3733	21C-097.52	Yên Bái	4433	21A-184.93	Yên Bái	5133	22A-231.47	Tuyên Quang	5833	22A-230.95	Tuyên Quang	6533	21C-097.79	Yên Bái
3734	21C-097.68	Yên Bái	4434	21A-184.94	Yên Bái	5134	23A-136.39	Hà Giang	5834	22A-231.16	Tuyên Quang	6534	21C-097.82	Yên Bái
3735	21C-097.72	Yên Bái	4435	21A-185.00	Yên Bái	5135	23A-136.57	Hà Giang	5835	22A-231.43	Tuyên Quang	6535	21C-097.88	Yên Bái
3736	21C-097.81	Yên Bái	4436	21C-097.53	Yên Bái	5136	23A-136.67	Hà Giang	5836	23A-135.88	Hà Giang	6536	21C-097.97	Yên Bái
3737	21C-097.93	Yên Bái	4437	21C-097.70	Yên Bái	5137	23A-136.82	Hà Giang	5837	23A-135.89	Hà Giang	6537	21C-097.98	Yên Bái
3738	22A-230.54	Tuyên Quang	4438	22A-230.79	Tuyên Quang	5138	23B-007.52	Hà Giang	5838	23A-136.55	Hà Giang	6538	22A-230.51	Tuyên Quang
3739	22A-230.63	Tuyên Quang	4439	22A-231.04	Tuyên Quang	5139	23B-007.60	Hà Giang	5839	23A-136.80	Hà Giang	6539	22A-230.55	Tuyên Quang
3740	22A-230.68	Tuyên Quang	4440	22A-231.19	Tuyên Quang	5140	23C-079.14	Hà Giang	5840	23B-007.59	Hà Giang	6540	22A-230.57	Tuyên Quang
3741	22A-230.72	Tuyên Quang	4441	22A-231.34	Tuyên Quang	5141	23C-079.17	Hà Giang	5841	23C-079.10	Hà Giang	6541	22A-230.67	Tuyên Quang
3742	22A-231.30	Tuyên Quang	4442	22A-231.37	Tuyên Quang	5142	23D-004.03	Hà Giang	5842	23C-079.11	Hà Giang	6542	22A-230.85	Tuyên Quang
3743	22A-231.33	Tuyên Quang	4443	22A-231.44	Tuyên Quang	5143	23D-004.09	Hà Giang	5843	24A-254.88	Lào Cai	6543	22A-230.86	Tuyên Quang
3744	22A-231.36	Tuyên Quang	4444	23A-135.66	Hà Giang	5144	24A-254.39	Lào Cai	5844	24A-257.86	Lào Cai	6544	22A-230.99	Tuyên Quang
3745	22A-231.48	Tuyên Quang	4445	23A-136.59	Hà Giang	5145	24A-254.69	Lào Cai	5845	24A-258.79	Lào Cai	6545	22A-231.03	Tuyên Quang
3746	23A-135.69	Hà Giang	4446	23A-136.63	Hà Giang	5146	24A-255.79	Lào Cai	5846	24B-015.60	Lào Cai	6546	22A-231.05	Tuyên Quang
3747	23A-135.99	Hà Giang	4447	23A-136.69	Hà Giang	5147	24A-256.69	Lào Cai	5847	24C-144.39	Lào Cai	6547	22A-231.13	Tuyên Quang
3748	23A-136.51	Hà Giang	4448	23A-136.71	Hà Giang	5148	24A-257.39	Lào Cai	5848	24C-145.55	Lào Cai	6548	22A-231.14	Tuyên Quang

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3749	23A-136.54	Hà Giang	4449	23A-136.72	Hà Giang	5149	24C-144.44	Lào Cai	5849	26A-200.96	Sơn La	6549	22A-231.40	Tuyên Quang
3750	23A-136.56	Hà Giang	4450	23A-136.79	Hà Giang	5150	24C-144.88	Lào Cai	5850	26A-201.12	Sơn La	6550	22A-231.42	Tuyên Quang
3751	23A-136.58	Hà Giang	4451	23A-136.83	Hà Giang	5151	24D-005.82	Lào Cai	5851	26A-201.14	Sơn La	6551	22A-231.49	Tuyên Quang
3752	23A-136.64	Hà Giang	4452	23B-007.57	Hà Giang	5152	24D-005.84	Lào Cai	5852	26A-201.26	Sơn La	6552	23A-136.36	Hà Giang
3753	23B-007.53	Hà Giang	4453	23C-079.05	Hà Giang	5153	26A-201.17	Sơn La	5853	26A-201.28	Sơn La	6553	23A-136.53	Hà Giang
3754	23C-079.04	Hà Giang	4454	23C-079.06	Hà Giang	5154	26A-201.37	Sơn La	5854	26A-201.31	Sơn La	6554	23A-136.70	Hà Giang
3755	23C-079.27	Hà Giang	4455	23C-079.12	Hà Giang	5155	26A-201.40	Sơn La	5855	26A-201.33	Sơn La	6555	23A-136.77	Hà Giang
3756	23C-079.28	Hà Giang	4456	23C-079.15	Hà Giang	5156	26C-146.37	Sơn La	5856	26A-201.34	Sơn La	6556	23B-007.51	Hà Giang
3757	23D-004.07	Hà Giang	4457	23C-079.21	Hà Giang	5157	26C-146.46	Sơn La	5857	26C-146.45	Sơn La	6557	23C-079.01	Hà Giang
3758	24A-254.99	Lào Cai	4458	23C-079.22	Hà Giang	5158	26C-146.77	Sơn La	5858	26C-146.47	Sơn La	6558	23C-079.03	Hà Giang
3759	24A-257.68	Lào Cai	4459	24A-255.39	Lào Cai	5159	27A-108.72	Điện Biên	5859	26C-146.51	Sơn La	6559	23C-079.08	Hà Giang
3760	24C-145.99	Lào Cai	4460	24A-255.66	Lào Cai	5160	27A-108.77	Điện Biên	5860	26C-146.53	Sơn La	6560	23C-079.13	Hà Giang
3761	24C-146.66	Lào Cai	4461	24A-256.99	Lào Cai	5161	27A-108.80	Điện Biên	5861	26C-146.65	Sơn La	6561	23C-079.20	Hà Giang
3762	24C-146.86	Lào Cai	4462	24A-257.88	Lào Cai	5162	27A-109.04	Điện Biên	5862	26C-146.71	Sơn La	6562	23C-079.23	Hà Giang
3763	24D-005.87	Lào Cai	4463	24C-144.89	Lào Cai	5163	27A-109.05	Điện Biên	5863	27A-108.93	Điện Biên	6563	23C-079.25	Hà Giang
3764	26A-200.93	Sơn La	4464	24C-146.39	Lào Cai	5164	27A-109.31	Điện Biên	5864	27A-109.03	Điện Biên	6564	23D-004.06	Hà Giang
3765	26A-201.02	Sơn La	4465	24D-005.81	Lào Cai	5165	27A-109.39	Điện Biên	5865	27A-109.07	Điện Biên	6565	24A-254.66	Lào Cai
3766	26C-146.34	Sơn La	4466	26A-201.00	Sơn La	5166	27A-109.45	Điện Biên	5866	27A-109.14	Điện Biên	6566	24A-256.39	Lào Cai
3767	26C-146.78	Sơn La	4467	26A-201.15	Sơn La	5167	27A-109.62	Điện Biên	5867	27A-109.22	Điện Biên	6567	24A-257.69	Lào Cai
3768	27A-108.71	Điện Biên	4468	26A-201.16	Sơn La	5168	28A-228.25	Hòa Bình	5868	27A-109.24	Điện Biên	6568	24B-015.53	Lào Cai
3769	27A-108.74	Điện Biên	4469	26A-201.18	Sơn La	5169	28A-228.29	Hòa Bình	5869	27A-109.28	Điện Biên	6569	24B-015.55	Lào Cai
3770	27A-108.79	Điện Biên	4470	26A-201.41	Sơn La	5170	28A-228.33	Hòa Bình	5870	27A-109.37	Điện Biên	6570	24B-015.56	Lào Cai
3771	27A-108.86	Điện Biên	4471	26A-201.42	Sơn La	5171	28A-228.36	Hòa Bình	5871	27A-109.40	Điện Biên	6571	24C-144.79	Lào Cai
3772	27A-108.89	Điện Biên	4472	26C-146.39	Sơn La	5172	28A-228.57	Hòa Bình	5872	27A-109.46	Điện Biên	6572	24C-145.68	Lào Cai
3773	27A-108.91	Điện Biên	4473	26C-146.67	Sơn La	5173	28A-228.69	Hòa Bình	5873	27A-109.48	Điện Biên	6573	24D-005.88	Lào Cai
3774	27A-108.98	Điện Biên	4474	27A-108.78	Điện Biên	5174	28A-228.77	Hòa Bình	5874	27A-109.56	Điện Biên	6574	26A-201.08	Sơn La
3775	27A-109.19	Điện Biên	4475	27A-108.84	Điện Biên	5175	28A-228.79	Hòa Bình	5875	27A-109.60	Điện Biên	6575	26A-201.21	Sơn La
3776	27A-109.27	Điện Biên	4476	27A-108.90	Điện Biên	5176	28A-228.81	Hòa Bình	5876	28A-228.12	Hòa Bình	6576	26C-146.31	Sơn La
3777	27A-109.41	Điện Biên	4477	27A-109.12	Điện Biên	5177	28A-228.91	Hòa Bình	5877	28A-228.17	Hòa Bình	6577	26C-146.33	Sơn La
3778	27A-109.47	Điện Biên	4478	27A-109.13	Điện Biên	5178	28A-228.93	Hòa Bình	5878	28A-228.45	Hòa Bình	6578	26C-146.48	Sơn La
3779	27A-109.64	Điện Biên	4479	27A-109.23	Điện Biên	5179	28A-229.00	Hòa Bình	5879	28A-228.55	Hòa Bình	6579	26C-146.49	Sơn La

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3780	27A-109.65	Điện Biên	4480	27A-109.44	Điện Biên	5180	28A-229.02	Hòa Bình	5880	28A-228.58	Hòa Bình	6580	26C-146.66	Sơn La
3781	28A-228.18	Hòa Bình	4481	27A-109.50	Điện Biên	5181	34A-756.67	Hải Dương	5881	28A-228.63	Hòa Bình	6581	26C-146.68	Sơn La
3782	28A-228.19	Hòa Bình	4482	27A-109.53	Điện Biên	5182	34A-756.68	Hải Dương	5882	28A-228.71	Hòa Bình	6582	26C-146.70	Sơn La
3783	28A-228.30	Hòa Bình	4483	27A-109.58	Điện Biên	5183	34A-756.98	Hải Dương	5883	28A-228.76	Hòa Bình	6583	27A-109.10	Điện Biên
3784	28A-228.43	Hòa Bình	4484	27A-109.66	Điện Biên	5184	34A-757.00	Hải Dương	5884	28A-228.82	Hòa Bình	6584	27A-109.17	Điện Biên
3785	28A-228.64	Hòa Bình	4485	27A-109.68	Điện Biên	5185	34C-389.92	Hải Dương	5885	28A-228.99	Hòa Bình	6585	27A-109.42	Điện Biên
3786	28A-228.70	Hòa Bình	4486	28A-228.16	Hòa Bình	5186	34C-389.97	Hải Dương	5886	34A-756.85	Hải Dương	6586	27A-109.49	Điện Biên
3787	28A-228.80	Hòa Bình	4487	28A-228.23	Hòa Bình	5187	34C-390.38	Hải Dương	5887	34A-756.87	Hải Dương	6587	28A-228.05	Hòa Bình
3788	28A-228.95	Hòa Bình	4488	28A-228.26	Hòa Bình	5188	35A-391.31	Ninh Bình	5888	34A-756.89	Hải Dương	6588	28A-228.09	Hòa Bình
3789	28A-229.04	Hòa Bình	4489	28A-228.35	Hòa Bình	5189	35A-391.32	Ninh Bình	5889	34A-757.13	Hải Dương	6589	28A-228.32	Hòa Bình
3790	34A-756.81	Hải Dương	4490	28A-228.51	Hòa Bình	5190	35A-391.35	Ninh Bình	5890	34C-390.02	Hải Dương	6590	28A-228.44	Hòa Bình
3791	34A-756.96	Hải Dương	4491	28A-228.61	Hòa Bình	5191	35A-391.51	Ninh Bình	5891	34C-390.08	Hải Dương	6591	28A-228.47	Hòa Bình
3792	34A-757.01	Hải Dương	4492	28A-228.62	Hòa Bình	5192	35A-391.55	Ninh Bình	5892	34C-390.12	Hải Dương	6592	28A-228.49	Hòa Bình
3793	34A-757.05	Hải Dương	4493	28A-228.84	Hòa Bình	5193	35C-160.01	Ninh Bình	5893	34C-390.13	Hải Dương	6593	28A-228.56	Hòa Bình
3794	34A-757.06	Hải Dương	4494	28A-228.89	Hòa Bình	5194	35C-160.04	Ninh Bình	5894	34C-390.26	Hải Dương	6594	28A-228.67	Hòa Bình
3795	34A-757.10	Hải Dương	4495	28A-228.97	Hòa Bình	5195	35C-160.28	Ninh Bình	5895	34C-390.34	Hải Dương	6595	28A-228.75	Hòa Bình
3796	34C-389.96	Hải Dương	4496	34A-756.91	Hải Dương	5196	35C-160.34	Ninh Bình	5896	35A-391.26	Ninh Bình	6596	28A-228.83	Hòa Bình
3797	35A-391.37	Ninh Bình	4497	34A-757.08	Hải Dương	5197	36C-456.71	Thanh Hóa	5897	35A-391.27	Ninh Bình	6597	28A-228.85	Hòa Bình
3798	35A-391.52	Ninh Bình	4498	34C-390.06	Hải Dương	5198	36C-456.77	Thanh Hóa	5898	35A-391.29	Ninh Bình	6598	34A-756.76	Hải Dương
3799	35A-391.61	Ninh Bình	4499	34C-390.11	Hải Dương	5199	36C-457.04	Thanh Hóa	5899	35A-391.42	Ninh Bình	6599	34A-756.88	Hải Dương
3800	35A-391.64	Ninh Bình	4500	34C-390.15	Hải Dương	5200	36K-031.73	Thanh Hóa	5900	35A-391.62	Ninh Bình	6600	34A-756.99	Hải Dương
3801	35C-160.00	Ninh Bình	4501	34C-390.32	Hải Dương	5201	36K-031.79	Thanh Hóa	5901	35A-391.63	Ninh Bình	6601	34A-757.03	Hải Dương
3802	35C-160.13	Ninh Bình	4502	34C-390.40	Hải Dương	5202	36K-031.81	Thanh Hóa	5902	35A-391.69	Ninh Bình	6602	34A-757.07	Hải Dương
3803	35C-160.16	Ninh Bình	4503	35A-391.30	Ninh Bình	5203	36K-031.98	Thanh Hóa	5903	35C-160.05	Ninh Bình	6603	34A-757.11	Hải Dương
3804	35C-160.19	Ninh Bình	4504	35A-391.38	Ninh Bình	5204	36K-032.09	Thanh Hóa	5904	35C-160.14	Ninh Bình	6604	34A-757.15	Hải Dương
3805	35C-160.36	Ninh Bình	4505	35A-391.43	Ninh Bình	5205	37C-503.85	Nghệ An	5905	35C-160.15	Ninh Bình	6605	34C-390.05	Hải Dương
3806	35C-160.39	Ninh Bình	4506	35A-391.72	Ninh Bình	5206	37C-503.90	Nghệ An	5906	35C-160.24	Ninh Bình	6606	34C-390.19	Hải Dương
3807	36C-456.86	Thanh Hóa	4507	35C-159.98	Ninh Bình	5207	37C-503.96	Nghệ An	5907	35C-160.42	Ninh Bình	6607	34C-390.31	Hải Dương
3808	36C-456.87	Thanh Hóa	4508	35C-160.26	Ninh Bình	5208	37C-503.99	Nghệ An	5908	35C-160.46	Ninh Bình	6608	34C-390.37	Hải Dương
3809	36C-456.89	Thanh Hóa	4509	36C-456.79	Thanh Hóa	5209	37C-504.05	Nghệ An	5909	36C-456.70	Thanh Hóa	6609	35A-391.34	Ninh Bình
3810	36C-457.09	Thanh Hóa	4510	36C-456.83	Thanh Hóa	5210	37K-274.73	Nghệ An	5910	36C-456.74	Thanh Hóa	6610	35A-391.57	Ninh Bình

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3811	36C-457.14	Thanh Hóa	4511	36C-457.06	Thanh Hóa	5211	37K-274.84	Nghệ An	5911	36C-456.85	Thanh Hóa	6611	35A-391.65	Ninh Bình
3812	36K-031.78	Thanh Hóa	4512	36C-457.08	Thanh Hóa	5212	37K-274.96	Nghệ An	5912	36C-456.98	Thanh Hóa	6612	35C-160.17	Ninh Bình
3813	36K-031.85	Thanh Hóa	4513	36K-031.66	Thanh Hóa	5213	38A-575.03	Hà Tĩnh	5913	36C-457.10	Thanh Hóa	6613	35C-160.18	Ninh Bình
3814	36K-031.96	Thanh Hóa	4514	36K-031.72	Thanh Hóa	5214	38A-575.08	Hà Tĩnh	5914	36C-457.15	Thanh Hóa	6614	35C-160.20	Ninh Bình
3815	37C-503.92	Nghệ An	4515	36K-031.92	Thanh Hóa	5215	38A-575.09	Hà Tĩnh	5915	36K-031.62	Thanh Hóa	6615	35C-160.38	Ninh Bình
3816	37C-503.98	Nghệ An	4516	36K-032.01	Thanh Hóa	5216	38A-575.10	Hà Tĩnh	5916	36K-031.67	Thanh Hóa	6616	35C-160.40	Ninh Bình
3817	37C-504.02	Nghệ An	4517	36K-032.07	Thanh Hóa	5217	38A-575.25	Hà Tĩnh	5917	36K-031.68	Thanh Hóa	6617	36C-456.69	Thanh Hóa
3818	37C-504.10	Nghệ An	4518	36K-032.08	Thanh Hóa	5218	38A-575.31	Hà Tĩnh	5918	36K-031.71	Thanh Hóa	6618	36C-456.96	Thanh Hóa
3819	37C-504.17	Nghệ An	4519	37C-503.84	Nghệ An	5219	38A-575.34	Hà Tĩnh	5919	36K-031.76	Thanh Hóa	6619	36C-457.11	Thanh Hóa
3820	37K-274.74	Nghệ An	4520	37C-504.00	Nghệ An	5220	38A-575.41	Hà Tĩnh	5920	36K-031.77	Thanh Hóa	6620	36C-457.13	Thanh Hóa
3821	37K-274.88	Nghệ An	4521	37C-504.06	Nghệ An	5221	38A-575.43	Hà Tĩnh	5921	36K-031.82	Thanh Hóa	6621	36K-031.69	Thanh Hóa
3822	37K-274.90	Nghệ An	4522	37C-504.16	Nghệ An	5222	38C-210.79	Hà Tĩnh	5922	36K-031.89	Thanh Hóa	6622	36K-031.83	Thanh Hóa
3823	38A-575.02	Hà Tĩnh	4523	37C-504.18	Nghệ An	5223	38C-210.86	Hà Tĩnh	5923	36K-031.90	Thanh Hóa	6623	36K-031.87	Thanh Hóa
3824	38A-575.17	Hà Tĩnh	4524	37C-504.19	Nghệ An	5224	38C-210.94	Hà Tĩnh	5924	36K-032.03	Thanh Hóa	6624	36K-031.95	Thanh Hóa
3825	38A-575.22	Hà Tĩnh	4525	37K-274.61	Nghệ An	5225	38C-211.00	Hà Tĩnh	5925	37C-503.73	Nghệ An	6625	37C-503.88	Nghệ An
3826	38A-575.28	Hà Tĩnh	4526	37K-274.82	Nghệ An	5226	38C-211.04	Hà Tĩnh	5926	37C-503.83	Nghệ An	6626	37C-504.11	Nghệ An
3827	38A-575.47	Hà Tĩnh	4527	37K-274.86	Nghệ An	5227	38C-211.05	Hà Tĩnh	5927	37C-503.86	Nghệ An	6627	37K-274.64	Nghệ An
3828	38C-210.67	Hà Tĩnh	4528	37K-275.02	Nghệ An	5228	43A-835.89	Đà Nẵng	5928	37C-503.94	Nghệ An	6628	37K-274.68	Nghệ An
3829	38C-210.84	Hà Tĩnh	4529	37K-275.03	Nghệ An	5229	43A-835.99	Đà Nẵng	5929	37C-503.97	Nghệ An	6629	37K-274.72	Nghệ An
3830	38C-210.88	Hà Tĩnh	4530	37K-275.06	Nghệ An	5230	43A-836.02	Đà Nẵng	5930	37K-274.69	Nghệ An	6630	37K-274.87	Nghệ An
3831	38C-210.90	Hà Tĩnh	4531	38A-575.20	Hà Tĩnh	5231	43A-836.14	Đà Nẵng	5931	37K-274.71	Nghệ An	6631	37K-274.91	Nghệ An
3832	38C-210.93	Hà Tĩnh	4532	38A-575.35	Hà Tĩnh	5232	43A-836.26	Đà Nẵng	5932	37K-274.85	Nghệ An	6632	37K-274.95	Nghệ An
3833	43A-835.85	Đà Nẵng	4533	38A-575.40	Hà Tĩnh	5233	43A-836.44	Đà Nẵng	5933	37K-274.98	Nghệ An	6633	37K-275.00	Nghệ An
3834	43A-835.86	Đà Nẵng	4534	38A-575.45	Hà Tĩnh	5234	43A-836.65	Đà Nẵng	5934	37K-275.07	Nghệ An	6634	38A-575.00	Hà Tĩnh
3835	43A-835.87	Đà Nẵng	4535	38C-210.95	Hà Tĩnh	5235	43A-836.67	Đà Nẵng	5935	38A-575.12	Hà Tĩnh	6635	38A-575.39	Hà Tĩnh
3836	43A-835.92	Đà Nẵng	4536	38C-210.98	Hà Tĩnh	5236	43A-836.70	Đà Nẵng	5936	38A-575.13	Hà Tĩnh	6636	38A-575.46	Hà Tĩnh
3837	43A-835.96	Đà Nẵng	4537	43A-835.82	Đà Nẵng	5237	43A-836.76	Đà Nẵng	5937	38A-575.32	Hà Tĩnh	6637	38C-210.70	Hà Tĩnh
3838	43A-836.11	Đà Nẵng	4538	43A-836.00	Đà Nẵng	5238	47A-661.44	Đắk Lắk	5938	38A-575.36	Hà Tĩnh	6638	38C-210.71	Hà Tĩnh
3839	43A-836.16	Đà Nẵng	4539	43A-836.23	Đà Nẵng	5239	47A-661.47	Đắk Lắk	5939	38A-575.38	Hà Tĩnh	6639	38C-210.75	Hà Tĩnh
3840	43A-836.37	Đà Nẵng	4540	43A-836.28	Đà Nẵng	5240	47A-661.50	Đắk Lắk	5940	38C-210.89	Hà Tĩnh	6640	38C-210.82	Hà Tĩnh
3841	43A-836.56	Đà Nẵng	4541	43A-836.33	Đà Nẵng	5241	47A-661.56	Đắk Lắk	5941	38C-210.97	Hà Tĩnh	6641	38C-210.99	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3842	43A-836.71	Đà Nẵng	4542	43A-836.38	Đà Nẵng	5242	47A-661.69	Đắk Lắk	5942	38C-211.06	Hà Tĩnh	6642	38C-211.02	Hà Tĩnh
3843	47A-661.49	Đắk Lắk	4543	43A-836.63	Đà Nẵng	5243	47A-661.70	Đắk Lắk	5943	38C-211.07	Hà Tĩnh	6643	43A-836.01	Đà Nẵng
3844	47A-661.51	Đắk Lắk	4544	43A-836.72	Đà Nẵng	5244	47C-336.88	Đắk Lắk	5944	43A-835.83	Đà Nẵng	6644	43A-836.05	Đà Nẵng
3845	47A-661.55	Đắk Lắk	4545	47A-661.46	Đắk Lắk	5245	47C-336.96	Đắk Lắk	5945	43A-835.91	Đà Nẵng	6645	43A-836.13	Đà Nẵng
3846	47A-661.64	Đắk Lắk	4546	47A-661.66	Đắk Lắk	5246	47C-336.97	Đắk Lắk	5946	43A-836.03	Đà Nẵng	6646	43A-836.17	Đà Nẵng
3847	47A-661.89	Đắk Lắk	4547	47A-661.75	Đắk Lắk	5247	47C-337.03	Đắk Lắk	5947	43A-836.08	Đà Nẵng	6647	43A-836.34	Đà Nẵng
3848	47C-336.89	Đắk Lắk	4548	47A-661.80	Đắk Lắk	5248	47C-337.05	Đắk Lắk	5948	43A-836.19	Đà Nẵng	6648	43A-836.36	Đà Nẵng
3849	47C-337.20	Đắk Lắk	4549	47C-336.93	Đắk Lắk	5249	47C-337.13	Đắk Lắk	5949	43A-836.31	Đà Nẵng	6649	43A-836.41	Đà Nẵng
3850	48A-205.05	Đắk Nông	4550	47C-336.95	Đắk Lắk	5250	47C-337.24	Đắk Lắk	5950	43A-836.35	Đà Nẵng	6650	43A-836.43	Đà Nẵng
3851	48A-207.99	Đắk Nông	4551	47C-337.01	Đắk Lắk	5251	47C-337.25	Đắk Lắk	5951	43A-836.49	Đà Nẵng	6651	43A-836.48	Đà Nẵng
3852	48A-208.12	Đắk Nông	4552	47C-337.07	Đắk Lắk	5252	47C-337.32	Đắk Lắk	5952	43A-836.51	Đà Nẵng	6652	43A-836.54	Đà Nẵng
3853	48A-208.13	Đắk Nông	4553	47C-337.08	Đắk Lắk	5253	48A-205.79	Đắk Nông	5953	43A-836.52	Đà Nẵng	6653	43A-836.61	Đà Nẵng
3854	48C-095.79	Đắk Nông	4554	47C-337.11	Đắk Lắk	5254	48A-206.39	Đắk Nông	5954	43A-836.75	Đà Nẵng	6654	43A-836.79	Đà Nẵng
3855	48C-096.88	Đắk Nông	4555	47C-337.15	Đắk Lắk	5255	48A-206.69	Đắk Nông	5955	47A-661.59	Đắk Lắk	6655	47A-661.54	Đắk Lắk
3856	48C-097.05	Đắk Nông	4556	47C-337.17	Đắk Lắk	5256	48A-207.07	Đắk Nông	5956	47A-661.62	Đắk Lắk	6656	47A-661.68	Đắk Lắk
3857	48C-097.10	Đắk Nông	4557	47C-337.18	Đắk Lắk	5257	48A-208.03	Đắk Nông	5957	47A-661.65	Đắk Lắk	6657	47A-661.90	Đắk Lắk
3858	48D-002.24	Đắk Nông	4558	47C-337.26	Đắk Lắk	5258	48A-208.15	Đắk Nông	5958	47A-661.86	Đắk Lắk	6658	47C-336.91	Đắk Lắk
3859	49A-638.32	Lâm Đồng	4559	47C-337.33	Đắk Lắk	5259	48B-009.77	Đắk Nông	5959	47C-337.04	Đắk Lắk	6659	47C-336.98	Đắk Lắk
3860	49A-638.35	Lâm Đồng	4560	48A-205.68	Đắk Nông	5260	48C-095.88	Đắk Nông	5960	47C-337.12	Đắk Lắk	6660	47C-337.00	Đắk Lắk
3861	49A-638.43	Lâm Đồng	4561	48A-208.08	Đắk Nông	5261	48C-096.39	Đắk Nông	5961	47C-337.16	Đắk Lắk	6661	47C-337.31	Đắk Lắk
3862	49A-638.47	Lâm Đồng	4562	48A-208.09	Đắk Nông	5262	48C-097.00	Đắk Nông	5962	48A-205.88	Đắk Nông	6662	48A-206.68	Đắk Nông
3863	49C-342.04	Lâm Đồng	4563	48B-009.76	Đắk Nông	5263	49A-638.27	Lâm Đồng	5963	48A-205.99	Đắk Nông	6663	48A-206.79	Đắk Nông
3864	49C-342.05	Lâm Đồng	4564	48C-097.03	Đắk Nông	5264	49A-638.60	Lâm Đồng	5964	48A-207.86	Đắk Nông	6664	48A-206.99	Đắk Nông
3865	49C-342.15	Lâm Đồng	4565	49A-638.37	Lâm Đồng	5265	49C-341.99	Lâm Đồng	5965	48A-208.11	Đắk Nông	6665	48A-207.66	Đắk Nông
3866	49C-342.19	Lâm Đồng	4566	49A-638.42	Lâm Đồng	5266	49C-342.07	Lâm Đồng	5966	48B-009.75	Đắk Nông	6666	48A-208.04	Đắk Nông
3867	49C-342.25	Lâm Đồng	4567	49A-638.50	Lâm Đồng	5267	49C-342.20	Lâm Đồng	5967	48B-009.79	Đắk Nông	6667	48B-009.71	Đắk Nông
3868	49C-342.31	Lâm Đồng	4568	49A-638.53	Lâm Đồng	5268	49C-342.22	Lâm Đồng	5968	48B-009.80	Đắk Nông	6668	48C-095.66	Đắk Nông
3869	60C-708.55	Đồng Nai	4569	49A-638.56	Lâm Đồng	5269	49C-342.23	Lâm Đồng	5969	48C-096.66	Đắk Nông	6669	48C-095.99	Đắk Nông
3870	60C-708.61	Đồng Nai	4570	49A-638.58	Lâm Đồng	5270	49C-342.37	Lâm Đồng	5970	48C-096.68	Đắk Nông	6670	48C-096.79	Đắk Nông
3871	60C-708.84	Đồng Nai	4571	49A-638.61	Lâm Đồng	5271	49C-342.38	Lâm Đồng	5971	48C-096.69	Đắk Nông	6671	49A-638.24	Lâm Đồng
3872	60K-455.79	Đồng Nai	4572	49A-638.64	Lâm Đồng	5272	60C-708.56	Đồng Nai	5972	48C-097.04	Đắk Nông	6672	49A-638.28	Lâm Đồng

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3873	60K-455.94	Đồng Nai	4573	49C-342.02	Lâm Đồng	5273	60C-708.68	Đồng Nai	5973	48D-002.26	Đắk Nông	6673	49C-342.01	Lâm Đồng
3874	60K-456.22	Đồng Nai	4574	49C-342.03	Lâm Đồng	5274	60C-708.73	Đồng Nai	5974	49A-638.15	Lâm Đồng	6674	49C-342.06	Lâm Đồng
3875	61K-362.58	Bình Dương	4575	49C-342.10	Lâm Đồng	5275	60C-708.74	Đồng Nai	5975	49A-638.18	Lâm Đồng	6675	49C-342.17	Lâm Đồng
3876	61K-362.66	Bình Dương	4576	49C-342.11	Lâm Đồng	5276	60C-708.78	Đồng Nai	5976	49A-638.26	Lâm Đồng	6676	49C-342.21	Lâm Đồng
3877	61K-362.67	Bình Dương	4577	49C-342.44	Lâm Đồng	5277	60C-708.86	Đồng Nai	5977	49A-638.34	Lâm Đồng	6677	49C-342.28	Lâm Đồng
3878	61K-362.69	Bình Dương	4578	60C-708.46	Đồng Nai	5278	60C-708.88	Đồng Nai	5978	49A-638.40	Lâm Đồng	6678	49C-342.40	Lâm Đồng
3879	61K-362.77	Bình Dương	4579	60C-708.65	Đồng Nai	5279	60K-455.80	Đồng Nai	5979	49A-638.54	Lâm Đồng	6679	49C-342.46	Lâm Đồng
3880	61K-363.06	Bình Dương	4580	60C-708.70	Đồng Nai	5280	60K-455.81	Đồng Nai	5980	49C-342.00	Lâm Đồng	6680	60C-708.49	Đồng Nai
3881	61K-363.28	Bình Dương	4581	60C-708.71	Đồng Nai	5281	60K-456.21	Đồng Nai	5981	49C-342.18	Lâm Đồng	6681	60C-708.53	Đồng Nai
3882	61K-363.38	Bình Dương	4582	60C-708.82	Đồng Nai	5282	61K-362.54	Bình Dương	5982	49C-342.27	Lâm Đồng	6682	60C-708.54	Đồng Nai
3883	61K-363.43	Bình Dương	4583	60C-708.91	Đồng Nai	5283	61K-362.59	Bình Dương	5983	49C-342.33	Lâm Đồng	6683	60C-708.60	Đồng Nai
3884	62A-396.02	Long An	4584	60K-455.84	Đồng Nai	5284	61K-362.60	Bình Dương	5984	49C-342.43	Lâm Đồng	6684	60C-708.92	Đồng Nai
3885	62A-396.10	Long An	4585	60K-455.86	Đồng Nai	5285	61K-362.65	Bình Dương	5985	60C-708.50	Đồng Nai	6685	60C-708.94	Đồng Nai
3886	62A-396.27	Long An	4586	60K-455.90	Đồng Nai	5286	61K-362.81	Bình Dương	5986	60C-708.58	Đồng Nai	6686	60K-455.87	Đồng Nai
3887	62A-396.28	Long An	4587	60K-455.98	Đồng Nai	5287	61K-362.84	Bình Dương	5987	60C-708.85	Đồng Nai	6687	60K-456.01	Đồng Nai
3888	62A-396.29	Long An	4588	60K-456.00	Đồng Nai	5288	61K-362.89	Bình Dương	5988	60K-455.99	Đồng Nai	6688	60K-456.06	Đồng Nai
3889	62C-189.87	Long An	4589	60K-456.07	Đồng Nai	5289	61K-363.05	Bình Dương	5989	60K-456.03	Đồng Nai	6689	60K-456.09	Đồng Nai
3890	62C-189.93	Long An	4590	60K-456.10	Đồng Nai	5290	61K-363.08	Bình Dương	5990	60K-456.24	Đồng Nai	6690	60K-456.12	Đồng Nai
3891	62C-190.13	Long An	4591	61K-362.57	Bình Dương	5291	61K-363.12	Bình Dương	5991	61K-362.72	Bình Dương	6691	60K-456.18	Đồng Nai
3892	63A-267.39	Tiền Giang	4592	61K-362.75	Bình Dương	5292	61K-363.27	Bình Dương	5992	61K-362.73	Bình Dương	6692	60K-456.19	Đồng Nai
3893	63A-267.68	Tiền Giang	4593	61K-362.76	Bình Dương	5293	61K-363.30	Bình Dương	5993	61K-362.86	Bình Dương	6693	60K-456.20	Đồng Nai
3894	63A-267.99	Tiền Giang	4594	61K-362.82	Bình Dương	5294	61K-363.35	Bình Dương	5994	61K-362.87	Bình Dương	6694	61K-362.83	Bình Dương
3895	63A-268.39	Tiền Giang	4595	61K-363.03	Bình Dương	5295	61K-363.47	Bình Dương	5995	61K-362.96	Bình Dương	6695	61K-362.92	Bình Dương
3896	63A-268.69	Tiền Giang	4596	61K-363.16	Bình Dương	5296	61K-363.49	Bình Dương	5996	61K-363.17	Bình Dương	6696	61K-363.04	Bình Dương
3897	63A-270.69	Tiền Giang	4597	61K-363.42	Bình Dương	5297	61K-363.51	Bình Dương	5997	61K-363.18	Bình Dương	6697	61K-363.07	Bình Dương
3898	63A-270.86	Tiền Giang	4598	61K-363.46	Bình Dương	5298	61K-363.52	Bình Dương	5998	61K-363.20	Bình Dương	6698	61K-363.26	Bình Dương
3899	63B-029.56	Tiền Giang	4599	62A-396.01	Long An	5299	62A-396.06	Long An	5999	61K-363.24	Bình Dương	6699	61K-363.32	Bình Dương
3900	63C-202.18	Tiền Giang	4600	62A-396.03	Long An	5300	62A-396.24	Long An	6000	61K-363.40	Bình Dương	6700	61K-363.48	Bình Dương
3901	63D-008.37	Tiền Giang	4601	62A-396.16	Long An	5301	62A-396.25	Long An	6001	62A-395.89	Long An	6701	62A-395.88	Long An
3902	63D-008.40	Tiền Giang	4602	62A-396.39	Long An	5302	62A-396.37	Long An	6002	62A-395.99	Long An	6702	62A-396.11	Long An
3903	64A-169.89	Vĩnh Long	4603	62A-396.42	Long An	5303	62C-190.14	Long An	6003	62A-396.07	Long An	6703	62A-396.13	Long An

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3904	64A-170.39	Vĩnh Long	4604	62A-396.43	Long An	5304	63A-269.68	Tiền Giang	6004	62A-396.17	Long An	6704	62A-396.14	Long An
3905	64A-170.79	Vĩnh Long	4605	62C-189.83	Long An	5305	63A-271.66	Tiền Giang	6005	62C-189.99	Long An	6705	62A-396.20	Long An
3906	64A-171.66	Vĩnh Long	4606	62C-189.86	Long An	5306	63A-271.79	Tiền Giang	6006	62C-190.05	Long An	6706	62A-396.34	Long An
3907	64A-171.99	Vĩnh Long	4607	62C-189.98	Long An	5307	63B-029.52	Tiền Giang	6007	62C-190.07	Long An	6707	62A-396.45	Long An
3908	64A-172.86	Vĩnh Long	4608	62C-190.08	Long An	5308	63B-029.65	Tiền Giang	6008	62C-190.18	Long An	6708	62C-190.01	Long An
3909	64B-013.13	Vĩnh Long	4609	62C-190.09	Long An	5309	63B-029.69	Tiền Giang	6009	62C-190.26	Long An	6709	62C-190.21	Long An
3910	64B-013.23	Vĩnh Long	4610	63A-267.67	Tiền Giang	5310	63C-202.06	Tiền Giang	6010	63A-269.39	Tiền Giang	6710	63A-270.66	Tiền Giang
3911	64B-013.24	Vĩnh Long	4611	63A-269.89	Tiền Giang	5311	63C-202.15	Tiền Giang	6011	63A-271.39	Tiền Giang	6711	63B-029.54	Tiền Giang
3912	64B-013.25	Vĩnh Long	4612	63A-270.79	Tiền Giang	5312	63C-202.20	Tiền Giang	6012	63A-271.69	Tiền Giang	6712	63B-029.55	Tiền Giang
3913	64B-013.27	Vĩnh Long	4613	63B-029.58	Tiền Giang	5313	64A-169.66	Vĩnh Long	6013	63A-271.86	Tiền Giang	6713	63C-202.12	Tiền Giang
3914	64C-109.89	Vĩnh Long	4614	63B-029.59	Tiền Giang	5314	64A-172.66	Vĩnh Long	6014	63A-271.89	Tiền Giang	6714	63D-008.36	Tiền Giang
3915	64C-110.00	Vĩnh Long	4615	63B-029.63	Tiền Giang	5315	64C-109.88	Vĩnh Long	6015	63A-272.22	Tiền Giang	6715	64A-171.89	Vĩnh Long
3916	66A-243.88	Đồng Tháp	4616	63B-029.66	Tiền Giang	5316	64C-110.89	Vĩnh Long	6016	63B-029.57	Tiền Giang	6716	64A-173.79	Vĩnh Long
3917	66A-243.99	Đồng Tháp	4617	63C-202.16	Tiền Giang	5317	64D-002.33	Vĩnh Long	6017	63B-029.62	Tiền Giang	6717	64A-173.86	Vĩnh Long
3918	66A-244.88	Đồng Tháp	4618	63D-008.32	Tiền Giang	5318	64D-002.35	Vĩnh Long	6018	63C-202.04	Tiền Giang	6718	64C-109.09	Vĩnh Long
3919	66A-245.39	Đồng Tháp	4619	63D-008.35	Tiền Giang	5319	66A-244.77	Đồng Tháp	6019	63C-202.09	Tiền Giang	6719	64C-109.68	Vĩnh Long
3920	66A-245.69	Đồng Tháp	4620	64A-169.86	Vĩnh Long	5320	66A-244.86	Đồng Tháp	6020	63C-202.13	Tiền Giang	6720	64C-110.68	Vĩnh Long
3921	66A-246.68	Đồng Tháp	4621	64A-171.86	Vĩnh Long	5321	66A-245.86	Đồng Tháp	6021	63D-008.39	Tiền Giang	6721	64D-002.36	Vĩnh Long
3922	66B-020.04	Đồng Tháp	4622	64A-172.79	Vĩnh Long	5322	66B-020.05	Đồng Tháp	6022	64A-170.66	Vĩnh Long	6722	66A-242.69	Đồng Tháp
3923	66B-020.08	Đồng Tháp	4623	64A-173.68	Vĩnh Long	5323	66B-020.11	Đồng Tháp	6023	64A-170.86	Vĩnh Long	6723	66A-242.89	Đồng Tháp
3924	66C-161.11	Đồng Tháp	4624	64A-173.99	Vĩnh Long	5324	66B-020.19	Đồng Tháp	6024	64A-171.69	Vĩnh Long	6724	66A-243.89	Đồng Tháp
3925	66C-161.86	Đồng Tháp	4625	64B-013.12	Vĩnh Long	5325	66D-008.47	Đồng Tháp	6025	64A-171.79	Vĩnh Long	6725	66A-244.66	Đồng Tháp
3926	66C-161.89	Đồng Tháp	4626	64B-013.14	Vĩnh Long	5326	66D-008.58	Đồng Tháp	6026	64A-171.88	Vĩnh Long	6726	66B-020.16	Đồng Tháp
3927	66D-008.53	Đồng Tháp	4627	64C-109.99	Vĩnh Long	5327	67A-283.72	An Giang	6027	64A-172.68	Vĩnh Long	6727	66C-161.39	Đồng Tháp
3928	66D-008.54	Đồng Tháp	4628	64C-110.86	Vĩnh Long	5328	67A-283.78	An Giang	6028	64A-172.99	Vĩnh Long	6728	66C-161.99	Đồng Tháp
3929	67A-283.87	An Giang	4629	64C-110.99	Vĩnh Long	5329	67A-283.83	An Giang	6029	64B-013.19	Vĩnh Long	6729	66D-008.42	Đồng Tháp
3930	67A-283.99	An Giang	4630	64D-002.31	Vĩnh Long	5330	67A-283.97	An Giang	6030	64B-013.20	Vĩnh Long	6730	66D-008.44	Đồng Tháp
3931	67A-284.01	An Giang	4631	66A-243.66	Đồng Tháp	5331	67A-283.98	An Giang	6031	64B-013.29	Vĩnh Long	6731	66D-008.56	Đồng Tháp
3932	67C-171.39	An Giang	4632	66A-244.55	Đồng Tháp	5332	67A-284.02	An Giang	6032	64C-109.66	Vĩnh Long	6732	66D-008.59	Đồng Tháp
3933	67C-171.77	An Giang	4633	66A-244.69	Đồng Tháp	5333	67A-284.04	An Giang	6033	64C-109.86	Vĩnh Long	6733	67A-283.77	An Giang
3934	67C-171.79	An Giang	4634	66A-246.69	Đồng Tháp	5334	67A-284.11	An Giang	6034	64D-002.32	Vĩnh Long	6734	67A-283.79	An Giang

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3966	70A-521.54	Tây Ninh	4666	69B-010.07	Cà Mau	5366	69C-093.10	Cà Mau	6066	69A-144.69	Cà Mau	6766	70A-521.12	Tây Ninh
3967	70A-521.63	Tây Ninh	4667	69D-001.95	Cà Mau	5367	70A-521.07	Tây Ninh	6067	69A-145.69	Cà Mau	6767	70A-521.14	Tây Ninh
3968	70A-521.72	Tây Ninh	4668	69D-002.03	Cà Mau	5368	70A-521.18	Tây Ninh	6068	69B-010.02	Cà Mau	6768	70A-521.60	Tây Ninh
3969	71C-121.74	Bến Tre	4669	69D-002.08	Cà Mau	5369	70A-521.36	Tây Ninh	6069	69B-010.03	Cà Mau	6769	71C-122.14	Bến Tre
3970	71C-121.75	Bến Tre	4670	70A-520.76	Tây Ninh	5370	70A-521.47	Tây Ninh	6070	69B-010.05	Cà Mau	6770	71C-122.16	Bến Tre
3971	71C-121.77	Bến Tre	4671	70A-520.83	Tây Ninh	5371	70A-521.51	Tây Ninh	6071	69D-001.91	Cà Mau	6771	71C-122.34	Bến Tre
3972	71C-121.84	Bến Tre	4672	70A-520.87	Tây Ninh	5372	70A-521.58	Tây Ninh	6072	69D-001.92	Cà Mau	6772	71C-122.39	Bến Tre
3973	71C-122.00	Bến Tre	4673	70A-521.17	Tây Ninh	5373	71C-121.72	Bến Tre	6073	69D-001.94	Cà Mau	6773	71C-122.40	Bến Tre
3974	71C-122.01	Bến Tre	4674	70A-521.26	Tây Ninh	5374	71C-121.96	Bến Tre	6074	69D-002.02	Cà Mau	6774	71C-122.42	Bến Tre
3975	71C-122.10	Bến Tre	4675	70A-521.35	Tây Ninh	5375	71C-122.24	Bến Tre	6075	70A-520.73	Tây Ninh	6775	71C-122.49	Bến Tre
3976	71C-122.13	Bến Tre	4676	70A-521.37	Tây Ninh	5376	71C-122.43	Bến Tre	6076	70A-520.89	Tây Ninh	6776	71C-122.54	Bến Tre
3977	71C-122.35	Bến Tre	4677	70A-521.53	Tây Ninh	5377	72A-750.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	6077	70A-520.93	Tây Ninh	6777	71C-122.56	Bến Tre
3978	71C-122.36	Bến Tre	4678	70A-521.56	Tây Ninh	5378	72A-750.61	Bà Rịa - Vũng Tàu	6078	70A-521.13	Tây Ninh	6778	71C-122.60	Bến Tre
3979	71C-122.46	Bến Tre	4679	71C-121.76	Bến Tre	5379	72A-750.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	6079	70A-521.19	Tây Ninh	6779	71C-122.62	Bến Tre
3980	71C-122.51	Bến Tre	4680	71C-121.85	Bến Tre	5380	72A-750.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	6080	70A-521.22	Tây Ninh	6780	72A-750.04	Bà Rịa - Vũng Tàu
3981	71C-122.68	Bến Tre	4681	71C-121.87	Bến Tre	5381	72A-750.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	6081	70A-521.62	Tây Ninh	6781	72A-750.21	Bà Rịa - Vũng Tàu
3982	72A-750.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	4682	71C-121.98	Bến Tre	5382	72A-750.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	6082	70A-521.65	Tây Ninh	6782	72A-750.37	Bà Rịa - Vũng Tàu
3983	72A-750.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	4683	71C-122.12	Bến Tre	5383	72C-221.93	Bà Rịa - Vũng Tàu	6083	71C-121.89	Bến Tre	6783	72A-750.41	Bà Rịa - Vũng Tàu
3984	72A-750.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	4684	71C-122.32	Bến Tre	5384	72C-221.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	6084	71C-122.06	Bến Tre	6784	72A-750.50	Bà Rịa - Vũng Tàu
3985	72A-750.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	4685	71C-122.61	Bến Tre	5385	72C-221.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	6085	71C-122.09	Bến Tre	6785	72A-750.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
3986	72A-750.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4686	72A-750.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	5386	72C-222.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	6086	71C-122.29	Bến Tre	6786	72C-221.91	Bà Rịa - Vũng Tàu
3987	72A-750.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	4687	72A-750.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5387	72C-222.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	6087	71C-122.38	Bến Tre	6787	72C-221.94	Bà Rịa - Vũng Tàu
3988	72A-750.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	4688	72A-750.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	5388	72C-222.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	6088	71C-122.47	Bến Tre	6788	72C-221.97	Bà Rịa - Vũng Tàu
3989	72A-750.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4689	72A-750.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	5389	72C-222.49	Bà Rịa - Vũng Tàu	6089	71C-122.63	Bến Tre	6789	72C-222.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
3990	72A-750.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	4690	72A-750.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	5390	72C-222.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	6090	72A-750.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	6790	72C-222.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
3991	72A-750.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	4691	72A-750.51	Bà Rịa - Vũng Tàu	5391	72C-222.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	6091	72A-750.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	6791	72C-222.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
3992	72A-750.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	4692	72A-750.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	5392	72C-222.76	Bà Rịa - Vũng Tàu	6092	72A-750.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	6792	72C-222.51	Bà Rịa - Vũng Tàu
3993	72A-750.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	4693	72A-750.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	5393	72C-222.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	6093	72A-750.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	6793	72C-222.54	Bà Rịa - Vũng Tàu
3994	72A-750.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	4694	72A-750.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	5394	73A-326.25	Quảng Bình	6094	72A-750.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	6794	72C-222.57	Bà Rịa - Vũng Tàu
3995	72C-222.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	4695	72A-750.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	5395	73A-326.33	Quảng Bình	6095	72A-750.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	6795	72C-222.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
3996	72C-222.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	4696	72C-222.04	Bà Rịa - Vũng Tàu	5396	73A-326.50	Quảng Bình	6096	72A-750.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	6796	72C-222.71	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3935	68A-322.42	Kiên Giang	4635	66B-020.00	Đồng Tháp	5335	67A-284.17	An Giang	6035	66A-242.86	Đồng Tháp	6735	67A-283.90	An Giang
3936	68A-322.47	Kiên Giang	4636	66D-008.48	Đồng Tháp	5336	67C-171.30	An Giang	6036	66A-242.88	Đồng Tháp	6736	67A-284.14	An Giang
3937	68A-322.83	Kiên Giang	4637	66D-008.55	Đồng Tháp	5337	67C-171.55	An Giang	6037	66A-243.79	Đồng Tháp	6737	67A-284.18	An Giang
3938	68A-322.87	Kiên Giang	4638	66D-008.60	Đồng Tháp	5338	67C-171.59	An Giang	6038	66A-243.86	Đồng Tháp	6738	67C-171.37	An Giang
3939	68A-322.95	Kiên Giang	4639	67A-283.85	An Giang	5339	67C-171.66	An Giang	6039	66A-244.39	Đồng Tháp	6739	67C-171.49	An Giang
3940	68A-322.97	Kiên Giang	4640	67A-284.03	An Giang	5340	67C-171.78	An Giang	6040	66A-244.99	Đồng Tháp	6740	67C-171.53	An Giang
3941	68A-322.98	Kiên Giang	4641	67A-284.08	An Giang	5341	68A-322.41	Kiên Giang	6041	66A-245.66	Đồng Tháp	6741	67C-171.56	An Giang
3942	68A-323.05	Kiên Giang	4642	67A-284.15	An Giang	5342	68A-322.44	Kiên Giang	6042	66B-020.07	Đồng Tháp	6742	67C-171.67	An Giang
3943	68A-323.17	Kiên Giang	4643	67A-284.19	An Giang	5343	68A-322.66	Kiên Giang	6043	66C-161.69	Đồng Tháp	6743	67C-171.69	An Giang
3944	68A-323.23	Kiên Giang	4644	67C-171.32	An Giang	5344	68A-322.68	Kiên Giang	6044	66D-008.57	Đồng Tháp	6744	68A-322.46	Kiên Giang
3945	68A-323.38	Kiên Giang	4645	67C-171.58	An Giang	5345	68A-322.69	Kiên Giang	6045	67A-283.88	An Giang	6745	68A-322.48	Kiên Giang
3946	69A-142.68	Cà Mau	4646	68A-322.55	Kiên Giang	5346	68A-322.74	Kiên Giang	6046	67A-284.05	An Giang	6746	68A-322.64	Kiên Giang
3947	69A-143.69	Cà Mau	4647	68A-322.56	Kiên Giang	5347	68A-322.78	Kiên Giang	6047	67A-284.09	An Giang	6747	68A-322.71	Kiên Giang
3948	69A-144.39	Cà Mau	4648	68A-322.59	Kiên Giang	5348	68A-322.85	Kiên Giang	6048	67A-284.13	An Giang	6748	68A-323.29	Kiên Giang
3949	69A-146.68	Cà Mau	4649	68A-322.60	Kiên Giang	5349	68A-322.90	Kiên Giang	6049	67C-171.33	An Giang	6749	68A-323.30	Kiên Giang
3950	69A-146.69	Cà Mau	4650	68A-322.70	Kiên Giang	5350	68A-322.91	Kiên Giang	6050	67C-171.57	An Giang	6750	69A-142.69	Cà Mau
3951	69B-009.99	Cà Mau	4651	68A-322.80	Kiên Giang	5351	68A-323.02	Kiên Giang	6051	67C-171.60	An Giang	6751	69A-142.99	Cà Mau
3952	69B-010.01	Cà Mau	4652	68A-322.84	Kiên Giang	5352	68A-323.19	Kiên Giang	6052	67C-171.62	An Giang	6752	69A-143.66	Cà Mau
3953	69B-010.04	Cà Mau	4653	68A-322.86	Kiên Giang	5353	68A-323.28	Kiên Giang	6053	67C-171.68	An Giang	6753	69A-145.68	Cà Mau
3954	69C-093.01	Cà Mau	4654	68A-322.94	Kiên Giang	5354	68A-323.31	Kiên Giang	6054	68A-322.39	Kiên Giang	6754	69A-145.86	Cà Mau
3955	69C-093.05	Cà Mau	4655	68A-323.01	Kiên Giang	5355	69A-142.22	Cà Mau	6055	68A-322.57	Kiên Giang	6755	69A-145.88	Cà Mau
3956	70A-520.79	Tây Ninh	4656	68A-323.12	Kiên Giang	5356	69A-142.66	Cà Mau	6056	68A-322.75	Kiên Giang	6756	69A-146.39	Cà Mau
3957	70A-520.85	Tây Ninh	4657	68A-323.15	Kiên Giang	5357	69A-142.89	Cà Mau	6057	68A-322.88	Kiên Giang	6757	69B-009.94	Cà Mau
3958	70A-520.90	Tây Ninh	4658	68A-323.24	Kiên Giang	5358	69A-143.89	Cà Mau	6058	68A-323.04	Kiên Giang	6758	69D-001.93	Cà Mau
3959	70A-521.10	Tây Ninh	4659	68A-323.25	Kiên Giang	5359	69A-143.99	Cà Mau	6059	68A-323.21	Kiên Giang	6759	69D-002.04	Cà Mau
3960	70A-521.15	Tây Ninh	4660	68A-323.34	Kiên Giang	5360	69A-144.66	Cà Mau	6060	68A-323.26	Kiên Giang	6760	69D-002.09	Cà Mau
3961	70A-521.25	Tây Ninh	4661	68A-323.36	Kiên Giang	5361	69A-144.79	Cà Mau	6061	68A-323.27	Kiên Giang	6761	69D-002.10	Cà Mau
3962	70A-521.27	Tây Ninh	4662	69A-144.77	Cà Mau	5362	69A-144.86	Cà Mau	6062	69A-142.79	Cà Mau	6762	70A-520.74	Tây Ninh
3963	70A-521.44	Tây Ninh	4663	69A-145.99	Cà Mau	5363	69A-144.88	Cà Mau	6063	69A-143.68	Cà Mau	6763	70A-520.98	Tây Ninh
3964	70A-521.45	Tây Ninh	4664	69A-146.46	Cà Mau	5364	69B-010.06	Cà Mau	6064	69A-143.86	Cà Mau	6764	70A-521.03	Tây Ninh
3965	70A-521.49	Tây Ninh	4665	69B-009.93	Cà Mau	5365	69B-010.08	Cà Mau	6065	69A-144.68	Cà Mau	6765	70A-521.09	Tây Ninh

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
3997	72C-222.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	4697	72C-222.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	5397	73A-326.60	Quảng Bình	6097	72A-750.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	6797	72C-222.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
3998	72C-222.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	4698	72C-222.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	5398	73A-326.64	Quảng Bình	6098	72A-750.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	6798	72C-226.99	Bà Rịa - Vũng Tàu
3999	72C-222.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	4699	72C-222.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	5399	73C-172.88	Quảng Bình	6099	72C-221.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	6799	73A-326.16	Quảng Bình
4000	72C-222.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	4700	72C-222.61	Bà Rịa - Vũng Tàu	5400	73C-172.97	Quảng Bình	6100	72C-222.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	6800	73A-326.32	Quảng Bình
4001	72C-226.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4701	72C-222.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	5401	73C-172.98	Quảng Bình	6101	72C-222.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	6801	73A-326.39	Quảng Bình
4002	73A-326.42	Quảng Bình	4702	72C-222.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	5402	73C-173.01	Quảng Bình	6102	72C-222.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	6802	73A-326.48	Quảng Bình
4003	73A-326.57	Quảng Bình	4703	72C-222.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	5403	73C-173.05	Quảng Bình	6103	72C-222.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	6803	73A-326.54	Quảng Bình
4004	73C-172.86	Quảng Bình	4704	73A-326.17	Quảng Bình	5404	73C-173.07	Quảng Bình	6104	72C-222.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	6804	73A-326.62	Quảng Bình
4005	73C-172.89	Quảng Bình	4705	73A-326.44	Quảng Bình	5405	73C-173.08	Quảng Bình	6105	72C-222.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	6805	73C-173.00	Quảng Bình
4006	73C-172.95	Quảng Bình	4706	73A-326.59	Quảng Bình	5406	73C-173.11	Quảng Bình	6106	72C-222.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	6806	73C-173.03	Quảng Bình
4007	73C-172.99	Quảng Bình	4707	73A-326.63	Quảng Bình	5407	73C-173.15	Quảng Bình	6107	72C-222.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	6807	74A-241.99	Quảng Trị
4008	73C-173.06	Quảng Bình	4708	73C-172.92	Quảng Bình	5408	73C-173.24	Quảng Bình	6108	72C-222.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	6808	74A-242.01	Quảng Trị
4009	73C-173.10	Quảng Bình	4709	73C-173.18	Quảng Bình	5409	74A-241.89	Quảng Trị	6109	72C-222.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	6809	74A-242.03	Quảng Trị
4010	73C-173.12	Quảng Bình	4710	73C-173.21	Quảng Bình	5410	74A-242.02	Quảng Trị	6110	72C-222.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	6810	74A-242.33	Quảng Trị
4011	73C-173.23	Quảng Bình	4711	73C-173.22	Quảng Bình	5411	74A-242.11	Quảng Trị	6111	72C-222.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	6811	74A-242.37	Quảng Trị
4012	74A-242.13	Quảng Trị	4712	73C-173.27	Quảng Bình	5412	74A-242.12	Quảng Trị	6112	72C-226.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	6812	74C-126.39	Quảng Trị
4013	74A-242.18	Quảng Trị	4713	74A-242.04	Quảng Trị	5413	74A-242.24	Quảng Trị	6113	72C-226.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	6813	74C-126.99	Quảng Trị
4014	74A-242.28	Quảng Trị	4714	74A-242.25	Quảng Trị	5414	74A-242.27	Quảng Trị	6114	73A-326.20	Quảng Bình	6814	74C-127.06	Quảng Trị
4015	74C-126.79	Quảng Trị	4715	74A-242.26	Quảng Trị	5415	74B-013.56	Quảng Trị	6115	73A-326.47	Quảng Bình	6815	74D-008.06	Quảng Trị
4016	74C-127.05	Quảng Trị	4716	74A-242.30	Quảng Trị	5416	74C-127.03	Quảng Trị	6116	73C-172.82	Quảng Bình	6816	74D-008.07	Quảng Trị
4017	74D-008.02	Quảng Trị	4717	74A-242.31	Quảng Trị	5417	74C-127.07	Quảng Trị	6117	73C-172.91	Quảng Bình	6817	74D-008.10	Quảng Trị
4018	74D-008.05	Quảng Trị	4718	74A-242.35	Quảng Trị	5418	74C-127.08	Quảng Trị	6118	73C-173.04	Quảng Bình	6818	74D-008.18	Quảng Trị
4019	74D-008.16	Quảng Trị	4719	74B-013.55	Quảng Trị	5419	74D-008.04	Quảng Trị	6119	73C-173.17	Quảng Bình	6819	75A-350.26	Thừa Thiên Huế
4020	74D-008.19	Quảng Trị	4720	74C-127.09	Quảng Trị	5420	74D-008.17	Quảng Trị	6120	73C-173.20	Quảng Bình	6820	75A-350.42	Thừa Thiên Huế
4021	75A-350.28	Thừa Thiên Huế	4721	74D-008.09	Quảng Trị	5421	75A-350.37	Thừa Thiên Huế	6121	74A-241.39	Quảng Trị	6821	75A-350.59	Thừa Thiên Huế
4022	75A-350.31	Thừa Thiên Huế	4722	74D-008.13	Quảng Trị	5422	75A-350.58	Thừa Thiên Huế	6122	74A-242.10	Quảng Trị	6822	75A-350.68	Thừa Thiên Huế
4023	75A-350.41	Thừa Thiên Huế	4723	75A-350.30	Thừa Thiên Huế	5423	75A-350.62	Thừa Thiên Huế	6123	74A-242.19	Quảng Trị	6823	75C-149.50	Thừa Thiên Huế
4024	75A-350.50	Thừa Thiên Huế	4724	75A-350.35	Thừa Thiên Huế	5424	75A-350.71	Thừa Thiên Huế	6124	74B-013.57	Quảng Trị	6824	75C-149.62	Thừa Thiên Huế
4025	75A-350.64	Thừa Thiên Huế	4725	75A-350.51	Thừa Thiên Huế	5425	75C-149.41	Thừa Thiên Huế	6125	74B-013.59	Quảng Trị	6825	75C-149.70	Thừa Thiên Huế
4026	75C-149.60	Thừa Thiên Huế	4726	75A-350.56	Thừa Thiên Huế	5426	75C-149.45	Thừa Thiên Huế	6126	74C-127.04	Quảng Trị	6826	76A-285.86	Quảng Ngãi
4027	75C-149.69	Thừa Thiên Huế	4727	75A-350.65	Thừa Thiên Huế	5427	75C-149.47	Thừa Thiên Huế	6127	74D-008.08	Quảng Trị	6827	76A-285.99	Quảng Ngãi

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4028	76A-285.89	Quảng Ngãi	4728	75A-350.72	Thừa Thiên Huế	5428	75C-149.58	Thừa Thiên Huế	6128	75A-350.29	Thừa Thiên Huế	6828	76A-286.04	Quảng Ngãi
4029	76A-286.00	Quảng Ngãi	4729	75C-149.42	Thừa Thiên Huế	5429	75C-149.59	Thừa Thiên Huế	6129	75A-350.47	Thừa Thiên Huế	6829	76A-286.27	Quảng Ngãi
4030	76A-286.11	Quảng Ngãi	4730	75C-149.43	Thừa Thiên Huế	5430	75C-149.66	Thừa Thiên Huế	6130	75A-350.53	Thừa Thiên Huế	6830	76A-286.30	Quảng Ngãi
4031	76A-286.14	Quảng Ngãi	4731	75C-149.44	Thừa Thiên Huế	5431	75C-149.72	Thừa Thiên Huế	6131	75C-149.31	Thừa Thiên Huế	6831	76A-286.35	Quảng Ngãi
4032	76A-286.21	Quảng Ngãi	4732	75C-149.46	Thừa Thiên Huế	5432	75C-149.73	Thừa Thiên Huế	6132	75C-149.36	Thừa Thiên Huế	6832	76A-286.36	Quảng Ngãi
4033	76B-023.51	Quảng Ngãi	4733	75C-149.57	Thừa Thiên Huế	5433	75C-149.77	Thừa Thiên Huế	6133	75C-149.49	Thừa Thiên Huế	6833	76B-023.54	Quảng Ngãi
4034	76B-023.53	Quảng Ngãi	4734	75C-149.63	Thừa Thiên Huế	5434	75C-149.78	Thừa Thiên Huế	6134	75C-149.79	Thừa Thiên Huế	6834	76B-023.59	Quảng Ngãi
4035	76C-160.99	Quảng Ngãi	4735	75C-149.64	Thừa Thiên Huế	5435	76A-285.66	Quảng Ngãi	6135	76A-286.07	Quảng Ngãi	6835	76B-023.60	Quảng Ngãi
4036	76C-161.61	Quảng Ngãi	4736	76A-285.58	Quảng Ngãi	5436	76A-285.79	Quảng Ngãi	6136	76A-286.08	Quảng Ngãi	6836	76C-160.39	Quảng Ngãi
4037	76D-008.62	Quảng Ngãi	4737	76A-285.68	Quảng Ngãi	5437	76A-285.88	Quảng Ngãi	6137	76A-286.19	Quảng Ngãi	6837	76C-160.79	Quảng Ngãi
4038	77A-296.39	Bình Định	4738	76A-286.01	Quảng Ngãi	5438	76B-023.52	Quảng Ngãi	6138	76A-286.22	Quảng Ngãi	6838	76C-161.88	Quảng Ngãi
4039	77A-298.66	Bình Định	4739	76A-286.28	Quảng Ngãi	5439	76B-023.58	Quảng Ngãi	6139	76A-286.23	Quảng Ngãi	6839	76D-008.72	Quảng Ngãi
4040	77A-298.86	Bình Định	4740	76A-286.31	Quảng Ngãi	5440	76C-160.69	Quảng Ngãi	6140	76A-286.25	Quảng Ngãi	6840	77A-299.66	Bình Định
4041	77A-300.55	Bình Định	4741	76C-160.68	Quảng Ngãi	5441	76C-161.11	Quảng Ngãi	6141	76A-286.29	Quảng Ngãi	6841	77A-299.88	Bình Định
4042	77B-034.08	Bình Định	4742	76C-160.86	Quảng Ngãi	5442	76C-161.16	Quảng Ngãi	6142	76C-161.66	Quảng Ngãi	6842	77A-300.44	Bình Định
4043	77B-034.19	Bình Định	4743	76C-160.89	Quảng Ngãi	5443	77A-296.79	Bình Định	6143	76D-008.63	Quảng Ngãi	6843	77A-300.52	Bình Định
4044	78A-184.13	Phú Yên	4744	76C-161.68	Quảng Ngãi	5444	77A-297.66	Bình Định	6144	76D-008.73	Quảng Ngãi	6844	77A-300.53	Bình Định
4045	78A-184.18	Phú Yên	4745	76C-161.79	Quảng Ngãi	5445	77A-298.89	Bình Định	6145	76D-008.75	Quảng Ngãi	6845	77C-238.99	Bình Định
4046	78A-184.28	Phú Yên	4746	76D-008.66	Quảng Ngãi	5446	77A-300.22	Bình Định	6146	76D-008.76	Quảng Ngãi	6846	77D-003.11	Bình Định
4047	78B-015.04	Phú Yên	4747	76D-008.70	Quảng Ngãi	5447	77B-034.03	Bình Định	6147	76D-008.78	Quảng Ngãi	6847	77D-003.14	Bình Định
4048	78B-015.06	Phú Yên	4748	77A-296.88	Bình Định	5448	77C-238.38	Bình Định	6148	77A-297.68	Bình Định	6848	77D-003.21	Bình Định
4049	78B-015.08	Phú Yên	4749	77A-299.68	Bình Định	5449	77C-238.89	Bình Định	6149	77A-297.69	Bình Định	6849	78A-183.99	Phú Yên
4050	78C-741.03	Phú Yên	4750	77A-299.86	Bình Định	5450	77D-003.26	Bình Định	6150	77A-298.39	Bình Định	6850	78A-184.02	Phú Yên
4051	78C-741.04	Phú Yên	4751	77A-300.56	Bình Định	5451	77D-003.29	Bình Định	6151	77A-298.69	Bình Định	6851	78A-184.15	Phú Yên
4052	78D-003.01	Phú Yên	4752	77A-300.58	Bình Định	5452	78A-184.03	Phú Yên	6152	77A-300.39	Bình Định	6852	78A-184.35	Phú Yên
4053	78D-003.06	Phú Yên	4753	77B-034.05	Bình Định	5453	78A-184.04	Phú Yên	6153	77A-300.51	Bình Định	6853	78B-015.17	Phú Yên
4054	78D-003.10	Phú Yên	4754	77C-238.79	Bình Định	5454	78A-184.08	Phú Yên	6154	77A-300.59	Bình Định	6854	78C-741.02	Phú Yên
4055	78D-003.15	Phú Yên	4755	77D-003.27	Bình Định	5455	78A-184.22	Phú Yên	6155	77C-238.66	Bình Định	6855	78D-003.12	Phú Yên
4056	79A-503.27	Khánh Hòa	4756	77D-003.28	Bình Định	5456	78A-184.24	Phú Yên	6156	77C-238.68	Bình Định	6856	79A-503.35	Khánh Hòa
4057	79A-503.30	Khánh Hòa	4757	78A-184.05	Phú Yên	5457	78B-015.03	Phú Yên	6157	77D-003.15	Bình Định	6857	79A-503.53	Khánh Hòa
4058	79A-503.31	Khánh Hòa	4758	78A-184.23	Phú Yên	5458	78B-015.10	Phú Yên	6158	78A-183.69	Phú Yên	6858	79A-503.56	Khánh Hòa

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4059	79A-503.49	Khánh Hòa	4759	78A-184.31	Phú Yên	5459	78B-015.12	Phú Yên	6159	78A-183.88	Phú Yên	6859	79A-503.58	Khánh Hòa
4060	79A-503.62	Khánh Hòa	4760	78B-015.13	Phú Yên	5460	78C-741.10	Phú Yên	6160	78A-183.89	Phú Yên	6860	79C-211.19	Khánh Hòa
4061	79A-503.65	Khánh Hòa	4761	78C-741.01	Phú Yên	5461	78D-003.11	Phú Yên	6161	78A-184.14	Phú Yên	6861	79C-211.21	Khánh Hòa
4062	79C-211.12	Khánh Hòa	4762	78C-741.05	Phú Yên	5462	78D-003.16	Phú Yên	6162	78A-184.30	Phú Yên	6862	79C-211.43	Khánh Hòa
4063	79C-211.13	Khánh Hòa	4763	78D-003.05	Phú Yên	5463	79A-503.37	Khánh Hòa	6163	78A-184.33	Phú Yên	6863	79C-211.48	Khánh Hòa
4064	79C-211.34	Khánh Hòa	4764	78D-003.17	Phú Yên	5464	79A-503.40	Khánh Hòa	6164	78A-184.36	Phú Yên	6864	79C-211.56	Khánh Hòa
4065	79C-211.49	Khánh Hòa	4765	79A-503.26	Khánh Hòa	5465	79A-503.42	Khánh Hòa	6165	78B-015.07	Phú Yên	6865	81A-389.73	Gia Lai
4066	81A-389.66	Gia Lai	4766	79A-503.36	Khánh Hòa	5466	79A-503.60	Khánh Hòa	6166	78B-015.16	Phú Yên	6866	81A-389.78	Gia Lai
4067	81A-389.67	Gia Lai	4767	79A-503.51	Khánh Hòa	5467	79C-211.22	Khánh Hòa	6167	78D-003.13	Phú Yên	6867	81A-389.87	Gia Lai
4068	81A-389.70	Gia Lai	4768	79A-503.54	Khánh Hòa	5468	79C-211.33	Khánh Hòa	6168	79A-503.23	Khánh Hòa	6868	81A-389.92	Gia Lai
4069	81A-389.91	Gia Lai	4769	79A-503.55	Khánh Hòa	5469	79C-211.35	Khánh Hòa	6169	79A-503.28	Khánh Hòa	6869	81A-390.01	Gia Lai
4070	81A-389.98	Gia Lai	4770	79A-503.64	Khánh Hòa	5470	79C-211.40	Khánh Hòa	6170	79A-503.34	Khánh Hòa	6870	81C-257.11	Gia Lai
4071	81A-390.03	Gia Lai	4771	79A-503.70	Khánh Hòa	5471	79C-211.53	Khánh Hòa	6171	79A-503.47	Khánh Hòa	6871	81C-257.13	Gia Lai
4072	81A-390.11	Gia Lai	4772	79C-211.15	Khánh Hòa	5472	79C-211.57	Khánh Hòa	6172	79A-503.59	Khánh Hòa	6872	81C-257.19	Gia Lai
4073	81C-257.25	Gia Lai	4773	79C-211.18	Khánh Hòa	5473	79C-211.59	Khánh Hòa	6173	79A-503.61	Khánh Hòa	6873	81C-257.29	Gia Lai
4074	81C-257.34	Gia Lai	4774	79C-211.27	Khánh Hòa	5474	81A-389.80	Gia Lai	6174	79A-503.63	Khánh Hòa	6874	81C-257.47	Gia Lai
4075	81C-257.37	Gia Lai	4775	79C-211.42	Khánh Hòa	5475	81A-390.09	Gia Lai	6175	79C-211.14	Khánh Hòa	6875	81C-257.48	Gia Lai
4076	81C-257.41	Gia Lai	4776	79C-211.44	Khánh Hòa	5476	81C-257.10	Gia Lai	6176	79C-211.16	Khánh Hòa	6876	81C-257.49	Gia Lai
4077	81C-257.42	Gia Lai	4777	81A-389.68	Gia Lai	5477	81C-257.12	Gia Lai	6177	79C-211.17	Khánh Hòa	6877	81C-257.54	Gia Lai
4078	82A-127.66	Kon Tum	4778	81A-389.81	Gia Lai	5478	81C-257.20	Gia Lai	6178	79C-211.37	Khánh Hòa	6878	82A-127.88	Kon Tum
4079	82A-127.89	Kon Tum	4779	81A-389.95	Gia Lai	5479	81C-257.26	Gia Lai	6179	79C-211.41	Khánh Hòa	6879	82A-128.89	Kon Tum
4080	82A-128.28	Kon Tum	4780	81C-257.09	Gia Lai	5480	81C-257.51	Gia Lai	6180	79C-211.47	Khánh Hòa	6880	82A-129.29	Kon Tum
4081	82A-128.66	Kon Tum	4781	81C-257.14	Gia Lai	5481	82A-127.86	Kon Tum	6181	79C-211.52	Khánh Hòa	6881	82A-129.69	Kon Tum
4082	82A-129.88	Kon Tum	4782	81C-257.16	Gia Lai	5482	82A-127.99	Kon Tum	6182	81A-389.84	Gia Lai	6882	82A-130.89	Kon Tum
4083	82C-078.39	Kon Tum	4783	81C-257.17	Gia Lai	5483	82A-128.39	Kon Tum	6183	81A-389.85	Gia Lai	6883	82B-012.69	Kon Tum
4084	82D-003.33	Kon Tum	4784	81C-257.38	Gia Lai	5484	82A-129.66	Kon Tum	6184	81A-389.90	Gia Lai	6884	82B-012.79	Kon Tum
4085	82D-003.79	Kon Tum	4785	81C-257.50	Gia Lai	5485	82A-130.69	Kon Tum	6185	81A-390.02	Gia Lai	6885	82B-012.88	Kon Tum
4086	82D-004.39	Kon Tum	4786	81C-257.52	Gia Lai	5486	82A-131.66	Kon Tum	6186	81A-390.05	Gia Lai	6886	82C-076.86	Kon Tum
4087	83A-168.11	Sóc Trăng	4787	82A-127.27	Kon Tum	5487	82C-076.88	Kon Tum	6187	81C-257.31	Gia Lai	6887	82C-077.69	Kon Tum
4088	83A-168.18	Sóc Trăng	4788	82A-127.79	Kon Tum	5488	82C-077.89	Kon Tum	6188	81C-257.53	Gia Lai	6888	82D-002.68	Kon Tum
4089	83A-168.21	Sóc Trăng	4789	82A-129.89	Kon Tum	5489	82D-002.66	Kon Tum	6189	82A-128.99	Kon Tum	6889	82D-003.89	Kon Tum

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4090	83A-168.22	Sóc Trăng	4790	82A-130.99	Kon Tum	5490	82D-003.86	Kon Tum	6190	82A-129.79	Kon Tum	6890	83A-167.39	Sóc Trăng
4091	83A-168.28	Sóc Trăng	4791	82A-131.79	Kon Tum	5491	83A-167.79	Sóc Trăng	6191	82A-130.79	Kon Tum	6891	83A-167.67	Sóc Trăng
4092	83A-168.37	Sóc Trăng	4792	82A-131.88	Kon Tum	5492	83A-168.07	Sóc Trăng	6192	82A-131.68	Kon Tum	6892	83A-168.13	Sóc Trăng
4093	83C-122.05	Sóc Trăng	4793	82B-012.12	Kon Tum	5493	83A-168.26	Sóc Trăng	6193	82B-012.34	Kon Tum	6893	83A-168.36	Sóc Trăng
4094	83D-004.54	Sóc Trăng	4794	82B-012.39	Kon Tum	5494	83B-019.57	Sóc Trăng	6194	82B-012.68	Kon Tum	6894	83B-019.52	Sóc Trăng
4095	83D-004.62	Sóc Trăng	4795	82C-076.99	Kon Tum	5495	83C-122.07	Sóc Trăng	6195	82C-076.39	Kon Tum	6895	83C-122.04	Sóc Trăng
4096	83D-004.67	Sóc Trăng	4796	82C-077.68	Kon Tum	5496	83C-122.08	Sóc Trăng	6196	82C-076.66	Kon Tum	6896	83C-122.18	Sóc Trăng
4097	83D-004.70	Sóc Trăng	4797	82C-077.79	Kon Tum	5497	83D-004.51	Sóc Trăng	6197	82D-003.66	Kon Tum	6897	83D-004.57	Sóc Trăng
4098	84A-121.68	Trà Vinh	4798	82D-002.69	Kon Tum	5498	84A-122.86	Trà Vinh	6198	83A-168.00	Sóc Trăng	6898	83D-004.69	Sóc Trăng
4099	84A-122.33	Trà Vinh	4799	82D-003.39	Kon Tum	5499	84A-123.68	Trà Vinh	6199	83A-168.04	Sóc Trăng	6899	84A-122.66	Trà Vinh
4100	84A-122.77	Trà Vinh	4800	82D-003.88	Kon Tum	5500	84A-124.24	Trà Vinh	6200	83A-168.15	Sóc Trăng	6900	84A-122.68	Trà Vinh
4101	84A-123.23	Trà Vinh	4801	83A-167.69	Sóc Trăng	5501	84A-124.39	Trà Vinh	6201	83A-168.35	Sóc Trăng	6901	84A-122.89	Trà Vinh
4102	84A-124.86	Trà Vinh	4802	83A-167.99	Sóc Trăng	5502	84B-016.03	Trà Vinh	6202	83C-122.00	Sóc Trăng	6902	84A-122.99	Trà Vinh
4103	84B-016.10	Trà Vinh	4803	83A-168.06	Sóc Trăng	5503	84B-016.08	Trà Vinh	6203	83C-122.15	Sóc Trăng	6903	84A-123.39	Trà Vinh
4104	84D-001.79	Trà Vinh	4804	83A-168.14	Sóc Trăng	5504	84B-016.13	Trà Vinh	6204	83D-004.60	Sóc Trăng	6904	84A-125.39	Trà Vinh
4105	85A-120.02	Ninh Thuận	4805	83A-168.24	Sóc Trăng	5505	84C-112.12	Trà Vinh	6205	83D-004.63	Sóc Trăng	6905	84B-016.20	Trà Vinh
4106	85A-120.39	Ninh Thuận	4806	83A-168.31	Sóc Trăng	5506	84D-001.61	Trà Vinh	6206	84A-121.39	Trà Vinh	6906	84C-112.89	Trà Vinh
4107	85A-120.66	Ninh Thuận	4807	83A-168.32	Sóc Trăng	5507	84D-001.63	Trà Vinh	6207	84A-121.86	Trà Vinh	6907	84D-001.71	Trà Vinh
4108	85A-124.39	Ninh Thuận	4808	83A-168.34	Sóc Trăng	5508	84D-001.64	Trà Vinh	6208	84A-122.39	Trà Vinh	6908	84D-001.72	Trà Vinh
4109	85B-010.52	Ninh Thuận	4809	83B-019.56	Sóc Trăng	5509	84D-001.78	Trà Vinh	6209	84A-124.69	Trà Vinh	6909	85A-120.00	Ninh Thuận
4110	85C-078.06	Ninh Thuận	4810	83B-019.60	Sóc Trăng	5510	85A-120.69	Ninh Thuận	6210	84B-016.16	Trà Vinh	6910	85A-120.79	Ninh Thuận
4111	85D-003.05	Ninh Thuận	4811	83D-004.52	Sóc Trăng	5511	85A-120.89	Ninh Thuận	6211	84C-112.66	Trà Vinh	6911	85A-121.79	Ninh Thuận
4112	85D-003.17	Ninh Thuận	4812	83D-004.59	Sóc Trăng	5512	85A-121.69	Ninh Thuận	6212	84D-001.73	Trà Vinh	6912	85A-122.39	Ninh Thuận
4113	85D-003.18	Ninh Thuận	4813	84A-122.79	Trà Vinh	5513	85A-122.79	Ninh Thuận	6213	84D-001.74	Trà Vinh	6913	85B-010.57	Ninh Thuận
4114	86A-277.68	Bình Thuận	4814	84A-123.69	Trà Vinh	5514	85A-123.99	Ninh Thuận	6214	84D-001.80	Trà Vinh	6914	85B-010.68	Ninh Thuận
4115	86A-278.66	Bình Thuận	4815	84A-123.86	Trà Vinh	5515	85B-010.54	Ninh Thuận	6215	85A-121.39	Ninh Thuận	6915	85C-078.04	Ninh Thuận
4116	86A-279.66	Bình Thuận	4816	84B-016.01	Trà Vinh	5516	85C-078.08	Ninh Thuận	6216	85A-122.33	Ninh Thuận	6916	85D-003.01	Ninh Thuận
4117	86A-280.07	Bình Thuận	4817	84C-112.69	Trà Vinh	5517	85C-078.09	Ninh Thuận	6217	85A-123.23	Ninh Thuận	6917	85D-003.02	Ninh Thuận
4118	86B-021.20	Bình Thuận	4818	84C-112.88	Trà Vinh	5518	85D-003.04	Ninh Thuận	6218	85A-123.68	Ninh Thuận	6918	85D-003.06	Ninh Thuận
4119	86C-188.89	Bình Thuận	4819	84D-001.65	Trà Vinh	5519	85D-003.11	Ninh Thuận	6219	85B-010.70	Ninh Thuận	6919	85D-003.10	Ninh Thuận
4120	86C-188.99	Bình Thuận	4820	84D-001.68	Trà Vinh	5520	85D-003.14	Ninh Thuận	6220	85C-078.01	Ninh Thuận	6920	85D-003.16	Ninh Thuận

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4121	86C-189.66	Bình Thuận	4821	84D-001.75	Trà Vinh	5521	86A-277.86	Bình Thuận	6221	85D-003.07	Ninh Thuận	6921	86A-277.39	Bình Thuận
4122	86D-002.54	Bình Thuận	4822	84D-001.77	Trà Vinh	5522	86A-277.88	Bình Thuận	6222	85D-003.12	Ninh Thuận	6922	86A-277.66	Bình Thuận
4123	86D-002.59	Bình Thuận	4823	85A-120.99	Ninh Thuận	5523	86A-279.69	Bình Thuận	6223	85D-003.19	Ninh Thuận	6923	86A-277.99	Bình Thuận
4124	86D-002.61	Bình Thuận	4824	85A-122.89	Ninh Thuận	5524	86A-279.89	Bình Thuận	6224	86A-279.39	Bình Thuận	6924	86A-279.86	Bình Thuận
4125	86D-002.62	Bình Thuận	4825	85A-122.99	Ninh Thuận	5525	86A-280.02	Bình Thuận	6225	86A-280.10	Bình Thuận	6925	86A-280.04	Bình Thuận
4126	89A-447.66	Hưng Yên	4826	85B-010.65	Ninh Thuận	5526	86A-280.14	Bình Thuận	6226	86B-021.16	Bình Thuận	6926	86A-280.09	Bình Thuận
4127	89A-447.68	Hưng Yên	4827	85D-003.13	Ninh Thuận	5527	86B-021.11	Bình Thuận	6227	86D-002.51	Bình Thuận	6927	86A-280.15	Bình Thuận
4128	89A-447.81	Hưng Yên	4828	86A-278.68	Bình Thuận	5528	86B-021.14	Bình Thuận	6228	86D-002.58	Bình Thuận	6928	86C-188.69	Bình Thuận
4129	89A-447.82	Hưng Yên	4829	86A-278.86	Bình Thuận	5529	86C-188.79	Bình Thuận	6229	86D-002.60	Bình Thuận	6929	86C-189.69	Bình Thuận
4130	89A-447.87	Hưng Yên	4830	86A-278.89	Bình Thuận	5530	86C-189.86	Bình Thuận	6230	86D-002.64	Bình Thuận	6930	86C-189.89	Bình Thuận
4131	89A-447.89	Hưng Yên	4831	86A-280.01	Bình Thuận	5531	86D-002.65	Bình Thuận	6231	86D-002.68	Bình Thuận	6931	89A-447.52	Hưng Yên
4132	89A-447.91	Hưng Yên	4832	86A-280.16	Bình Thuận	5532	89A-447.49	Hưng Yên	6232	89A-447.44	Hưng Yên	6932	89A-447.59	Hưng Yên
4133	89C-321.06	Hưng Yên	4833	86B-021.13	Bình Thuận	5533	89A-447.74	Hưng Yên	6233	89A-447.54	Hưng Yên	6933	89A-447.62	Hưng Yên
4134	89C-321.07	Hưng Yên	4834	86B-021.15	Bình Thuận	5534	89A-447.92	Hưng Yên	6234	89A-447.67	Hưng Yên	6934	89A-447.88	Hưng Yên
4135	89C-321.20	Hưng Yên	4835	86C-189.88	Bình Thuận	5535	89C-321.05	Hưng Yên	6235	89A-447.71	Hưng Yên	6935	89C-321.03	Hưng Yên
4136	89C-321.32	Hưng Yên	4836	86D-002.39	Bình Thuận	5536	89C-321.09	Hưng Yên	6236	89A-447.76	Hưng Yên	6936	89C-321.11	Hưng Yên
4137	89C-321.34	Hưng Yên	4837	86D-002.67	Bình Thuận	5537	89C-321.10	Hưng Yên	6237	89A-447.79	Hưng Yên	6937	89C-321.15	Hưng Yên
4138	89C-321.42	Hưng Yên	4838	89A-447.65	Hưng Yên	5538	89C-321.29	Hưng Yên	6238	89A-447.85	Hưng Yên	6938	89C-321.18	Hưng Yên
4139	90A-253.54	Hà Nam	4839	89A-447.84	Hưng Yên	5539	90A-253.58	Hà Nam	6239	89C-321.02	Hưng Yên	6939	89C-321.23	Hưng Yên
4140	90A-253.70	Hà Nam	4840	89A-447.90	Hưng Yên	5540	90A-253.64	Hà Nam	6240	89C-321.08	Hưng Yên	6940	89C-321.24	Hưng Yên
4141	90A-253.76	Hà Nam	4841	89C-321.12	Hưng Yên	5541	90A-253.65	Hà Nam	6241	89C-321.36	Hưng Yên	6941	89C-321.25	Hưng Yên
4142	90A-253.88	Hà Nam	4842	89C-321.14	Hưng Yên	5542	90A-253.72	Hà Nam	6242	89C-321.49	Hưng Yên	6942	89C-321.40	Hưng Yên
4143	90A-253.97	Hà Nam	4843	90A-253.71	Hà Nam	5543	90A-253.74	Hà Nam	6243	89C-321.50	Hưng Yên	6943	90A-253.59	Hà Nam
4144	90A-253.99	Hà Nam	4844	90A-253.87	Hà Nam	5544	90A-253.89	Hà Nam	6244	90A-253.57	Hà Nam	6944	90A-253.62	Hà Nam
4145	90A-254.01	Hà Nam	4845	90A-253.92	Hà Nam	5545	90A-254.10	Hà Nam	6245	90A-253.60	Hà Nam	6945	90A-253.77	Hà Nam
4146	90A-254.17	Hà Nam	4846	90A-254.07	Hà Nam	5546	90A-254.19	Hà Nam	6246	90A-253.85	Hà Nam	6946	90A-253.79	Hà Nam
4147	90A-254.18	Hà Nam	4847	90A-254.33	Hà Nam	5547	90A-254.22	Hà Nam	6247	90A-254.02	Hà Nam	6947	90A-253.82	Hà Nam
4148	90A-254.34	Hà Nam	4848	90A-254.42	Hà Nam	5548	90A-254.40	Hà Nam	6248	90A-254.08	Hà Nam	6948	90A-253.83	Hà Nam
4149	90A-254.35	Hà Nam	4849	90A-254.43	Hà Nam	5549	90A-254.50	Hà Nam	6249	90A-254.09	Hà Nam	6949	90A-253.84	Hà Nam
4150	90A-254.36	Hà Nam	4850	90A-254.45	Hà Nam	5550	90A-254.52	Hà Nam	6250	90A-254.11	Hà Nam	6950	90A-253.90	Hà Nam
4151	90A-254.39	Hà Nam	4851	92A-372.79	Quảng Nam	5551	92A-372.88	Quảng Nam	6251	90A-254.14	Hà Nam	6951	90A-253.94	Hà Nam

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
4152	90A-254.49	Hà Nam	4852	92A-372.86	Quảng Nam	5552	92A-373.69	Quảng Nam	6252	90A-254.30	Hà Nam	6952	90A-253.95	Hà Nam
4153	92A-370.88	Quảng Nam	4853	92A-373.79	Quảng Nam	5553	92A-373.88	Quảng Nam	6253	90A-254.31	Hà Nam	6953	90A-254.21	Hà Nam
4154	92A-372.99	Quảng Nam	4854	92A-373.89	Quảng Nam	5554	92B-031.06	Quảng Nam	6254	90A-254.53	Hà Nam	6954	90A-254.24	Hà Nam
4155	92A-373.99	Quảng Nam	4855	92A-374.09	Quảng Nam	5555	92B-031.09	Quảng Nam	6255	92A-370.86	Quảng Nam	6955	90A-254.25	Hà Nam
4156	92A-374.05	Quảng Nam	4856	92B-031.08	Quảng Nam	5556	92B-031.10	Quảng Nam	6256	92A-374.03	Quảng Nam	6956	90A-254.26	Hà Nam
4157	92C-230.66	Quảng Nam	4857	92C-230.89	Quảng Nam	5557	92C-230.86	Quảng Nam	6257	92A-374.04	Quảng Nam	6957	90A-254.27	Hà Nam
4158	92C-230.68	Quảng Nam	4858	92D-004.40	Quảng Nam	5558	92C-231.11	Quảng Nam	6258	92B-031.01	Quảng Nam	6958	90A-254.29	Hà Nam
4159	93A-438.14	Bình Phước	4859	92D-004.42	Quảng Nam	5559	92C-231.39	Quảng Nam	6259	92C-229.89	Quảng Nam	6959	90A-254.32	Hà Nam
4160	93A-438.49	Bình Phước	4860	92D-004.45	Quảng Nam	5560	92D-004.51	Quảng Nam	6260	92C-230.99	Quảng Nam	6960	90A-254.46	Hà Nam
4161	93B-018.05	Bình Phước	4861	92D-004.60	Quảng Nam	5561	93A-438.05	Bình Phước	6261	92D-004.52	Quảng Nam	6961	90A-254.47	Hà Nam
4162	93B-018.10	Bình Phước	4862	93A-438.34	Bình Phước	5562	93A-438.06	Bình Phước	6262	93A-438.08	Bình Phước	6962	90A-254.51	Hà Nam
4163	93B-018.15	Bình Phước	4863	93A-438.36	Bình Phước	5563	93A-438.11	Bình Phước	6263	93A-438.17	Bình Phước	6963	92A-371.89	Quảng Nam
4164	93C-179.05	Bình Phước	4864	93A-438.39	Bình Phước	5564	93A-438.15	Bình Phước	6264	93A-438.28	Bình Phước	6964	92A-371.99	Quảng Nam
4165	93C-179.06	Bình Phước	4865	93A-438.41	Bình Phước	5565	93A-438.29	Bình Phước	6265	93A-438.38	Bình Phước	6965	92A-372.66	Quảng Nam
4166	93C-179.12	Bình Phước	4866	93A-438.44	Bình Phước	5566	93B-018.02	Bình Phước	6266	93A-438.47	Bình Phước	6966	92A-372.68	Quảng Nam
4167	93D-003.82	Bình Phước	4867	93B-018.11	Bình Phước	5567	93B-018.12	Bình Phước	6267	93A-438.48	Bình Phước	6967	92B-031.03	Quảng Nam
4168	93D-003.86	Bình Phước	4868	93B-018.14	Bình Phước	5568	93C-179.03	Bình Phước	6268	93B-018.06	Bình Phước	6968	92B-031.05	Quảng Nam
4169	93D-003.90	Bình Phước	4869	93B-018.17	Bình Phước	5569	93C-179.18	Bình Phước	6269	93B-018.08	Bình Phước	6969	92C-229.86	Quảng Nam
4170	95A-112.11	Hậu Giang	4870	93C-179.16	Bình Phước	5570	93D-003.83	Bình Phước	6270	93B-018.16	Bình Phước	6970	92C-229.99	Quảng Nam
4171	95A-112.21	Hậu Giang	4871	93C-179.19	Bình Phước	5571	95A-112.12	Hậu Giang	6271	93C-179.04	Bình Phước	6971	92D-004.55	Quảng Nam
4172	95A-112.25	Hậu Giang	4872	95A-112.10	Hậu Giang	5572	95A-112.13	Hậu Giang	6272	93C-179.15	Bình Phước	6972	92D-004.56	Quảng Nam
4173	95A-112.28	Hậu Giang	4873	95A-112.20	Hậu Giang	5573	95A-112.31	Hậu Giang	6273	93D-003.81	Bình Phước	6973	92D-004.57	Quảng Nam
4174	95C-078.02	Hậu Giang	4874	95A-112.27	Hậu Giang	5574	95D-020.15	Hậu Giang	6274	95A-112.05	Hậu Giang	6974	93A-438.01	Bình Phước
4175	95C-078.17	Hậu Giang	4875	95A-112.30	Hậu Giang	5575	95D-020.21	Hậu Giang	6275	95A-112.08	Hậu Giang	6975	93A-438.18	Bình Phước
4176	95D-020.12	Hậu Giang	4876	95A-112.38	Hậu Giang	5576	95D-020.26	Hậu Giang	6276	95A-112.17	Hậu Giang	6976	93A-438.31	Bình Phước
4177	95D-020.22	Hậu Giang	4877	95B-009.83	Hậu Giang	5577	98A-703.19	Bắc Giang	6277	95A-112.43	Hậu Giang	6977	93A-438.33	Bình Phước
4178	98A-703.23	Bắc Giang	4878	95C-078.04	Hậu Giang	5578	98A-703.26	Bắc Giang	6278	95A-112.48	Hậu Giang	6978	93B-018.09	Bình Phước
4179	98A-703.35	Bắc Giang	4879	95C-078.10	Hậu Giang	5579	98A-703.49	Bắc Giang	6279	95A-112.51	Hậu Giang	6979	93C-179.01	Bình Phước
4180	98A-703.36	Bắc Giang	4880	95C-078.13	Hậu Giang	5580	98A-703.51	Bắc Giang	6280	95B-009.85	Hậu Giang	6980	93C-179.02	Bình Phước
4181	98A-703.41	Bắc Giang	4881	95D-020.13	Hậu Giang	5581	98A-703.52	Bắc Giang	6281	95B-009.86	Hậu Giang	6981	93D-003.88	Bình Phước
4182	98A-703.57	Bắc Giang	4882	95D-020.14	Hậu Giang	5582	98A-703.84	Bắc Giang	6282	95D-020.27	Hậu Giang	6982	95A-112.14	Hậu Giang

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 13h30'-14h00'			Thời gian đấu giá: 14h15'-14h45'			Thời gian đấu giá: 15h00'-15h30'			Thời gian đấu giá: 15h45'-16h15'			Thời gian đấu giá: 16h30'-17h00'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
4183	98A-703.64	Bắc Giang	4883	95D-020.18	Hậu Giang	5583	98A-703.89	Bắc Giang	6283	98A-703.24	Bắc Giang	6983	95A-112.41	Hậu Giang
4184	98A-703.69	Bắc Giang	4884	95D-020.25	Hậu Giang	5584	98A-704.08	Bắc Giang	6284	98A-703.31	Bắc Giang	6984	95A-112.44	Hậu Giang
4185	98A-703.75	Bắc Giang	4885	98A-703.27	Bắc Giang	5585	98A-704.12	Bắc Giang	6285	98A-703.37	Bắc Giang	6985	95B-009.81	Hậu Giang
4186	98A-703.81	Bắc Giang	4886	98A-703.28	Bắc Giang	5586	99A-734.86	Bắc Ninh	6286	98A-703.42	Bắc Giang	6986	95B-009.88	Hậu Giang
4187	98A-703.96	Bắc Giang	4887	98A-703.50	Bắc Giang	5587	99A-734.99	Bắc Ninh	6287	98A-703.76	Bắc Giang	6987	95C-078.16	Hậu Giang
4188	99A-734.74	Bắc Ninh	4888	98A-703.58	Bắc Giang	5588	99A-735.01	Bắc Ninh	6288	98A-703.95	Bắc Giang	6988	95D-020.19	Hậu Giang
4189	99A-734.78	Bắc Ninh	4889	98A-703.87	Bắc Giang	5589	99A-735.09	Bắc Ninh	6289	98A-704.18	Bắc Giang	6989	98A-703.38	Bắc Giang
4190	99A-734.90	Bắc Ninh	4890	98A-703.91	Bắc Giang	5590	99A-735.14	Bắc Ninh	6290	99A-734.81	Bắc Ninh	6990	98A-703.61	Bắc Giang
4191	99A-735.08	Bắc Ninh	4891	98A-703.98	Bắc Giang	5591	99A-735.21	Bắc Ninh	6291	99A-734.98	Bắc Ninh	6991	98A-703.63	Bắc Giang
4192	99A-735.13	Bắc Ninh	4892	99A-734.80	Bắc Ninh	5592	99A-735.23	Bắc Ninh	6292	99A-735.07	Bắc Ninh	6992	98A-703.71	Bắc Giang
4193	99A-735.22	Bắc Ninh	4893	99A-734.84	Bắc Ninh	5593	99A-735.29	Bắc Ninh	6293	99A-735.10	Bắc Ninh	6993	98A-703.72	Bắc Giang
4194	99A-735.24	Bắc Ninh	4894	99A-734.88	Bắc Ninh	5594	99A-735.30	Bắc Ninh	6294	99A-735.19	Bắc Ninh	6994	98A-703.90	Bắc Giang
4195	99A-735.33	Bắc Ninh	4895	99A-735.27	Bắc Ninh	5595	99A-735.41	Bắc Ninh	6295	99A-735.20	Bắc Ninh	6995	98A-704.11	Bắc Giang
4196	99A-735.35	Bắc Ninh	4896	99A-735.37	Bắc Ninh	5596	99A-735.43	Bắc Ninh	6296	99A-735.28	Bắc Ninh	6996	99A-734.92	Bắc Ninh
4197	99A-735.47	Bắc Ninh	4897	99A-735.64	Bắc Ninh	5597	99A-735.59	Bắc Ninh	6297	99A-735.46	Bắc Ninh	6997	99A-735.04	Bắc Ninh
4198	99A-735.73	Bắc Ninh	4898	99A-735.65	Bắc Ninh	5598	99A-735.61	Bắc Ninh	6298	99A-735.51	Bắc Ninh	6998	99A-735.18	Bắc Ninh
4199	99C-301.20	Bắc Ninh	4899	99A-735.72	Bắc Ninh	5599	99A-735.67	Bắc Ninh	6299	99A-735.56	Bắc Ninh	6999	99A-735.54	Bắc Ninh
4200	99C-301.21	Bắc Ninh	4900	99C-301.19	Bắc Ninh	5600	99A-735.69	Bắc Ninh	6300	99A-735.71	Bắc Ninh	7000	99A-735.58	Bắc Ninh